diễn đàn

Số 119/ 6.2002 ISSN 1164-2378

F O R U M

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

1 Bứt dây, chưa động rừng — Hoà Vân
6 Tin / Thời sự
11 Việt Nam, đất và nước mùa hạ 2002 — Nguyễn Giang
14 Thế kỷ này lên hai... — Nguyễn Quang

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

16 Toàn cầu hoá, bản sắc dân tộc... — Văn Ngọc
20 Câu hát tìm nhau — Quế Hương
23 Truyện dịch của Miêng — Văn Ngọc
24 Chuyện ông Móng — Nguyễn Huy Thiệp
26 Một lương tâm văn học — Bùi Ngọc Tấn
28 Vũ Bão : Kho chuyện cười — Hồ Anh Thái
31 Giới thiệu một kho ảnh Việt Nam — Nguyễn Dư

Thơ Phạm Tăng (tr.23)

Bứt dây, chưa động rừng

Hoà Vân

Theo thiếu tướng công an Nguyễn Việt Thành, trưởng ban chuyên án vụ án trùm mafia Năm Cam (xem DĐ số 117), việc điều tra có thể phải kéo dài đến giữa tháng 10 (thay vì tháng 7 như đã dự định). Lý do, theo ông Thành, là vì số đối tượng liên can quá nhiều, cần điều tra thật kỹ để không xảy ra sai sót... Con số ông đưa ra trong cuộc gặp các nhà báo ngày 22.5 là 123 đối tượng đã bị khởi tố, 87 bị bắt tạm giam. Ngày hôm trước, ông Trương Vĩnh Trọng, bí thư trung ương đảng, trưởng ban nội chính trung ương, trong một bài trả lời phỏng vấn của báo Nhân Dân đưa các con số 118 người bị khởi tố, 78 bị bắt tạm giam, 24 người được tại ngoại điều tra và 17 ra đầu thú.

Những đường dây bảo vệ cho Năm Cam

Tuy nhiên, những con số đó không nói lên một khía cạnh được báo chí trong nước nêu lên nổi bật trong thời gian qua, phản ánh mối quan tâm hàng đầu của người dân : không phải về bản thân những tội ác của ông trùm và đàn em như tổ chức cờ bạc, cho vay nặng lãi, đâm thuê chém mướn, hệ thống đĩ điếm v.v., mà là về những đường dây bảo vệ Năm Cam đã gây dựng được trong bộ máy " pháp luật " của nhà nước. Không có những đường dây ấy, Năm Cam đã không thể hoành hành ở mức rộng lớn như vậy.

Riêng **trong ngành công an**, hầu như toàn bộ lãnh đạo phòng Cảnh sát hình sự (CSHS) thành phố HCM đã sa lưới : thượng tá Dương Minh Ngọc, anh hùng các lực lượng vũ trang, trưởng phòng ; thiếu tá Trần Văn Cam, phó phòng ; Quang Hữu Dũng, nguyên phó phòng, nguyên đội trưởng CSHS quận 8, đã chuyển sang làm trưởng phòng Cảnh sát đường thuỷ ; trung tá Lê Minh Hùng, đội trưởng đội CSHS quận 8 ; thiếu tá Phạm Minh Nghĩa, trực ban hình sự công an phường 11, quận 3 ; đại uý Võ Văn Tâm, đội trưởng đội 'Chống tệ nạn mãi dâm, cờ bạc'...

Ông Ngọc bị khởi tố về 4 tội : " *che giấu tội phạm, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, nhận hối lộ và lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi* ", và bị bắt ngày 15.5, sau hai tháng bị đình chỉ công tác

(xem tiếp trang 4)

Tiếc quyển sách hay

Đọc quyển ***Truyện Kiều và các nhà nho thế kỷ XIX*** của ông Phạm Đan Quế (nxb Văn Học, 2000), tôi vừa thích thú vừa khó chịu. Thích vì nhà biên soạn đã dày công tìm được nhiều bài của các danh nho viết về Truyện Kiều ; khó chịu vì sách " tái bản có bổ sung " mà sai sót không thể kể hết !

1) Bài thơ của Lý Thương Ẩn (tr.28) ông chép sai đến 15 %. Sợ nói không ai tin, tôi chụp bản chữ Hán trong quyển ***Lý Thương Ẩn thi tuyển*** (Nhân dân Văn hoá Xuất bản xã, Bắc Kinh, 1978) kèm theo bài Phạm Quân chép để đối chiếu. Tôi gạch dưới những chữ sai và viết chữ đúng vào bên lề.

Bạn đọc và Diễn Đàn

2) Ông lầm loại *chữ Hán viết như nhau* nhưng *đọc hai âm, hai nghĩa*. Xin nêu vài chữ ở cuối tr. 33 :

* chữ (1) có hai âm : *linh* và *lệnh*. Ở đây đọc *linh nhân* nghĩa là *khiến cho người ta...* chứ âm *lệnh* (hai lần) như ông là sai, vô nghĩa.

* chữ (2) cũng có hai âm : *thăng* và *thắng*. Ở đây đọc *bất thăng* nghĩa là khôn xiết chứ đọc *bất thắng* như ông là vô nghĩa.

Bài thơ Cẩm Sắt của Lý Thương Ẩn : Cẩm

Cẩm sắt vô đoan ngũ thập huyền Cẩm
Nhất huyền nhất trục tứ hoa niên trụ
Trang sinh hiển mộng mơ hồ điệp hiểu mê
Thục đế xuân tâm thác dỗ quyên Vọng
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ
Lam Điền nhật noãn ngọc sinh yên
Thử tình khả đãi thành trung ức truy
Chỉ thị đương thời dĩ võng niên. nhiên

锦　瑟(一)

锦瑟无端五十弦，一弦一柱思华年(二)。庄生晓梦迷蝴蝶(三)，望帝春心托杜鹃(四)。沧海月明珠有泪(五)，蓝田日暖玉生烟(六)。此情可待成追忆，只是当时已惘然(七)！

3) Chữ Hán mà tự dạng hơi giống nhau là ông lầm chữ này ra chữ khác. Ví dụ :

* tr.33, hàng 3 : chữ *túng* (3) ông phiên âm là *tòng* (4).
* tr.40, hàng 4 : chữ *hạt* (5) ông phiên âm là *cát* (6).
* tr.40, hàng 6 : chữ *hồn* (7) ông phiên âm là *huy* (8).
* tr.33, hàng 3 : chữ *đãi* (9) ông phiên âm là *thuỷ* (10).
* tr.33, hàng 3 : chữ *sậu* (11) ông phiên âm là *tụ* (12).

4) Không phải chỉ có chữ Hán phiên âm sai. Chữ Việt cũng sai rất nhiều. Chỉ nêu một chữ ở cuối tr. 60 : " *Những bản án còn lại đã trích ở quyển* TỪ LẤY KIỀU, ĐỐ KIỀU ĐẾN... ". Không phải TỪ LẤY KIỀU. Theo văn lý thì phải viết : *Từ lẩy Kiều...*

Nguyễn Hữu Thành (*Paris*, Pháp)

(1)令 (2)勝 (3)縱 (4)從 (5)曷 (6)葛
(7)渾 (8)揮 (9)始 (10)始 (11)驟 (12)聚

sinh hoạt nghệ thuật

récits d'Asie

peintures, collages et écritures de

Régis Martin et **Tuyet Pham**

du 6 juin au 13 juillet 2002

mercredi de 18 h et 21 h, samedi de 14 h à 21 h

Galerie-Librairie IMPRESSIONS
98 rue Quincampoix 75003 PARIS
Tél : 01 42 76 01 04

Chương trình lưu diễn của Nguyên Lê

Tháng 6.02 : từ ngày 3 đến 7 tại **Amsterdam**, Hà Lan (Vince Mendoza & Metropole orchestra), ngày 10 tại **Amsterdam** (masterclass at conser-vatory), 15 tại **Delmenhorst**, Đức (với Hương Thanh "Dragonfly"), 17 và 18 tại **Hannover** (với Hương Thanh "Dragonfly"), 19 tại Nuremberg (với Hương Thanh "Dragonfly"), 20 tại **Wien**, Áo (với Hương Thanh "Dragonfly").

Tháng 7.02 : ngày 6 tại **Oloron** (với Hương Thanh "Dragonfly"), ngày 13 tại **Teano,** Italia (với Paolo Fresu Angel Quartet), 17/18 tại **Pori**, Finland (Nguyên Lê trio), 19 tại **Millau**, Pháp (với Paolo Fresu Angel Quartet), 22 tại **Castelbasso**, Italia (với Paolo Fresu Angel Quartet), 23 tại **Piacenza**, Italia (với Paolo Fresu Angel Quartet), 24 tại **Siena**, Italia (với Paolo Fresu Angel Quartet)

DIỄN ĐÀN FORUM

—

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

SÁCH MỚI SÁCH MỚI SÁCH MỚI

Tuyển tập Hoàng Phủ Ngọc Tường, 3 tập (340, 860 và 412 trang), Nhà xuất bản Trẻ, 2002.

Do Trần Thức tuyển chọn. Lẽ ra đây phải gọi là Tuyển tập *văn xuôi* của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Tập hợp những bài kí xuất bản trong 30 năm qua. Tập 1 gồm 80 bài tuyển chọn trong 3 tập Nhàn đàm, tập 2 và 3 gồm những bút kí chọn từ 9 tập bút kí của " *một trong số mấy nhà văn viết kí hay nhất của văn học ta hiện nay* " (lời Nguyên Ngọc). Phát hành đúng dịp Mondial 2002, đây là món quà cho tác giả và độc giả : 4 năm qua, từ mùa Mondial 1998, Hoàng Phủ phải chống trả với trọng bệnh.

Thượng tướng Hoàng Cầm, ***Chặng đường mười nghìn ngày***, hồi ức do Nhật Tiến thể hiện, tái bản có bổ sung, Nxb Quân đội Nhân dân, 2001, 448 trang.

Nói tới Hoàng Cầm, người ta nghĩ tới (1) nhà thơ của *Lá diêu bông* huyền thoại, hay (2) người sáng chế ra cái bếp không khói, lừng danh từ trận Điện Biên Phủ. Ở Điện Biên Phủ, có một Hoàng Cầm nữa, là đại tá chỉ huy Trung đoàn 312 là đơn vị đã cắm cờ trên sở chỉ huy của tướng de Castries. Bốn năm trước, đơn vị của ông đã chiến thắng ở Đông Khê trong chiến dịch biên giới. Cuộc đời chiến đấu của ông, năm 1965, lại tiếp tục trên chiến trường miền Nam : Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Phước Long, Đồng Xoài... đến chiến dịch Hồ Chí Minh mùa xuân năm 1975. Cuốn hồi ức này kể lại một cách trung thực đường đi và chiến công của một nông dân mà cách mạng 1945 đã thực sự " đổi đời ". Mang lại nhiều thông tin và tình tiết không có trong quân sử chính thống, về cá nhân tác giả cũng như về những đồng đội gắn bó với ông từ Điện Biên Phủ đến chiến trường miền đông Nam Bộ (Nguyễn Chí Thanh, Lê Trọng Tấn, Trần Độ...). Lạ một điều : ông không kể gì hết về cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968 mà đâu đó trong sách, ông nói đã tham gia. Sao vậy ?

Nhật Tuấn, ***Retour à la jungle***, traduit par Phan Huy Đường et Đặng Trần Phương, Ed. Philippe Picquier, 2002, 19,5 €.

Bản dịch *Đi về nơi hoang dã*, một trong những cuốn tiểu thuyết đánh dấu thời kì đổi mới trong văn học (cuối thập niên 80). Một dịp để biểu dương công sức của các dịch giả đã giới thiệu cho độc giả Pháp hơn 40 tác phẩm và tác giả Việt Nam trong hơn 10 năm qua. K.V.

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 10 €, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 2 € (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).
Quảng cáo : 1/8 trang : 35 €, 1/4 trang : 60 €, 1/2 trang : 100 € trang, 1 trang : 200 € (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).
Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.
Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 5 € (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên : .....

Địa chỉ : .....

.....

Email : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng ..... (số .....)
Kèm theo đây là ngân phiếu : ..... €

Giá mua 1 năm báo (11 số)
Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €
Châu Âu ngoài Pháp : 45 €
Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS.

Châu Âu thuộc khối liên hiệp Âu châu UE : có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền 45 € vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn.

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thuỵ Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE,
Numer Banku :10 50 12 85, Numer Konta : 22 55 95 51 85, Pesel : 480 91 64 10 10

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc **và các nước khác** : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Bứt dây... *(tiếp theo trang 1)*

để làm kiểm điểm. Theo tài liệu điều tra, thượng tá Ngọc, 47 tuổi, giữ chức trưởng phòng CSHS từ năm 1998, quen biết Năm Cam từ năm 1993 (có dư luận rằng ông còn kết nghĩa anh em với " ông trùm "). Biết Năm Cam hoạt động cờ bạc ở thành phố, ông Ngọc đã nhiều lần yêu cầu " người anh em " cho tiền khi đi công tác, tiếp khách. Đổi lại Năm Cam được " yên ổn làm ăn ". Nhờ sự bảo vệ của thượng tá Ngọc, nhiều vụ án hình sự liên quan đến băng nhóm tội phạm này vì vậy không phá được, hoặc bị làm sai lệch tính chất vụ án. Điển hình là vụ cảnh sát hình sự Phan Lê Sơn bị côn đồ sát hại, nhưng ông Ngọc chỉ đạo điều tra " lệch " để chạy tội cho hung thủ. Việc điều tra còn cho thấy ông Ngọc đã nhận tiền của Năm Cam để xây nhà và chu cấp tiền cho con đi du học tự túc tại Australia. Ông Ngọc còn có phần hùn vốn ở các nhà hàng của Năm Cam như Cánh Buồm, Ra Khơi, Thanh Vi, mỗi nơi hùn 100 triệu đồng (khoảng 7 000 USD)...

Nhân vật thứ hai, cũng thượng tá, là ông Nguyễn Mạnh Trung, nguyên phó phòng Cảnh sát điều tra TP HCM, bị bắt ngày 21.5 về tội " *thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng* ". Ngôi nhà 5 tầng trên đường Võ Thị Sáu của Trung cũng được khám xét ngay sau đó.

Theo điều tra ban đầu, có nhiều chứng cứ cho thấy Nguyễn Mạnh Trung đã dàn xếp cho Thọ " đại uý ", cháu ruột của Năm Cam, giữ vai trò chính trong vụ sát hại cảnh sát viên Phan Lê Sơn, bỏ trốn (đến nay vẫn đang truy nã). Ngoài ra, sau khi các đối tượng đâm chém Phan Lê Sơn đã chạy về bar Hoàng Hôn của Lê Thị Kim Anh trú ẩn, nhưng hồ sơ của Nguyễn Mạnh Trung chỉ đạo điều tra đã bỏ tình tiết này ra ngoài. Trong vụ giết người trước vũ trường Metropolis, ban giám đốc công an thành phố đã chỉ đạo phải khởi tố Hồ Mạnh Sử (đã bị bắt trong vụ Năm Cam) nhưng Nguyễn Mạnh Trung không thực hiện. Còn trong vụ giết Dung Hà mà thủ phạm là Nguyễn Tuấn Hải (tức Hải " bánh "), giám đốc công an thành phố liên tục nhắc nhở Trung phải đẩy nhanh tiến độ điều tra, nhưng vụ án vẫn " án binh bất động ".

Ngoài ra, trung tá Trần Thanh Tùng, chánh văn phòng công an thành phố, đã ra đầu thú, " *xin tự làm kiểm điểm về những quan hệ với băng nhóm tội phạm Năm Cam và tự nguyện nộp lại khoản tiền không chính đáng nhận được từ băng nhóm tội phạm này* ".

Theo tài liệu của ban chuyên án, Dương Minh Ngọc và Nguyễn Mạnh Trung là hai chủ bài của Năm Cam trong bộ máy công an thành phố HCM. Nhưng Năm Cam còn có cả một **đường dây trong quân đội** !

Theo lời khai của Châu Phát Lai Em, một côn đồ bảo kê chợ Cầu Muối, đàn em của Năm Cam, trong các năm 1984-1987 và 1994-1997, Lai Em đã được đại úy Võ Văn Ngọc, trợ lý quân báo quận 1, TP HCM, giúp đỡ tận tình, cấp cho nhiều thẻ quân báo. Có thẻ này làm 'bùa hộ mệnh', Lai Em và đồng bọn phạm tội mà vẫn thoát ngon lành. Thượng tá Võ Thành Thật, nguyên chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự quận 1, cho biết, năm 1993 ông đã nhận được thông tin rằng một số tên giang hồ ở hai phường Cầu Ông Lãnh và Nguyễn Thái Bình có thẻ chứng minh là cơ sở quân báo của ban chỉ huy quân sự quận 1 ! Đại úy Võ Văn Ngọc, trợ lý quân báo quận 1 lúc đó, đã báo cáo lại với ông Thật rằng việc xây dựng đội quân báo là " *làm theo chỉ đạo của trên* ". Năm 1996, Võ Văn Ngọc được thăng quân hàm thiếu tá...

" *Dẹp băng nhóm Năm Cam và xử lý số công an bao che mà chưa động gì đến trách nhiệm của những người đã cấp thẻ quân báo cho đàn em Năm Cam thì mới thắng lợi một nửa* ", thượng tá Thật nói. Nhưng cho đến nay, theo bài báo Tuổi Trẻ tố cáo chuyện này, Ngọc 'sọ não' (tên do giới giang hồ đặt) hình như vẫn bình chân như vại ? !

Ngoài công an, quân đội, **những nhân vật dân sự** trong bộ máy dính líu tới Năm Cam cũng không ít. Nhà báo Hoàng Linh, đã bị khởi tố và bị bắt từ ngày 22.3. Ngày 17.5 công an đã ra lệnh bắt ông Nguyễn Thập Nhất, nguyên trưởng phòng Kiểm sát giam giữ viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) TP Hà Nội, phạm tội " *nhận hối lộ và lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi* ". Nguyễn Thập Nhất là một đầu mối trong đường dây chạy án cho Năm Cam từ những năm 1995 - 1996. Thời gian đó, hoặc là thông qua Thuyết 'buôn vua', mưu sĩ của Năm Cam, hoặc trực tiếp, Nhất đã nhận của gia đình Năm Cam tổng cộng 11 nghìn USD. Gần đây nhất, khi Năm Cam đã bị bắt, Nhất đã nhận của gia đình Năm Cam 2 000 USD để hòng chạy tội cho Năm Cam. Theo báo Lao Động ngày 22.5, trong thời gian công tác tại VKS quận Hai Bà Trưng, tháng 2.1988 ông Nhất đã bị quyết định kỷ luật cảnh cáo Đảng do thiếu trung thực trong khai lý lịch đảng viên, thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác... Sau khi có quyết định kỷ luật, Nhất ra khỏi vị trí viện phó cấp quận, thế nhưng, tháng 4.1983 VKSND thành phố lại đề bạt Nhất giữ cương vị phó phòng Kiểm sát giam giữ - cải tạo, và chỉ hơn một năm sau (tháng 11.1994) Nhất được cất nhắc lên làm trưởng phòng ! Bài báo đặt câu hỏi : Ai đứng đằng sau việc cất nhắc Nguyễn Thập Nhất ? Chưa có câu trả lời.

Một 'kiểm sát viên' khác, ông Nguyễn Bá Phong, viện trưởng VKSND quận 1 TP HCM, đã bị bắt ngày 24.5, và bị truy tố về tội " *không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội* " trong vụ án cố ý đánh người gây thương tích của Châu Phát Lai Út, một đàn em khác của Năm Cam. Em của Lai Em, Lai Út là một tên tội phạm nguy hiểm đã từng bị tòa án nhân dân TP HCM kết án 17 năm tù về tội giết người. Khi được giảm án, tha về y lại tiếp tục gây án. Thế nhưng khi thụ lý vụ án này, Nguyễn Bá Phong đã " làm thất lạc hồ sơ " và ra quyết định đình chỉ điều tra, làm cho Châu Phát Lai Út thoát tội.

Hai nhân vật quan trọng

Hoàng Linh, Nguyễn Thập Nhất hay Nguyễn Bá Phong chưa phải là những đầu mối cao nhất của Năm Cam trong các bộ máy thông tin và pháp luật.

Cao hơn họ còn có ít nhất hai nhân vật khác đang được chiếu cố : các ông Trần Mai Hạnh, uỷ viên trung ương đảng, phó chủ tịch kiêm tổng thư ký hội nhà báo, tổng giám đốc đài Tiếng nói Việt Nam, và ông Phạm Sĩ Chiến, phó viện trưởng VKSND tối cao.

Sự việc bắt đầu từ năm 1995, khi đại tá Trần Văn Tạo, phó giám đốc công an TP HCM, nhận được một bản báo cáo đặc biệt của tình báo quân đội về nhân vật Trương Văn Cam, với hàng loạt thông tin về hoạt động tội phạm trong bóng tối. Bản báo cáo cũng cho biết nhiều cán bộ công an liên quan tới đối tượng – như phần trên cho thấy. Ngay bản thân ông Võ Trần Chí, lúc đó là bí thư thành uỷ cũng nói là chính ông " *không còn tin công an thành phố nữa* ". Do đó, ông Tạo đã cầm hồ

sơ ra Hà Nội trực tiếp báo cáo với thủ tướng Võ Văn Kiệt. Theo ông Tạo, thủ tướng đã bút phê chỉ đạo bộ Nội vụ (bây giờ là bộ Công an) xử lý triệt phá đường dây tội phạm này, và thành lập một ban chuyên án gồm có ông và các ông Lê Thế Tiệm (uỷ viên trung ương, lúc đó là thiếu tướng công an, nay là trung tướng, thứ trưởng bộ Công an), Trịnh Thanh Thiệp (thiếu tướng, tổng cục phó thường trực tổng cục Cảnh sát, được quyết định về hưu ít lâu sau, " *giữa khi vụ án đang ở giai đoạn quyết liệt* ", theo lời ông Thiệp nói với báo chí ngày 4.5 vừa qua). Theo ông Tạo, ban chuyên án không được VKSND tối cao phê chuẩn việc khởi tố Năm Cam nên đã chủ trương bắt y theo một quyết định 'tập trung giam giữ cải tạo' 36 tháng, nhằm có thêm thời gian lập thủ tục khởi tố. Ngày 22.5.1995, Năm Cam bị bắt. Nhưng chưa hết thời hạn 36 tháng thì Năm Cam được tha, vào tháng 7.1997.

Ngay từ tháng 2.1996, ông Trần Mai Hạnh, với tư cách phó chủ tịch kiêm tổng thư ký hội nhà báo, đã gửi công văn tới VKSND tối cao (phong bì đề tên đích danh ông Phạm Sĩ Chiến, chứ không gửi viện trưởng VKS), chuyển đơn kêu oan cho chồng của bà Phan Thị Trúc, vợ Năm Cam, và đề nghị VKSND phúc đáp để " *xử lý thông tin về vụ việc trên tạp chí và tuần báo của hội nhà báo VN* ". Tháng 9.1996, ông Phạm Sĩ Chiến ký thay viện trưởng VKSND công văn số 1333 gửi bộ Nội vụ " *kiến nghị huỷ bỏ quyết định tập trung cải tạo đối với Năm Cam* " với lý do không đúng đối tượng, không đúng quy định của pháp luật. Tháng 10.1996, ông Trần Mai Hạnh ký thêm một công văn nhắc lại công văn thứ nhất, đồng thời cho đăng trên tờ Nhà báo & Công luận mà ông làm tổng biên tập, đơn của bà Trúc, kèm theo những nhận xét nhấn mạnh Năm Cam " *chưa từng bị xử lý, giáo dục (kể cả hành chính và hình sự), chưa một lần nào bị công an bắt quả tang, lập biên bản và xử lý về hành vi tổ chức đánh bạc cũng như về hoạt động phạm pháp nào khác* ", và cho rằng Trương Văn Cam " *không thuộc diện phải đưa đi tập trung cải tạo* ". Thực ra Năm Cam đã bị bắt cải tạo một thời gian vào năm 1980. Và theo báo Thanh Niên (ngày 3.5.2002), vào thời điểm 1996, đã có nhiều tờ báo, trong đó có Thanh Niên, Tiền Phong... đăng hàng loạt bài điều tra về hoạt động tội ác của Năm Cam. Tờ báo nêu câu hỏi : " *Tại sao ông phó chủ tịch kiêm tổng thư ký hội Nhà báo VN không tham khảo thông tin điều tra trên các tờ báo trong hệ thống chính trị của mình, mà chỉ căn cứ vào khiếu nại của vợ Trương Văn Cam để có ý kiến thiên lệch mang nặng tính chất bảo vệ cho Năm Cam ?* ".

Ngày 15.5, ông Hạnh (cùng hai người khác) bị Uỷ ban thường vụ quốc hội và Hội đồng bầu cử quốc hội khoá XI ra quyết định xoá tên trên danh sách bầu cử ngày 19.5.2002.

Ngày 20.5, VKSND tối cao đã thành lập một 'tổ công tác đặc biệt' do viện phó Dương Thanh Biền làm tổ trưởng, nhằm " *kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc Năm Cam đi tập trung cải tạo trong các năm 1995-1997* ". Tổ sẽ đối chiếu tài liệu thu thập được với những giải trình của các cán bộ có liên quan trước những thông tin mà báo chí, dư luận đã nêu. Trên cơ sở đó, tổ công tác đặc biệt sẽ đưa ra kết luận về trách nhiệm liên quan của ông Phạm Sĩ Chiến, viện phó VKSND tối cao và một số cán bộ khác liên quan đến Năm Cam cùng đồng bọn.

Ngoài ra, theo các báo, ông Chiến cũng đang phải 'giải trình' với các cơ quan chức năng về nguồn gốc tài sản lớn mà ông đã 'quên' kê khai theo luật định đối với cán bộ cao cấp. Ông Chiến là chủ hơn 50 ha đất ở Quảng Ninh và một căn nhà lớn xây trên bãi An Dương, gần Hồ Tây, Hà Nội. Mảnh đất xây nhà do vợ ông mua chung với vợ Thuyết 'buôn vua' (người cầm đầu mạng lưới chạy án cho Năm Cam), ông Chiến nói ông " *chẳng dính dáng gì vào cả* " !. Các báo còn đưa tin khi Thuyết bị bắt đã xin phép gọi điện cho một 'VIP' (báo trong nước dùng từ viết tắt này đã thành thông lệ, không giải thích, có lẽ nó đã trở thành từ quốc tế, như kiểu mafia ?), và đưa giả thuyết VIP ấy chính là ông Chiến, mà số điện thoại có trong danh sách địa chỉ trong máy điện thoại di động của Thuyết.

Vụ án trong vụ án

Nhưng ông Chiến không phải không có lý khi tự bảo vệ trước các nhà báo, rằng công văn số 1333 của VKSND do ông ký, " *kiến nghị bộ Nội vụ huỷ bỏ quyết định tập trung cải tạo đối với Năm Cam* ", là đúng theo luật định, VKS có quyền nêu ý kiến này và bộ Nội vụ có quyền không đồng ý. Vậy việc tha Năm Cam trước thời hạn là quyết định của bộ mà thôi.

Vụ án trong vụ án, được báo chí trong nước và cả báo nước ngoài quan tâm, là từ chỗ này. Vì nó dính tới nguyên thủ tướng Võ Văn Kiệt, người đã trực tiếp ra chỉ thị cho bộ Nội vụ tiến hành điều tra, triệt phá vụ Năm Cam, nhưng hình như lại không được báo cáo về sự bất đồng ý kiến giữa VKSND và bộ Nội vụ về lệnh tập trung cải tạo nói trên.

Tại sao công văn (số 1117, ngày 26.12.1996) của bộ Nội vụ (phúc đáp công văn 1333 của VKS, với nội dung nhấn mạnh các chứng cứ phạm tội của Năm Cam, khẳng định quyết định tập trung cải tạo là đúng pháp luật và không đồng ý với kiến nghị của VKS), có ghi rõ là 'đồng kính gửi' văn phòng chủ tịch nước, văn phòng chính phủ (VPCP)... để báo cáo, nhưng ông Kiệt (trong một buổi gặp báo chí đầu tháng 5) lại khẳng định là không hề biết có công văn đó ?

Theo một thông báo của VPCP ngày 17.5.2002, công văn 1117 đã được giao cho ông Nguyễn Quốc Bảo, vụ trưởng vụ nội chính xử lý. Ông Bảo là người giúp việc nội chính cho thủ tướng Võ Văn Kiệt lúc đó.

Bốn tháng sau (cuối tháng 4.1997), ông Bảo lại thảo văn bản chuyển đơn khiếu nại của Phan Thị Trúc (vợ Năm Cam) tới bộ Nội vụ và VKSND Tối cao, đề nghị hai cơ quan này " *có ý kiến chính thức để trình thủ tướng... trước ngày 25.5.1997* ". Văn bản này do ông Đoàn Mạnh Giao (lúc đó là phó chủ nhiệm VPCP) ký. Trả lời yêu cầu này của VPCP, ngày 22.5.1997, VKSND tối cao có công văn gửi thủ tướng để báo cáo là Viện đã kiến nghị bộ Nội vụ hủy bỏ quyết định tập trung cải tạo với Năm Cam. Và ngày 24.5.1997, thứ trưởng bộ Nội vụ Hoàng Ngọc Nhất lúc đó đã ký công văn gửi thủ tướng đề nghị thả Trương Văn Cam trước thời hạn, do cải tạo tốt trong trại và theo quy định của Pháp lệnh Xử phạt hành chính (giảm thời hạn tập trung giam giữ cải tạo từ 36 tháng xuống còn 24 tháng). Tuy nhiên, theo lời nguyên thủ tướng Võ Văn Kiệt, ông cũng không nhận được 2 văn bản này. Theo lời ông Đoàn Mạnh Giao, ông Bảo đã nhận và xử lý 2 công văn, nhưng " *không báo cáo lãnh đạo VPCP* ". Ông Bảo, hiện là đại sứ tại Uzbekistan, đã nhận được lệnh về Hà Nội để báo cáo về các câu hỏi nêu trên. Trong bản tường trình của ông trình chính phủ sau khi về tới Hà Nội ngày 21.5, mà báo Tuổi Trẻ thuật lại, ông Bảo không nói cụ thể tới vụ công văn 1117 của bộ nội

vụ, nhưng nói như sau về việc hai văn bản của VKSND và bộ Nội vụ không tới tay thủ tướng : " *Tôi đã báo cáo miệng việc này cùng nhiều vấn đề khác với thủ tướng Võ Văn Kiệt lúc đó. Thủ tướng đã cho ý kiến về các vụ việc do tôi báo cáo nhưng không nói gì về đơn thư kêu cứu của vợ Năm Cam, nên tôi không báo cáo lại phó chủ nhiệm VPCP phụ trách nội chính để ra thông báo về vấn đề này* ". Đáp lại, ông Kiệt nói : " *Lẽ ra lúc ấy phải nói rõ bà Trúc là vợ Năm Cam thì tôi đã chú ý và đã có ý kiến, chứ nói chung chung là bà Trúc, trong số rất nhiều người gửi đơn khiếu nại lên thủ tướng thì làm sao tôi biết bà ta là ai* "...

Trên đây là một vài sự kiện chính thuật lại theo các báo trong nước (một phần khá lớn lấy lại trên mạng, từ địa chỉ VnExpress.net) cho tới ngày 24.5, khi số báo này chuẩn bị lên khuôn. Nhiều câu hỏi không được nêu lên. Tại sao, biết rằng VKSND đòi " *huỷ bỏ quyết định tập trung cải tạo đối với Năm Cam* ", bộ Nội vụ đã tranh thủ kéo dài thời gian trả lời được hơn hai năm mà việc lập đủ thủ tục tố tụng để đưa Năm Cam ra toà vẫn chưa làm xong ? Thậm chí, chẳng có thêm chứng cớ gì (như ông Phạm Sĩ Chiến đã phản pháo lại), để rồi trước các sức ép nói trên, đã phải tha Năm Cam năm 1997 không có điều kiện. Tại sao, trong một buổi làm việc đầu tháng 5 với các ông Nguyễn Minh Triết, bí thư thành uỷ TP HCM và Trương Vĩnh Trọng, trưởng ban Nội chính trung ương, ông Kiệt đã phải nói : Hồi ấy (1995), " *tôi đã đem chức thủ tướng ra thế chấp để đảm bảo việc bắt giữ Năm Cam là đúng người, đúng tội* " ? Khó tưởng tượng ông đã "thế chấp" chức vụ thủ tướng đối với những cán bộ cấp dưới. Vậy thì, đối với ai ? Trong ban lãnh đạo đảng, còn ai theo dõi vụ này ngoài nguyên thủ tướng ?

Ngày 23.5, người phát ngôn viên bộ Ngoại giao Việt Nam Phan Thuý Thanh đã bác bỏ nguồn tin cho rằng nguyên thủ tướng Võ Văn Kiệt dính líu đến việc thả Năm Cam năm 1997. Bà Thanh nhấn mạnh: " *Quan điểm rõ ràng của nguyên thủ tướng Võ Văn Kiệt đã được đăng trên báo chí Việt Nam.* "

Khó có thể nói trước là những vụ việc đang được phanh phui ra trước dư luận hiện nay sẽ dẫn tới đâu. Và ai là những người cấp cao nhất trong bộ máy đảng và nhà nước đang điều khiển cuộc chơi. Người ta có thể nghĩ tới một bên đứng trong bóng tối tìm cách cho nổ cầu chì trước khi quá trễ – nếu không thể làm hơn thế, bằng cách đốt lên một ngọn lửa đánh đối phương ở nơi khác chẳng hạn. Ai, cấp nào sẽ là cái cầu chì đó, là một chuyện khác. Một bên đang cố sức lợi dụng lợi thế đã tạo được cho đến nay, buộc được bộ máy cao cấp chính thức thúc đẩy các vụ phanh phui chĩa mũi dùi vào Năm Cam và những mối liên hệ ít nhiều trực tiếp của 'ông trùm' này, nhưng không để lan rộng hơn. Mọi sự thủ thế đều không thừa !

Trong bài phỏng vấn đã nêu, ông Trương Vĩnh Trọng tỏ ý tin rằng việc " xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội đối với những cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật " là loại bỏ những ung nhọt trong cơ thể, làm cho đảng và nhà nước mạnh lên, củng cố thêm lòng tin của quần chúng...

Đúng quá. Song, sự vắng bóng của những lực lượng chính trị độc lập, sự bảo vệ các mối quan hệ đồng chí - đối thủ, tranh giành và chia chác quyền lợi giữa các thế lực trong một đảng độc quyền, khó cho phép dự đoán một cuộc thắng lợi không tì vết như thế.

H.V.

TIN TỨC

Kết quả bầu cử Quốc hội khóa XI

Cuộc bầu cử đại biểu quốc hội khoá XI đã diễn ra ngày 19.5 gần như dự tính của đảng, với những con số quen thuộc thành công tốt đẹp hơn 99 %...

Theo kết quả được ông Mai Thúc Lân, phó chủ tịch quốc hội khoá X kiêm trưởng ban tuyên truyền hội đồng bầu cử trung ương cho biết ngày 25.5, số cử tri đi bầu (99,73%) và số phiếu hợp lệ (99,35%) đều đạt tỷ lệ cao nhất từ trước tới nay. Riêng tỉnh Cao Bằng trong ngày 19.5 không có một công dân nào đi vắng hoặc bất chợt ốm đau mà quên uỷ nhiệm cho người khác đi bầu thay mình...

Trong số những người trúng cử, ông Lân cho biết, có 136 nữ ; 86 đại biểu dân tộc thiểu số ; 14 đại biểu các tôn giáo... Số đại biểu ngoài Đảng là 51 người, tức dưới 10 % quốc hội. Số đại biểu khóa trước tái cử là 135. Đại biểu lần đầu tham gia : 348 ; Doanh nhân : 25; dưới 40 tuổi : 56. Có 2 trong 13 người tự ứng cử đã được bầu chọn, đều trú tại Hà Nội.

Theo các con số chính thức, 93,37 % người trúng cử lần này có trình độ đại học và trên đại học, phù hợp với quy luật thị trường về bằng cấp (kể cả hàng xịn và hàng dỏm).

Nhà đất (I) : cơn sốt đáng ngại !

Từ giữa năm 2000 đến cuối tháng 4 vừa qua, giá đất đai và nhà ở tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều thành phố khác đã liên tục tăng, tạo lên cơn sốt nghiêm trọng nhất từ mười năm nay. Tại Hà Nội chẳng hạn : nhà đất trong nội thành giữa quí 4 năm 2000 và quí 1 năm 2002 đã tăng giá từ 20 đến 80 % ; ở ngoài thành, giá nhà đất tăng lên từ 50 đến 150 % ; ở những nơi có thông tin sẽ triển khai khu đô thị mới (Gia Lâm, Từ Liêm, Cổ Nhuế, Tây Mỗ, Đại Mỗ, Mễ Trì□), giá tăng đến 5 lần. Riêng ở huyện Gia Lâm, thôn Trung Hậu được coi là nơi có đất đắt giá nhất : từ 3,4 triệu đồng/m^2 trước Tết âm lịch vừa qua, giá đất đã vọt lên 13 triệu đồng/m^2. Do huyện Gia Lâm không còn đất để bán, những người tìm mua bất động sản đã vượt cầu Đuống sang huyện Đông Anh : có giá dưới 500 000 đồng/m^2 trước Tết, đất ở Đông Anh hiện đã vượt 3 triệu đồng/m^2.

Một quan chức của bộ tài chính thừa nhận rằng nhà nước không kiểm soát được thị trường bất động sản và khoảng 70 % hoạt động mua bán nhà đất do 'thị trường ngầm' thao túng. Tổng cục địa chính cho biết việc mua bán nhà ở và chuyển nhượng đất đai thời gian vừa qua, hầu hết, theo hình thức mua bán trao tay, không có xác nhận của cơ quan nhà nước. Thậm chí, ngay trong khu vực nhà nước, những hoạt động cho thuê bất động sản 'qua mặt' nhà nước diễn ra phổ biến : hiện nay

có đến 6700 ha đất và 571 000 m^2 nhà đã bị các cơ quan hành chính mang cho thuê mà nhà nước 'không biết'.

Nhiều báo cáo cũng cho biết 80 % các giao dịch trên thị trường nhà đất xuất phát từ người đầu cơ, tức những người mà kỳ vọng là giá thị trường sẽ tiếp tục tăng (tại những địa điểm như Gia Lâm, tỉ lệ này lên đến 90 %). Chưa đến 20 % các giao dịch là do người thật sự có nhu cầu về nhà đất. Phó chủ tịch uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội, ông Lê Quí Đôn, thừa nhận có hơn 60 % số người mua nhà đất ở Hà Nội hiện tại không phải để ở mà nhằm mục đích đầu cơ, tạo lên cầu giả tạo.

Các năm 1990-1992, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đã từng chứng kiến cơn sốt địa ốc đầu tiên, rồi giá cả suy giảm và thị trường 'đóng băng', đưa bao nhiêu nhà đầu cơ đến chỗ phá sản. Vào năm 2000, viễn tưởng do Hiệp định thương mại Việt-Mỹ mở ra, cũng như chủ trương cho phép Việt kiều mua nhà tại Việt Nam, đã khơi động lại thị trường nhà đất mà nhiều yếu tố có thể giải thích cơn sốt hiện nay.

Yếu tố đầu tiên thường được nêu lên là với tốc độ đô thị hoá hiện tại, nhịp độ xây dựng nhà ở quá thấp so với yêu cầu xã hội. Cung không đủ cầu, đặc biệt trong các loại nhà ở cho tầng lớp có thu nhập trung bình, như nhà phố liên kế, nhà vườn liên kế hay căn hộ khép kín trong chung cư. Một lý do là tỷ suất lợi nhuận trong hoạt động xây dựng nhà ở không bao nhiêu, trong khi chênh lệch giá về mua bán đất đai tạo ra những lợi nhuận đầu cơ siêu ngạch. Cho nên các nhà kinh doanh nhà đất, trước tiên là doanh nghiệp nhà nước, thấy không cần lao tâm lo việc xây dựng nhà ở mà cứ để đất đai tự nó tăng giá. Từ năm 1997 đến 2001, tại Hà Nội, chính quyền giao cho doanh nghiệp hơn 3 161 ha đất mà 88 % vào trong tay các doanh nghiệp nhà nước. Mặc dù vậy, từ năm 1998 đến nay, khối lượng nhà ở mới do các doanh nghiệp nhà nước xây dựng chỉ đạt 30 % khối lượng nhà mới xây ở thủ đô. Ngoài ra, còn xuất hiện ở Việt Nam một tầng lớp những người mua sắm bất động sản mà không nề hà giá cả, bất cứ mức giá nào cũng mua... miễn sao rửa được đồng tiền bẩn.

Yếu tố thứ hai là với cuộc khủng hoảng trong đầu tư, vốn nhàn rỗi trong xã hội thiếu cơ hội để đầu tư, đồng thời hệ thống ngân hàng liên tiếp hạ lãi suất tiền gửi : mức cao nhất là 8 %/năm khi gửi tiền đồng và 3,5 %/năm khi gửi ngoại tệ. Trong khi lợi nhuận đem lại từ hoạt động nhà đất hơn gấp nhiều lần. Cho nên một khối lượng hàng mấy chục tỉ đồng vốn đang luân chuyển lãng phí trong thị trường bất động sản. Mặt khác, trong khi bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ đều phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế lên đến 32 %, các người kinh doanh đất đai theo phương thức trao tay, đặc biết là những 'cò' làm trung gian và lấy hoa hồng, đang hưởng siêu lợi nhuận mà không phải đóng thuế.

Như bộ tài chính đã phải công nhận, tình trạng mất ổn định trên thị trường bất động sản hiện nay tuy có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do nhà nước không tạo cho mình những công cụ để điều tiết thị trường mà chỉ điều hành nó bằng thủ tục hành chính, thực tế là buông thả và từ chối quản lý. Điều đáng nói nhất là nhà nước đề ra qui định rằng mọi giao dịch về đất đai – chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp hay góp vốn – phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do uỷ ban nhân dân cấp. Nhưng đến nay, mới có 28 % bất động sản được cấp giấy chứng nhận này, và đương nhiên 72 % còn lại chỉ tham gia thị trường ngầm, ở ngoài tầm quản lý của nhà nước. Chính quyền phải thẳng thắn thừa nhận rằng chưa tạo điều kiện cho người dân có nhà đất hoàn thành các thủ tục pháp lý về quyền sở hữu : còn trên 20 % số hộ dùng đất nông nghiệp và 90 % số hộ dùng đất ở chưa được chứng nhận quyền sử dụng đất. [Lao Động 13,15 và 16.4 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 11 và 18.4 ; Tuổi Trẻ 18.4.02]

Nhà đất (II) : nguy cơ đóng băng

Phiên họp thường kỳ tháng 4 vừa qua của chính phủ đã ban hành một loạt biện pháp trước mắt và trung hạn nhằm lập lại trật tự trong quản lý nhà đất và bình ổn thị trường bất động sản. Chính phủ xác định nguyên nhân chính của cơn sốt nhà đất là do sự chấp hành pháp luật không nghiêm của một số bộ, ngành và địa phương, nhất là ở cấp xã, phường. Trước mắt, chính phủ chỉ thị cho chính quyền các địa phương kiểm tra tình hình sử dụng đất đai và rà soát các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, xử phạt và thu hồi ngay : những đất không sử dụng trong thời hạn 12 tháng sau khi được giao ; đất sử dụng không đúng mục đích được giao ; đất đã giao không đúng thẩm quyền ; đất bị lấn chiếm ; đất mua bán, chuyển nhượng bất hợp pháp. Chỉ thị nhấn mạnh đặc biệt đến yêu cầu chặn đứng việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất xây dựng nhà ở trái với qui hoạch đã duyệt. Đồng thời, chính phủ chỉ thị các chính quyền địa phương xúc tiến khẩn trương những chương trình xây dựng nhà ở, tăng cung, nhất là loại nhà chung cư. Trong những biện pháp chính phủ đề ra thực hiện từ nay đến năm 2005, có những cam kết : hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở vào năm 2003 ; sửa đổi luật đất đai ; xây dựng thể chế thị trường bất động sản.

Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đã bắt đầu chấn chỉnh bộ máy quản lý nhà đất và những hành vi trái pháp luật. Hà Nội có đến 150 dự án xây dựng nhà ở được nhà nước giao cho tổng cộng 198 ha đất, nhưng " *có khoảng 50 % trong số này chính quyền thành phố không quản lý được hoạt động* ". Phó chủ tịch uỷ ban Đỗ Hoàng Ân vừa cho biết quyết định của thành phố thu hồi đất của hơn 50 doanh nghiệp trong năm 2002. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, một đợt thanh tra đã phát hiện khoảng 3 000 ha đất bất hợp pháp, đang chôn một số vốn tổng cộng lên đến 30 000 tỉ đồng (khoảng 2 tỉ USD), gắn với " *một bộ phận cán bộ viên chức hư hỏng* ". Chẳng hạn ở một địa bàn như là quận 9, trên 129 dự án được giao sử dụng khoảng 600 ha đất, chỉ 22 dự án có quyết định giao đất hợp pháp, trong đó các dự án được triển khai đúng qui định " *chỉ đếm được trên đầu ngón tay* ". Uỷ ban nhân dân thành phố đã ra lệnh cho các cấp từ sở đến phường, xã " *không được xác nhận, chứng thực vào tất cả các loại hồ sơ, giấy tờ có mục đích hợp thức hoá các vi phạm nêu trên* ". Tỏ rõ thái độ 'cương quyết' của chính quyền thành phố trong nỗ lực lập lại trật tự về quản lý đất đai, bí thư Thành uỷ Nguyễn Minh Triết nói : " *Trong cuộc đấu tranh này nếu không kiên quyết thì tác hại không chỉ về đất đai mà ảnh hưởng đến uy tín của đảng, của chính quyền, ảnh hưởng đến sự tồn tại của chế độ* ".

Ngay khi những biện pháp hành chính nói trên được công bố, thị trường bất động sản đã chựng lại. Giá đất nông nghiệp giảm bình quân 50 %. Đất nhà ở có xu hướng giảm giá song hầu như không có ai hỏi mua bởi giá thị trường vẫn còn cao so với giá trị thực. Ở Hà Nội, giá đất nội thành đã giảm 5-10 %, giá đất ngoại thành khoảng 30 %, tuy nhiên có rất ít vụ giao dịch thành công. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi tăng 150 %, giá nhà đứng lại ở mức 54 triệu đồng/m^2 trên các đường lớn và 36 triệu đồng/m^2 trong các đường hẻm, nhưng số lượng giao dịch ngày càng ít đi. Đứng trước một tình hình khá ảm đạm, các chuyên viên địa ốc đều dự đoán rằng thị trường còn sẽ tiếp tục giảm giá. Và một mối lo âu bắt đầu xuất hiện trong dư luận : đó là nguy cơ đóng băng lại của thị trường nhà đất như cách đây mười năm. [Tuổi Trẻ 23, 25, 26.4 và 7.5 ; Lao Động 22.5 ; VnExpress 25.5.02]

Giáo sư Stiglitz, giải Nobel kinh tế, và đường lối kinh tế của Việt Nam

Cuối tháng ba vừa qua, giáo sư Joseph Stiglitz, người được trao giải Nobel kinh tế học năm 2001, đã đến Việt Nam trong khuôn khổ hoạt động tư vấn của Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) giúp Việt Nam thực hiện chiến lược phát triển trong thập niên 2001-2010. Trả lời phỏng vấn của tạp chí Vietnam Economic Times, ông Stiglitz cho biết " *đã khuyến khích Việt Nam tiếp tục chính sách về chuyển đổi sang kinh tế với trọng tâm là tính ổn định, tính bình đẳng và tính cân đối, không đi quá chậm nhưng cũng không đi nhanh quá* ".

Ông Stiglitz nhấn mạnh rằng phát triển không chỉ là tăng GDP (tổng sản lượng trong nước) mà là cải thiện những chuẩn mực trong cuộc sống, tạo dựng một xã hội tốt đẹp hơn : " *Sự phát triển bền vững, dân chủ, công bằng có ý nghĩa bao quát hơn* ". Người đã từng giữ chức vụ kinh tế trưởng của Ngân hàng Thế giới đã không ngần ngại phê phán " *đồng thuận Washington* " mà Ngân hàng Thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế đã áp đặt trong những thập niên cuối thế kỷ thứ XX : " *Quan niệm về kinh tế thị trường quá mức đơn giản hoá trong đồng thuận Washington thật sai nhầm. Những công trình nghiên cứu được thưởng giải Nobel của tôi thiết lập tính phức tạp của nền kinh tế thị trường. Muốn thành công, mọi đề án cải cách phải biểu hiện tính phức tạp đó. Những cải cách dựa trên mô hình kinh tế đơn giản quá mức và quan điểm phát triển quá ư hạn hẹp chỉ có thể thất bại* ". Theo ông Stiglitz, Việt Nam có thể rút kinh nghiệm của Thái Lan hay Indonesia đã nghe theo những khuyến cáo về tự do hoá thị trường tài chính trong các năm 90 : Cuộc khủng hoảng năm 1997 " *buộc thừa nhận rằng thị trường thường không tự điều hành được, và việc phi qui định hoá nó một cách quá đáng đưa đến bất ổn định kinh tế rồi biến thành bất ổn định xã hội và chính trị mà giá phải trả đối với nhân dân các nước đó là khổng lồ* ". Ông cho rằng, đối với nhiều nước, tăng trưởng kinh tế nên dựa vào tiết kiệm nội địa hơn là nhắm vào vốn trên thị trường quốc tế.

Ông cũng bác bỏ quan điểm cho rằng tư nhân hoá và cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước là trọng tâm của quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. Tư nhân hoá và cổ phần hoá chỉ có ý nghĩa khi các tài nguyên được sử dụng một cách hiệu quả hơn : " *Cổ phần hoá mà không thay đổi phương thức quản lý thì không nhất thiết đưa đến sử dụng tài nguyên hữu hiệu hơn* ". Tư nhân hoá cũng thế : " *Ở một số nước, đó chỉ là biến đổi độc quyền nhà nước thành độc quyền tư nhân* ". Điều cốt yếu là tạo tính cạnh tranh bình đẳng trong các doanh nghiệp nhà nước cũng như tư nhân. Ông Stiglitz chủ trương đặt trọng tâm vào việc hình thành những doanh nghiệp mới hơn là cơ cấu lại những doanh nghiệp cũ. Theo ông, chính phủ Việt Nam cần đẩy mạnh cuộc cải cách nhằm khuyến khích thành lập những doanh nghiệp mới, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, và tạo dựng những tổ chức tài chính mới đáp ứng yêu cầu về tín dụng của những doanh nghiệp đó. Ông Stiglitz còn phê phán sự lẫn lộn giữa hiện đại hoá và công nghiệp hoá, cũng như sự lẫn lộn giữa công nghiệp hoá và đô thị hoá. Ông nhấn mạnh chiến lược phát triển của Việt Nam cần dựa vào một chính sách phát triển nông thôn với những nỗ lực tạo ra nhiều doanh nghiệp và việc làm tại nông thôn, cải tiến giáo dục và nâng công nghệ trong lao động ở nông thôn.

Giáo sư Stiglitz đánh giá cao 'thắng lợi thật sự' của Việt Nam đã nhân đôi mức GDP và giảm mức nghèo khó trong dân chúng từ 70 % xuống 32 % trong thập niên vừa qua, và tin tưởng vào khả năng của Việt Nam tiếp tục tiến bộ. Ông cho rằng Việt Nam " *được may có một số lãnh đạo hiểu được mục tiêu của phát triển* ", còn vấn đề tham nhũng trong bộ máy nhà nước thì, như ở những nước khác, không thể 'nóng vội' giải quyết ngay mà cần có những bước đi vững chắc.

Đây là lần thứ hai ông Stiglitz đến Việt Nam. Nhân dịp này, Ngân hàng Thế giới cũng đã công bố bản tiếng Việt cuốn sách *Suy ngẫm lại thần kỳ Đông Á* mà ông có tham gia biên tập. Được biết, ông từng là chủ tịch hội đồng cố vấn kinh tế của tổng thống Clinton trong những năm 1993-1997. Rồi sau ba năm ở Ngân hàng Thế giới với chức vụ kinh tế trưởng, ông đã từ chức năm 1999 để trở lại làm việc ở trường đại học và hiện nay phụ trách một tổ chức tư vấn độc lập. Thuộc trường phái kinh tế học Keynes mới, ông Stitglitz đã đoạt giải Nobel 2001 nhờ những công trình nghiên cứu lý luận về thị trường thông tin không đối xứng. [bản tin UNDP Vietnam ; Tuổi Trẻ 21.3.02].

Thuốc điều trị AIDS sản xuất tại VN

Lamzidivir – thuốc điều trị AIDS, sản phẩm của công ty Thương mại và Sản xuất Dược phẩm MST (TP HCM) – đã được bán tại các nhà thuốc với giá 19 500 đồng/viên từ đầu tháng 5.

Lamzidivir gồm hai thành phần chính là Lamivudin và Zidovudin. Ông Nguyễn Vi Ninh, cục trưởng cục Quản lý dược, cho biết, Lamzividir đã được sử dụng ở Thái Lan, Ấn Độ và được đánh giá là có hiệu quả trong điều trị HIV/AIDS, tuy nó chỉ hạn chế được sự phát triển của HIV chứ không chữa khỏi AIDS. Mỗi ngày người bệnh uống 2 viên theo chỉ dẫn của bác sĩ.

Vào cuối năm 1999, MST được một công ty Hàn Quốc đặt sản xuất thuốc chống AIDS cho châu Phi. Cục Quản lý dược đã cho phép MST sản xuất hai loại thuốc Lamivudin 150 mg và Zidovudin 300 mg phục vụ xuất khẩu. Sau hai năm thực hiện thành công đơn đặt hàng này, MST đã đầu tư nghiên cứu để tự sản xuất thuốc Lamzidivir theo công thức đang được sử

dụng ở Thái Lan và Brazil cho bệnh nhân Việt Nam. Thuốc được cấp phép lưu hành tại Việt Nam từ tháng 2. Nguyên liệu sản xuất nhập từ các nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP ở Ấn Độ và Hàn Quốc.

Để khẳng định hiệu quả của Lamzividir đối với bệnh nhân Việt Nam, MST đang thử nghiệm lâm sàng trên 20-30 bệnh nhân nhiễm HIV tại Trung tâm Bệnh nhiệt đới TP HCM.

Với mức giá 19 500 đồng/viên Lamzividir, chi phí điều trị của năm đầu tiên sẽ là 600 USD/người, so với 3 000 - 4 000 USD/người/năm nếu dùng thuốc nhập khẩu. MST cho biết sẽ cố gắng giảm giá thành xuống còn 400 USD/người/năm (theo Lao Động 13.5.2002)

Festival Huế lần thứ hai

Festival Huế lần thứ hai đã bế mạc đêm 15.5, trong cảnh sông Hương được thắp sáng rực rỡ, lung linh bởi 26 000 ngọn đèn hoa đăng, 25 thuyền hoa, 40 cây pháo bông...

Theo con số của ban Tổ chức, suốt 12 ngày đêm Festival đã có 195 suất diễn của 33 đoàn nghệ thuật của 9 nước và 30 chương trình lễ hội văn hoá cộng đồng đã thu hút hơn 1 triệu lượt người đến tham gia và hơn 150 000 lượt người vào thăm các di tích. Đã có 750 000 lượt khách tham gia 31 tour du lịch, tăng gấp 3 lần so với năm 2000. Tuy nhiên, nói như lời ông Nguyễn Xuân Hoa – phó ban tổ chức – " *Festival cũng là một sản phẩm du lịch* " nên rất nhiều điểm phải bán vé và giá quá cao so với dân Huế (70 000 đ/người), đêm nhạc Trịnh Công Sơn vé 100 000 đ/người nên rất nhiều người muốn vào cũng không vào được.

Ngoài chương trình IN được đánh giá là khá thành công trong hoàn cảnh khiếm khuyết về khâu tổ chức, đặc biệt là hiện tượng 'ô nhiễm âm thanh' do các rạp, sàn diễn bố trí quá gần nhau, Festival Huế 2002 còn có nhiều điểm trong chương trình OFF thu hút khá đông khách như : chợ quê cầu ngói Thanh Toàn, các vườn Huế ở Kim Long, triển lãm tranh của họa sĩ Lê Bá Đảng... Nhưng thật đáng tiếc, Ban Tổ chức rất ít quảng bá. Chương trình OFF nhiều nơi còn nặng " quảng cáo " như người tham gia phố đêm Hàn Thuyên bị buộc phải mua đèn lồng làm bằng lon bia... Huda để treo !

95 000 nhãn hiệu hàng hoá được bảo hộ

Tính đến nay, Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường đã cấp văn bằng bảo hộ cho 2 700 sáng chế, 6 700 kiểu dáng công nghiệp, 95 000 nhãn hiệu hàng hoá và hai tên gọi xuất xứ Việt Nam. Hàng năm, số đơn nộp xin bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp tăng bình quân 15-20 %. Ngoài các đối tượng sở hữu công nghiệp được bảo hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự 1995, Việt Nam đã thực hiện bảo hộ thêm các đối tượng mới như : Nhãn hiệu hàng hoá nổi tiếng, tên thương mại, bí mật kinh doanh, chỉ dẫn nguồn gốc địa lý của hàng hoá và giống cây trồng mới. Hiện nay, Việt Nam cũng đang tích cực chuẩn bị tham gia Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật ; Công ước Roma về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng ; Công ước Bruxelles về phân phối các tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh và Công ước UPOV về bảo hộ giống cây trồng mới. (Thời báo Tài chính)

Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam

Ngày 22-5, Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam đã chính thức ra mắt tại Hà Nội. Đây là tổ chức bản quyền đầu tiên của giới nhạc sĩ, hoạt động theo nguyên tắc của một tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận và theo phương thức tập thể, trực thuộc Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Trung tâm sẽ đại diện quyền lợi của các nhạc sĩ Việt Nam (đã ký hợp đồng uỷ thác) trong việc giao dịch với các tập thể và cá nhân sử dụng tác phẩm âm nhạc để xác định bản quyền tác giả, tiền thù lao và các quyền lợi khác. Trung tâm cũng sẽ đứng ra bảo vệ quyền tác giả của các nhạc sĩ đã uỷ thác trước các cơ quan luật pháp khi bản quyền tác giả bị xâm phạm. Hội đồng quản lý gồm 15 người do nhạc sĩ Hồng Đăng – phó tổng thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam – làm chủ tịch và nhạc sĩ Phó Đức Phương làm giám đốc trung tâm. Trong buổi ra mắt đã có bốn nhạc sĩ đầu tiên ký hợp đồng uỷ quyền bảo vệ tác quyền là Nguyễn Đức Toàn, Tân Huyền, Chu Minh và Đoàn Bổng. (Báo Tuổi trẻ)

Chủ công ty bỏ trốn, công nhân VN ở Palau mất lương

Sáng 23/5, 70 công nhân đang làm việc tại Cộng hoà Palau về đến sân bay Tân Sơn Nhất. Họ phải về nước trước thời hạn và gần như tay trắng bởi từ đêm 23/4, ban lãnh đạo nhà máy người Đài Loan đã âm thầm đi khỏi Palau, để lại khoản nợ lương hơn 70 000 USD.

Số công nhân này được Công ty Xuất khẩu lao động và chuyên gia (Suleco) đưa sang làm việc cho Nhà máy may Airai Garment từ năm 2001. Theo hợp đồng, họ sẽ làm việc hai năm với mức lương không thấp hơn 300 USD/ tháng. Tuy nhiên, thu nhập thực tế chỉ đạt 200 USD, thậm chí chỉ 150 USD/tháng. Để có được hợp đồng lao động thời hạn hai năm, người lao động phải trả cho một công ty môi giới 500 USD/người, và đặt cọc cho Suleco 600 USD/người. Đây là lần thứ hai một công ty ở nước ngoài thuê lao động VN sang làm đã ngang nhiên tỏ thái độ khinh miệt về số phận của những người mà họ đã thẳng thừng bóc lột. Cách đây hơn hai năm, những công nhân sang đảo Samoa (thuộc Mỹ) làm thuê cho nhà máy may Daewoosa cũng đã bị ngược đãi, đánh đập và quịt lương, phải bỏ về nước (xem DĐ số 103). Mới đây, toà án Mỹ đã buộc chủ công ty bồi thường thiệt hại cho họ.

Mặc dầu hàng năm, lao động xuất khẩu chuyển về nước 1,25 tỷ USD (con số của bộ Lao động năm 2000, xem DĐ số 103), việc bảo hộ cho người dân phải đi bán sức lao động ở nước ngoài vẫn chưa được chính phủ VN coi trọng.

Nguy cơ Vườn quốc gia Ba Bể bị tàn phá

Dự án xây dựng thuỷ điện thác Đầu Đẳng có thể sẽ làm biến dạng hồ Ba Bể (Bắc Kạn), một trong 20 hồ nước ngọt có giá trị nhất thế giới. Để thực hiện dự án này, UBND tỉnh đã cho phép loại 50 % cây rừng trong một vùng đất rộng 63 ha đã được xếp vào loại " phân khu bảo vệ nghiêm ngặt ".

Ông Mai Thế Dương, chủ tịch tỉnh cho biết, dự kiến đến tháng 10 năm nay, báo cáo khả thi của dự án được làm xong và sẽ bắt tay vào xây dựng ngay và có thể đến cuối năm 2003,

tổ máy số 1 của nhà máy được đi vào hoạt động. Nếu nhà máy được lắp đặt với công suất 6 MW thì mỗi năm tỉnh sẽ thu được khoảng 19 tỷ đồng.

Dự án này đang bị bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quyết liệt phản đối.

Thứ trưởng NN&PTNT Nguyễn Văn Đẳng đã gửi công văn đến lãnh đạo tỉnh : " *Việc phát 50 % số cây trên diện tích khảo sát để đo vẽ, lập bản đồ, làm nền hố khoan và đường vận chuyển máy khoan (mỗi hố khoan có diện tích nền 30-40 m2)... sẽ có ảnh hưởng lớn đến nhiệm vụ trọng tâm của vườn quốc gia Ba Bể là bảo tồn hệ sinh thái đặc trưng và tính đa dạng sinh học. Về thực chất đây là việc chuyển mục đích sử dụng đất từ bảo tồn thiên nhiên sang làm thuỷ điện* ".

Thứ trưởng cho rằng, theo Luật bảo vệ và phát triển rừng cũng như quy chế quản lý rừng đặc dụng hiện hành thì " *các hoạt động như trên phải được Thủ tướng quyết định trên cơ sở đề nghị của các bộ ngành liên quan và cần phải có đánh giá tác động môi trường theo Luật bảo vệ môi trường Việt Nam* ". (theo VnExpress 20.5.2002)

TP HCM điều tra toàn bộ diện tích rau muống nước

Phó chủ tịch UBND thành phố Mai Quốc Bình hôm 15/5 đã ban hành chỉ thị tăng cường biện pháp khắc phục ngộ độc do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tuỳ tiện trên rau muống nước. Theo chỉ thị, các ban, ngành phải khẩn trương điều tra nghiên cứu mức độ ô nhiễm của rau muống nước đối với sức khoẻ cộng đồng ; kiểm tra những điểm mua bán thuốc bảo vệ thực vật để chấn chỉnh và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi mua bán, sử dụng thuốc không được phép lưu hành ; xây dựng các điểm trình diễn khuyến nông về canh tác rau muống an toàn, vận động nông dân trồng rau muống nước theo quy trình sản xuất rau an toàn.

Theo sở Nông nghiệp thành phố, nếu mẫu nước đã ô nhiễm quá nặng thì sở sẽ cùng địa phương giúp các hộ dân trồng rau muống nước chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác, không canh tác rau trên nguồn nước này nữa để tránh gây ngộ độc cho người tiêu dùng. (Theo Người Lao Động)

Tìm ra thủ phạm đốt rừng U Minh Hạ

Công an huyện U Minh, tỉnh Cà Mau vừa bắt giữ 5 đối tượng gây ra vụ cháy tại rừng U Minh Hạ ngày 5.5 (thuộc khu vực do Lâm ngư trường U Minh II quản lý). Cơ quan công an nhận định những người này còn là thủ phạm của nhiều vụ đốt rừng trong thời gian qua. Cả 5 đối tượng, là thanh thiếu niên từ 13 đến 21 tuổi, đều cư ngụ ở xã Khánh Hoà, huyện U Minh. Tại cơ quan công an, những kẻ đốt rừng khai đã châm lửa vào bổi " để... coi chơi ". Rất may, đám cháy đã sớm được dập tắt.

Trưởng công an huyện U Minh, ông Nguyễn Văn Ri cho biết, công an hai tỉnh Cà Mau và Kiên Giang đang phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương khẩn trương điều tra nguyên nhân và thủ phạm của hai vụ cháy lớn tại rừng U Minh Thượng và Hạ ngày 23.3 và 10.4.

Ở phía bắc, Vườn quốc gia Tam Đảo (Vĩnh Phúc) cũng xảy ra cháy lớn ngày 3.5, tại khu rừng thông trồng năm 1997 ở đỉnh Rào Ry (độ cao 300 m), thuộc xã Đại Đình, huyện Tam Dương. Đến 1 g sáng 4.5, ngọn lửa đã được dập tắt. Ước tính thiệt hại ban đầu là 60 % của diện tích 6,5 ha rừng.

Cao su VN nhòm sang Trung Quốc

Giới sản xuất cao su ở Việt Nam chờ đợi năm nay nhu cầu cao su của Trung Quốc sẽ nhảy vọt. Để đáp ứng không những nhu cầu của Trung Quốc mà còn của những nước Trung Đông và Âu Châu, Tổng Công ty Cao su Việt Nam đặt các công ty thành viên tăng năng suất sản xuất cao su lên trên một tấn một hec ta, với trong tương lai đạt trung bình 1,8 tấn một hec ta.

Bốn tháng đầu năm nay, xuất cảng cao su đã tăng 35 phần trăm. Ngành cao su đặt mục tiêu về lượng cao, giá thành hạ và mở rộng thị trường nhằm chiếm vị trí thuận lợi trên thị trường quốc tế. (Asia Pulse 06-05-2002)

Tin Ngắn

* Ngày 6-5, **Nhà bảo tàng lò gốm cổ Đương Xá** đã chính thức khánh thành. Đây là nhà bảo tàng ngoài trời đầu tiên giới thiệu hai trong số chín lò gốm cổ có niên đại từ cuối thế kỷ 9 đến thế kỷ 10. Những lò này vừa được khai quật từ tháng 12-1999 đến tháng 4-2000 tại thôn Đương Xá, xã Vạn An, huyện Yên Phong (Bắc Ninh). (xem DĐ số 101)

* Từ ngày 30-4, Hãng hàng không Lufthansa mở **đường bay thẳng TP Hồ Chí Minh - Frankfurt** (CHLB Đức) với tần suất ba chuyến/tuần vào các ngày thứ ba, thứ sáu và chủ nhật bằng máy bay Boeing 747. Các chuyến bay Frankfurt - TP Hồ Chí Minh sẽ vào các ngày thứ ba, thứ năm và thứ bảy. Các ngày còn lại trong tuần, các chuyến bay TP Hồ Chí Minh - Frankfurt của Lufthansa sẽ quá cảnh tại Băng Cốc.

* Ngày 2-5, Ngân hàng (NH) nhà nước đã chính thức vận hành hệ thống **thanh toán điện tử liên ngân hàng**, cho phép chuyển món tiền từ NH người gửi đến NH có tài khoản của người nhận trong vòng 10 giây, tương đương với các nước trên thế giới. Trước mắt thanh toán điện tử sẽ áp dụng tại 60 NH thuộc sáu nơi là Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ và NH Nhà nước.

* Ngày 2-5, tổng cục Bưu điện đã chính thức trao giấy phép cung cấp dịch vụ **kết nối Internet** (IXP) cho công ty FPT. Từ trước đến nay, ở Việt Nam chỉ duy nhất công ty VDC được đứng ra cung cấp kết nối Internet cho 15 nhà phân phối dịch vụ này. Việc **chấm dứt độc quyền** này là một biện pháp giảm giá cước kết nối Internet ở Việt Nam, tăng tốc độ và chất lượng đường truyền.

* Đài truyền hình Việt Nam đã mua bản quyền để chiếu **trực tiếp 56 trên 64 trận trong giải đá banh thế giới** sắp tới. Kinh phí mua bản quyền này là 20 tỷ đồng, chiếm 2/3 kinh phí cho các chương trình thể thao trong năm 2002.

* Tình hình **môi trường Hà Nội ngày càng xấu** đi do lượng chất thải gia tăng. Theo đà hiện nay thì lượng nước thải đến năm 2010 sẽ tăng 1,35 lần và đến năm 2020 sẽ tăng 1,46 lần so với hiện nay. Lượng rác thải sẽ tăng 1,71 lần và chất thải rắn công nghiệp sẽ tăng 1,32 lần. Tại các nút giao thông bị tắc nghẽn, nồng độ khí CO và NO_2 có thể vượt tiêu chuẩn cho phép 9 lần, nồng độ khí SO_2 vượt khoảng 7 lần, nồng độ chất hữu cơ bay hơi (VOC) có thể vượt tới 33 lần.

NGUYỄN GIANG(*)

Việt Nam, đất và nước mùa hạ 2002

Chuyện của đất

Chuyến này tôi chỉ về Hà Nội ngắn ngày, thời gian ở Việt Nam đúng một tuần lễ nên lúc máy bay hạ cánh bỗng tự nghĩ là sẽ chẳng có đủ thời gian để cảm nhận được sâu sắc những đổi thay so với lần về trước là tháng 12 năm 2000. Tuy thế, cũng chỉ mất có một buổi chiều thưởng thức cái nóng vào hè của đất Hà Thành là đủ trở lại với thằng người An-na-mít trần trụi của mình như hồi hơn 10 năm trước khi lần đầu rời đất nước. Bởi thành phố tuy phình ra ở nhiều nơi, nhưng chất Việt Nam với hàng quán, vỉa hè, xe đạp xe máy đông đúc vẫn giữ một nét chung bất biến.

Hà Nội bắt đầu nóng, thành phố tuy đã mở thêm nhiều con đường mới, nhiều con phố hoàn toàn mới, xây thêm nhiều cầu cống, kè bê-tông thêm nhiều đoạn sông Tô Lịch hôi thối nhưng người ở xa về vẫn cảm nhận được ngay cảm giác quá tải của mọi thứ. Người và xe bề bộn ngập mọi nẻo đường. Trong và ngoài giờ hành chính đâu cũng đầy xe. Nạn xe máy Trung Quốc đã có từ mấy năm nay hiển hiện. Khói xe máy và bụi đất mù mịt đến nỗi chỉ ra phố chốc lát là mắt cay xè. Trẻ con đi đâu cũng được cho đeo kính đen, kính màu như mafia, đeo khẩu trang gọi là rọ mõm, đeo găng tay kín đến nách kẻo nhiễm bụi và khói xe đến sinh bệnh phổi. Chỉ đến tối muộn đường phố mới dịu đi, cả về nhiệt độ lẫn nhịp sống. Tất nhiên đó là chỉ ở những khu vắng hoạt động buôn bán. Còn tại các khu thị dân đông đúc, các tuyến đường thanh thiếu niên đi chơi như quanh Bờ Hồ, các ngả lên Hồ Tây v.v. thì đêm đến vẫn còn đầy người. Người hành quân vung vẩy hai tay đi bộ tập thể dục đầy quanh hồ Hoàn Kiếm. Hàng đoàn, hàng nhóm đi tấp nập. Các bà xồn xồn, các ông luống tuổi, các cô cậu thanh niên. Thôi thì đủ lứa tuổi, đủ dạng người, trong cái nóng toát mồ hôi của trời tối vẫn hành quân trên vỉa hè, dưới các tán cây loang ánh đèn. Cũng dưới những ánh đèn đó là các nam thanh nữ tú quấp nhau trên ghế đá, ôm nhau hối hả, vặn vẹo đủ tư thế, tất nhiên là vẫn đủ quần áo. Tình yêu ngày lập hạ. Cũng chẳng xa là những hàng quà bánh bên ngọn đèn leo lét, là các chiếu đánh cờ. Các nhóm cả gia đình bạn bè ngồi hóng mát. Xem ra chật chội quá. Và còn cả các hàng cân sức khoẻ nữa chứ. Gần 11 giờ đêm rồi giời ạ. Thế mà vẫn có hàng cân sức khoẻ chờ khách. Chật, đất đai xem ra không đủ chỗ chứa người. Ai như cũng thèm một không gian thoáng mát. Nhất là khi mức sống đã khá hơn. Người hành quân tập thể dục buổi tối xem ra có vẻ phả phê, béo tốt lắm. Nhiều người sợ phát phì là khác. Người bán hàng, bán quán, cân sức khoẻ xem ra thảnh thơi lắm chứ không có vẻ không bán được gì, không cân được ai là đói thót bụng ngay đêm hôm đó.

Đất đai là chủ đề dân Hà Nội nói đến nhiều nhất. Trước hết là chuyện người ta bảo là mất đất ở biên giới cho Trung Quốc và sau là chuyện thị trường đất và bất động sản đang lại lên cơn sốt. Vụ hiệp định biên giới trên bộ và trên biển được Quốc hội thông qua nhưng nội dung không cho dư luận biết khiến dân chúng bất bình, đặt câu hỏi. Trong giới cán bộ nhà nước còn tại chức, lớp cựu chiến binh hay công chức đã hồi hưu cũng có ý kiến đòi chính quyền giải thích. Về mặt nào đó thì chính quyền đã công nhận là Việt Nam mất đất về tay Trung Quốc. Thác Bản Giốc được nói là chỉ còn phần dưới, mất về phía Trung Quốc phần trên. Ải Nam Quan thì ai cũng biết là đã nằm vào trong đất Trung Quốc chừng hơn một cây số. Chính quyền tìm cách giải toả bức bối về đất của cha ông để lại này bằng cách nói rằng ký hiệp định tuy chịu thiệt nhưng là để ổn định quan hệ với Trung Quốc và ngăn không cho họ lấn tiếp. Người ta cũng cho rằng ông Giang Trạch Dân sang thăm Việt Nam là để tỏ thiện chí (?) và tìm cách xoa dịu đi vấn đề này bằng những lời hứa viện trợ hay giúp đầu tư cho Việt Nam. Tất nhiên đó là cách giải thích nội bộ. Còn báo chí thì vẫn như xưa, tức là nói 'như nghị quyết' hoặc chẳng nói gì.

Sang chuyện cơn sốt bất động sản. Xin phép được viết tắt như các báo trong nước là Bờ Đờ Sờ (BĐS). Một vài vị trí thức và quan chức nhà nước nói cho tôi biết rằng đây là chuyện chứng tỏ Việt Nam còn chưa giải quyết được những khái niệm cơ bản cho một nền kinh tế bình thường và một xã hội bình thường. Nguyên nhân của cơn sốt Bờ Đờ Sờ chính là chỗ đất ở Việt Nam vô chủ. Nghe tưởng đùa mà hoá thật. Chính báo *Pháp Luật* của Bộ tư pháp có bài giải thích rõ ràng những lý do khiến giá nhà đất ở Hà Nội vọt lên cao vào loại nhất thế giới. Theo bài báo đó thì Hiến pháp quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân nhưng do nhà nước làm chủ. Nhà nước là ai nếu không phải các cơ quan chính quyền các cấp và các vị quan chức. Luật pháp giao cho chính quyền một nhiệm vụ nặng nề không kham nổi là quản lý đất đai trên cả nước như một khối tài sản khổng lồ nhưng lại không được coi là hàng hoá. Một vị quan chức ngành quản lý đất đai đã nói " Đất là vô giá nên không thể coi là hàng hoá " dù ông ta cũng công nhận rằng có một thị trường BĐS và người dân vẫn mua bán đất vì thị trường coi đó là hàng hoá. Những khái niệm quái gở này khiến cho đất vừa là vô chủ, vừa vô số chủ. Một cơ quan nhà nước có thể

(*) : Trưởng ban Việt ngữ đài BBC

'nhảy dù' vào một mảnh đất ở ngoại ô Hà Nội. Sau khi trả tiền mua quyền sử dụng là có thể bán lại quyền đó kiếm lời. Vì luật phủ nhận quyền sở hữu nhưng công nhận quyền sử dụng, chuyển nhượng và định đoạt. Một anh dân nghe tin khu ruộng nào đó sắp được quy hoạch thành mặt đường là có thể mua lại hay nhảy đến chiếm rồi biến đất canh tác thành đất xây dựng, buộc nhà nước hay nhà đầu tư phải bỏ tiền ra bồi thường nếu muốn xây dựng gì đó. Có người bị hàng xóm xây lối đi mới chỉ để cho một cái ngách chừng 30 cm vào nhà của mình, khi ra vào phải đi nghiêng người. Kiện ai bây giờ khi chính quyền bất lực trong việc thi hành luật. Tóm lại, người ta cứ buôn bán, đầu cơ, chiếm hữu đất và xây dựng tuỳ ý một khi có đủ 'lực' đủ thần thế, tiền bạc hay độ 'Chí Phèo' để chiếm đoạt. Ở cả những khu phố đã xây xong người ta vẫn cứ cơi nới khiến có cảnh cả một dãy phố chạy thẳng nhưng có ngôi nhà chồi ra chừng 1,5 mét. Không rõ thêm được bao nhiêu diện tích bên trong nhưng người ta cứ làm theo một thói quen chiếm đoạt, tranh phần, bất chấp thiên hạ. Cũng có chuyện xây trái luật xong bị phường phố cho xe đến ủi đi nhưng đa số các vụ việc như vậy chỉ kết thúc ở mức chịu phạt. Mà nếu người ta 'chì' không nộp phạt hay xây xong bán nhà đi rồi biến thì chính quyền cũng chẳng có cách nào khác. Ở Việt Nam không thể làm giống như ở Phương Tây là 'giam' tài khoản hay bắt tù nếu ai đó trốn nợ, trốn tiền phạt.

Chuyện đất cũng được nhắc đến khi tôi hỏi về những vụ bất ổn tại vùng Tây Nguyên. Sự phát triển kinh tế, đà tăng dân số ở các vùng đồng bằng và biên giới phía Bắc tạo ra một làn sóng di dân lên những vùng của người vùng núi cao nguyên miền Trung. Nhà nước dùng quyền sở hữu 'toàn dân' về đất đai để khoanh gom rừng vào dưới sự quản lý và khai thác của các lâm trường. Những vùng đất khác thì được giới trồng cà phê bỏ tiền vào đầu tư. Ngoài cả triệu người Kinh là hàng chục vạn dân Tày Nùng từ các tỉnh phía Bắc tràn vào, hoặc lập ra các làng tự phát của họ, hoặc được bố trí khẩn hoang đất đai để sinh sống. Cán cân dân số nay khác xưa. Người bản địa trở thành thiểu số thực sự trên quê hương mình. Họ cũng không theo kịp đà phát triển và bị đẩy ra ngoài lề cuộc khai thác tàn bạo đất và rừng vì lợi nhuận. Họ cũng chẳng được giúp đỡ gì cho tới gần đây, khi vấn đề đã bùng nổ và chính quyền trung ương ý thức được nguy cơ tiềm tàng của xung đột. Ngoài ra, chính ý thức về sự tồn tại của dân tộc họ được khơi dậy bởi chính những người thiểu số có học, được chính quyền đào tạo. Và dù họ có liên lạc với các nhóm người Thượng hải ngoại thì đó cũng chỉ là cách tìm sự giúp đỡ chứ không phải là nguyên nhân chính khiến họ biểu tình. Cho tới nay tình hình Tây Nguyên đã tạm yên nhưng rõ ràng là chính quyền vẫn tiếp tục lo lắng và bộ máy truyền thông cùng các cơ quan từ nghiên cứu đến kinh tế xã hội đang tập trung nhiều sức lực vào đề tài này. Có vị nói với tôi là giới sĩ phu Bắc Hà đùa rằng nhà nước đang sợ nhất '*Bốn Ông Tây*': *Tây Bắc* với vấn đề người Hmong và biên giới với Lào, Trung Quốc, *Tây Ninh* với đạo Cao Đài, *Tây Nguyên* với người Thượng và *Tây Nam* với người Khmer và Campuchia. Khong biết thật hay đùa đến mức nào nhưng nếu đó là chuyện nghiêm túc thì lại thấy làm lạ là chẳng có ông Tây Âu, Tây Mỹ. Hay '*diễn biến hoà bình*' không còn là đề tài trọng tâm ?

Nói đến đất không thể không nói đến nước. Nước sạch để sử dụng trong sinh hoạt đang là một vấn đề ở Hà Nội. Các nguồn nước và các dòng sông đang bị ô nhiễm vì công nghiệp hoá kiểu thô sơ với công nghệ cấp thấp. Nhiều người không dám ăn các món truyền thống như ốc, ếch, tôm cua vì sợ nhiễm chì, nhiễm hoá chất có trong bùn, trong nước ở đồng ruộng và ao hồ. Điều đáng nói là cách giải quyết của Việt Nam vẫn là dùng bộ máy truyền thông của nhà nước để nêu cao tinh thần và ý thức, dùng các phong trào vận động quần chúng kiểu ngày xưa để xử lý các vấn đề hoàn toàn có tính pháp lý và kỹ thuật. Chẳng hạn như con sông Cầu có tiếng là thơ mộng, từng đi vào thơ ca trước đây nay bị ô nhiễm nặng vì các nhà máy, các xí nghiệp công nghiệp thải nước bẩn ra. Chính quyền đã phát động một phong trào tập hợp hàng nghìn đoàn viên thanh niên ở một loạt tỉnh nằm dọc con sông này tham gia một chương trình cứu dòng sông. Họ trống dong cờ mở kéo đến một bãi sông chỉ để nhặt giấy bẩn và thu lượm rác trên bờ và tất nhiên chiến dịch được coi là thành công tốt đẹp. Một ví dụ của việc phí sức người và thời gian. Một món võ cũ cho một sân đấu mới. Trong khi đó các nhà máy vẫn tiếp tục thải chất độc ra sông. Phải chăng các giám đốc đã lo trên lót dưới đủ đường nên chẳng cơ quan nào đến thanh tra họ ? Và nếu có thanh tra và bắt phạt đi nữa thì chẳng nhẽ đóng cửa nhà máy, đuổi công nhân ra đường ? Xét cho cùng người ta cũng chỉ có công nghệ loại độc hại đó thôi. Kỹ thuật cao và an toàn cho môi sinh đòi hỏi vốn đầu tư lớn hơn. Cái đó Việt Nam sẽ muôn đời thiếu. Và trong cái vòng luẩn quẩn ấy dân chúng chỉ có cách sống 'an toàn là bạn'. Sợ thì đừng ăn uống bậy mà nếu lỡ số đen bị ngộ độc thực phẩm, dị ứng, tróc da rụng tóc thì ráng mà chịu.

Chuyện của người

Sang chuyện của con người. Góc Hà Nội cũ ngàn năm văn vật nay nhỏ bé đi nhiều so với tầm vóc vươn rộng ra các vùng trước là ngoại ô. Qua lại khu Ba Sáu Phố Phường chỉ thấy nhiều Tây ba lô, du khách châu Á hơn là chính dân thủ đô mua bán. Những điểm ăn uống đặc sản hay quán nhậu, quán cà phê thì đã chạy xa khu phố tạm gọi là cổ từ lâu. Tính gần gần có phố ẩm thực chỗ phố Tống Duy Tân nhưng nó đúng ra đã thuộc về khu phố Tây ngày xưa chứ không còn là Ba Sáu Phố Phường. Các khách sạn to lớn sỗ sàng mọc lên ở nhiều phố cũng khiến cho tầm vóc của khu trung tâm ngày xưa còm cõi đi. Con người cũng lui về các vùng được coi là rộng rãi, thoáng đãng hơn và nhất là được quy hoạch thành đường thành phố lớn hơn, rộng rãi hơn như hướng lên Cầu Giấy, Hoà Lạc hoặc quận Tây Hồ. Nhưng những khu mới nay chưa có sức hấp dẫn cho giới trẻ. Vì thế chiều về, các đám trai gái vẫn lượn xe máy quanh mấy cái hồ và khu Ba Đình chứ ít ra những vùng xa hơn. Con người Hà Nội sau chừng 15 năm Đổi Mới đã dạn dĩ hơn với những điều lạ đến từ bên ngoài. Người ta như mất đi cái hào hứng của những năm đầu thời mở cửa. Những đợt phim từ phương Tây, phim Trung Quốc, Hàn Quốc đã vào ồn ào và chỉ để lại không bao nhiêu dấu ấn. Cách ăn mặc bắt chước Tây Tàu, cách xây nhà đắp cửa kiểu chơi ngông nửa Âu nửa Á, cách đón nhận các sự kiện chính trị trong vùng và trên thế giới đều mất đi độ say mê. Khó có thể nói đó là một sự chùng xuống để cảm và nhận ra bản lai diện mục hay là một

nỗi bi quan vì thấy Việt Nam đã ở đàng sau thế giới và khu vực quá xa. Khi nói chuyện với người dân thường, cán bộ nhà nước hay đôi ba văn nghệ sĩ tôi đều cảm thấy điều này. Xét ra trong số những người tôi gặp ai cũng đã từng đi ra nước ngoài, ít ra thì cũng đến các nước Đông Nam Á, châu Úc. Nhiều người đã từng đi châu Âu, Bắc Mỹ trở về. Họ tin gì ? Họ nghĩ gì về Việt Nam ? Khó có thể biết được vì có thể nói lượng thông tin họ nhận được không phải là ít. Nhưng ai cũng như băn khoăn về một hướng đi dứt khoát cho đất nước. Hình như họ cũng hiểu chính bây giờ cần thay đổi nhưng họ cũng thấy thay đổi tổng thể không phải dễ. Tôi đã hỏi nhiều người, từ cậu sinh viên từ tỉnh lên, từ bác bán bánh đầu phố đến những trí thức nhiều bằng cấp là Việt Nam có cần phải thay đổi chế độ chính trị thành dân chủ, có bầu cử tự do, có truyền thông trung thực hay không. Câu trả lời là sớm muộn Việt Nam cũng sẽ '*phải theo trào lưu thế giới*' mà thôi, nhưng họ không rõ là nên đi nhanh hay đi chậm, là làm thế nào. Họ cũng lo ngại rối loạn và sợ mất đi những gì đạt được những năm qua. Có những người không hiểu và không có đòi hỏi chính trị vĩ mô thì nói là cần phải làm thế nào để ngành công an phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nhiều hơn. Họ kể những chuyện bộ máy công lực lạm dụng quyền chức, những vụ tham nhũng, hành dân và phàn nàn rằng đài báo thì hiếm khi dám đề cập đến đề tài công an. Có người cho rằng bầu cử Quốc hội lần này có tiến bộ hơn trước vì cử tri được gặp các ứng cử viên để nghe về chương trình hành động và vì số đại biểu chuyên trách sẽ tăng lên chừng 25 % gì đó. Nhưng cũng có người cho rằng tổ chức bầu cử rầm rộ là để giải toả sức ép trong giới cựu chiến binh, cán bộ về hưu và có người thì cho là bầu cử làm gì tốn thời gian bởi trước bầu cử người ta cũng 'cơ cấu' hết các chức vụ cao cấp rồi và chẳng biết chế độ kiểm phiếu nghiêm túc đến mức nào. Nhưng điểm chung là ai cũng thấy rằng Việt Nam lạc hậu về chính trị ngay cả so với khu vực, chưa nói gì đến chuyện so với Phương Tây và hướng đi dân chủ hoá là không thể tránh khỏi. Từ cách nói 'ta là lương tâm nhân loại', là con đường thế giới phải noi theo người ta đã khiêm tốn hơn đến chỗ chỉ nói về những đặc tính Việt Nam khiến cho các giải pháp bên ngoài, chẳng hạn như dân chủ đa nguyên, là chưa thích hợp. Chứ không còn thấy nói rằng Việt Nam là đúng là đỉnh cao này đỉnh cao nọ.

Nhìn các chương trình tivi và xem phản ứng của người dân là có thể thấy phần nào luồng tư tưởng tự phát, tự suy diễn, tự lý giải vẫn còn rất mạnh, bất chấp luồng chính thống. Chuyện đơn giản như xem quảng cáo một sản phẩm thương mại. Người ta cứ xem nhưng có khi ra phố vẫn cứ mua một cái gì khác, nhất là khi tin vỉa hè, tin đồn nói rằng phải một thứ gì khác mới hay, mới thật. Các chương trình truyền hình suốt ngày giới thiệu cái hay cái đẹp của các dân tộc thiểu số, 'tua' các bài ca cách mạng, giới thiệu các gương mặt cựu chiến sĩ Điện Biên, nhà văn vượt Trường Sơn năm xưa v.v. nhưng người Hà Nội chẳng thấy ai tỏ ra quan tâm đến người dân tộc, có chăng là lên Sa Pa hay Lào Cai đi chơi cho khoái chí. Cũng chẳng ai 'hơi đâu' để ý đến tình cảnh của những cựu chiến binh nghèo và hay bất mãn. Học sinh sinh viên thì bỏ hết sức lực và thời gian để 'nhồi' tiếng Anh và vi tính. Văn thơ cách mạng họ chỉ học cho phải phép, để thi cử nhưng rất tiết kiệm cảm xúc thực. Đơn giản là vì những thế hệ bây giờ sinh ra và lớn lên quá xa thời kỳ hào hùng của cha ông họ. Họ cũng chứng kiến bậc cha anh vỡ mộng như thế nào, vồ vập với hàng nhập ngoại như thế nào, bon chen như thế nào để họ có xe máy lượn quanh phố phường, có thời gian đi hát karaoke hay quá mức nữa là đùa với những căn bệnh chết người của thời hiện đại. Và khi nói đến những tệ nạn xã hội người Hà Nội cho tôi biết một khái niệm mới về sự giàu có. Giàu là nuôi được hai thằng nghiện cho đến chết. Một khái niệm về chuyện có tiền của lâu bền chứ không giàu nổi như ngày xưa vốn được tính bằng nhà đất, cây và chỉ vàng.

Tuy thế, cũng xin đừng nghĩ rằng thanh niên chỉ có những kẻ nghiện. Thanh niên Hà Nội và thanh niên, sinh viên từ các tỉnh khác, từ vùng nông thôn vào Hà Nội đi làm và đi học trông đàng hoàng, chững chạc hơn xưa rất nhiều. Tôi nhớ hồi chính mình còn là sinh viên chỉ có chiếc xe đạp 'còm' đi lượn vòng quanh nhà bạn bè. Thanh niên bây giờ gần như ai cũng có xe máy, kể cả những bạn từ tỉnh xa về học. Số đi xe đạp và sống ở các 'ký túc xá' có lẽ chỉ còn là những người từ nông thôn ra, nhà nghèo nên chỉ đủ tiền ăn học. Nói chuyện với một bạn sinh viên từ một tỉnh xa đến Hà Nội. Cuộc nói chuyện cho thấy, như các nhà nghiên cứu chính trị đã chỉ ra từ lâu nay, khi kinh tế và mức sống phát triển đến một mức nào đó thì ý thức chính trị xã hội của con người ta cũng tăng. Trái với những điều nhiều người thường cho rằng thanh niên Việt Nam không quan tâm đến chính trị, anh sinh viên này nói anh và các bạn đều quan tâm đến những chuyện đang xảy ra trong nước và thế giới. Anh kể : " *Hồi ông Nông Đức Mạnh lên, bọn em cũng tụ tập bàn tán nhiều lắm. Ông ấy là người thế nào ? Sẽ làm được gì cho đất nước ?* ". Hay gần đây là " *Ông Lê Minh Hương là người thế nào ? Bộ trưởng Công An sao không trả lời báo chí về chuyện giải quyết các vụ tham nhũng lớn* ". Rồi chuyện Bin Laden, Mỹ, Afghanistan v.v. Theo anh này thì nhiều sinh viên cho rằng vấn đề chống tham nhũng không thể giải quyết được nếu không có những quyết định chính trị dứt khoát. Nhưng khi hỏi bạn nghĩ thế nào về một mô hình chính trị, xã hội mới thì anh sinh viên này không biết trả lời ra sao. Nhiều bạn trẻ Việt Nam, nhất là từ các tỉnh đến Hà Nội tỏ ra không hài lòng trước chuyện họ không có được cơ hội và quan hệ như người cùng lứa ở thành phố. Nhưng họ không nghĩ đó là vấn đề thuộc về thể chế, chẳng hạn như chế độ hộ khẩu là một sản phẩm đặc trưng của chế độ toàn trị, mà cho rằng đó là những thứ bất công hiển nhiên có ở Việt Nam. Vì thế họ không hài lòng nhưng phải tìm cách 'đi đường vòng' để tìm cách giải quyết chứ không chống trên nguyên tắc.

Bữa cơm toàn cầu hoá thay đoạn kết

Tôi về rồi lại đi và tự ý thức được rằng nói thì rất dễ, làm mới khó. Những vấn đề như dân số, đất đai, ô nhiễm môi trường và sự thiếu vắng những bước giải quyết cơ bản về chính trị, xã hội là những điều người sống trong nước đang phải chịu, phải đương đầu. Những vấn đề đó không phải chỉ riêng Việt Nam mới có, kể cả chuyện di dân, tranh chấp đất đai và xung đột ở từng điểm như tại Tây Nguyên. Vấn đề là ở chỗ bộ máy quan liêu khổng lồ của Việt Nam, vốn được xây dựng để kiểm soát hơn là để tạo điều kiện phát triển nay đang phải thay đổi để gánh vác một nhiệm vụ quá nặng nề. Cỗ xe đó cần được

Xem tiếp trang 15

Phe cực hữu ở Pháp

“ Thế kỉ này lên hai... ”

NGUYỄN QUANG

Các cuộc bầu cử năm 2002 này ở Pháp trở thành một thứ phim “ bộ ” (tồi tệ) trên màn ảnh TV. Sau màn kịch giật gân của vòng đầu cuộc bầu cử tổng thống, là “ sự thức tỉnh của chế độ cộng hoà ” ở vòng hai với kết quả là ông Jacques Chirac, từ một thế đứng thảm hại về chính trị (phái hữu suy yếu, 5 năm cắn răng “ ở chung ” với đa số phái tả ở Quốc hội) cũng như về pháp lí (cá nhân ông dính líu với hàng loạt vụ bê bối bị phanh phui), nay bỗng được tái cử với tỉ số phiếu chỉ có ở các nước “ cộng hoà vườn chuối ” xưa kia ở Nam Mĩ (82 %) ! Màn kịch cụp lạc vẫn chưa kết thúc : cử tri phái tả bực bội vì không được bỏ phiếu cho ứng cử viên của mình ở vòng hai, rất có thể sẽ muốn biến cuộc bầu cử Quốc hội tháng 6 này thành một vòng ba với kết quả là tái diễn một cuộc “ ở chung ” (tổng thống phái hữu, thủ tướng phái tả). Có người coi đó là bằng chứng cuộc khủng hoảng định chế của nền Cộng hoà thứ V vì tình trạng “ ở chung ” dễ làm “ trắng đen lẫn lộn ” đồng thời làm suy yếu ngành hành pháp. Ngược lại, có người lại nghĩ điều đó chứng tỏ hiệu lực của định chế vì nó cho phép cử tri “ làm lại bài thi ” để sửa chữa một “ sự cố ngoài ý muốn ”.

“ *Tổng số của mọi nỗi lo sợ* ”

Đó phải chăng chỉ là một “ sự cố ” ngẫu nhiên ? Do khía cạnh “ trưng cầu dân ý ” chống phe hữu cực đoan của vòng hai cuộc bầu cử tổng thống, nên sau ngày 5.5, nhiều người đã thở phào nhẹ nhõm, thậm chí chào mừng “ thắng lợi ” của nhân dân Pháp, còn giới chính trị dường như lại tà tà như cũ. Như thể mọi sự đã trở lại trật tự cũ, Le Pen “ chỉ ” được 18 % phiếu bầu. Khốn nỗi 18 % nghĩa là 5 triệu cử tri đã dồn phiếu cho căm thù và bài ngoại, ở vòng hai nghĩa là đã cân nhắc và suy nghĩ ; trong một ý nghĩa nào đó, đây là những lá phiếu “ nặng cân ” vì trước đó đã có những cuộc biểu tình chống Mặt trận Quốc gia và các phương tiện truyền thông đã dồn dập vận động chống Le Pen. Có thể nói một cách bi quan rằng mặc dầu Le Pen đã bị vạch mặt, xã hội Pháp đã bị “ Le Pen hoá ” thêm một nấc ; và mặc dầu cuộc bầu phiếu ngày 5.5 có ý nghĩa “ trừ tà ” nhất định, nếu không có một sự chuyển biến về bề sâu, quá trình “ Le Pen hoá ” sẽ còn tiếp tục.

Tại quê hương của Nhân quyền, vào đúng năm kỉ niệm lần thứ 200 ngày sinh của Victor Hugo (*), mà đảng cực hữu được tới 18 % phiếu bầu, làm sao lí giải được điều này ? Vẫn biết chính ông Chirac đã tập trung nói tới “ tình trạng mất an ninh ” trong suốt thời gian tranh cử, và các media đã đua nhau hò hét cùng một điệp khúc, song thử hỏi nước Pháp “ mất an ninh ” tới mức nào ? Khó nói rằng nước Pháp đang chìm ngập trong máu lửa hay đang sống trong tình trạng giới nghiêm, thiết quân luật (1). Số tội phạm có tăng, song các chỉ số đều cho thấy tình hình ở đây chưa tới mức ở Anh, Đức hay Hà Lan. Bạo lực ở đô thị và những vành đai ven ô rõ ràng là đáng ngại, nhưng thật không thấm vào đâu so với Hoa Kì. Bất luận thế nào, làm sao giải thích hiện tượng này : Le Pen được nhiều phiếu nhất ở vùng quê Alsace là vùng không có dân nhập cư và không có tình trạng ‘mất an ninh’ mà Le Pen đổ vấy ‘dân nhập cư’ gây ra ?

Vì vậy phải mở rộng phạm vi thảo luận, vượt ra khỏi những đặc thù của xã hội Pháp để nhìn toàn cục các nước Tây Âu. Ta sẽ thấy rõ một xu hướng chung : tại các nước của Liên hiệp Châu Âu (trừ hai biệt lệ là Anh và Đức), các đảng cực hữu, mà các nhà quan sát chính trị thường gọi bằng cái tên mĩ miều là các đảng “ dân tuý ” hay “ duy dân ” (populistes), đã giành được từ 15 đến 25 % số phiếu (ngoài Liên hiệp Châu Âu, có cả Thuỵ Sĩ) ; thậm chí ở Áo và Ý (sắp tới ở Hà Lan), chúng tham gia chính phủ. Gần như ở hầu hết các nước Tây Âu, lợi dụng sự thong manh (mù loà) và đù đờ của giới chính khách truyền thống, một số chính khách mị dân đã khôn khéo lướt sóng trên cái biển sợ của quần chúng : sợ mọi biểu hiện của tính hiện đại, của công nghệ, của toàn cầu hoá ; sợ mọi biến đổi của xã hội, sợ mất vị trí xã hội ; sợ mất đi những xác tín ; sợ mất bản sắc, không còn biết mình là ai ; sợ kẻ khác, sợ người lạ, sợ NNN (như công an Việt Nam vẫn quen viết tắt ba chữ ‘người nước ngoài’)...

Đứng trước cả trăm thứ sợ ấy, kẻ nào dám nói là biết bắt mạch để chỉ đích danh một căn bệnh chung, chỉ là một tay lẻo mồm khôn vặt, hay đúng hơn, một tên nói láo... không biết sợ. Chẳng hạn như lối chẩn bệnh mác-xít sơ cấp, quy tất cả vào cuộc khủng hoảng kinh tế và quá trình toàn cầu hoá. Tất nhiên có tác động của cuộc khủng hoảng, nhưng tại sao các nước ít bị động chạm nhất (Thuỵ Sĩ, Áo, Hà Lan, miền bắc Ý, Pháp...) lại là những nước lên cơn sốt “ duy dân ” ? Xin nêu thử ra đây một tiếp cận khác, không nhất thiết mâu thuẫn với tiếp cận mác-xít, nó gắn liền với viễn cảnh lịch sử của mạt kỉ XX : sự suy tàn của Nhà nước - Dân tộc.

Sự suy tàn của Nhà nước - Dân tộc

Đầu tiên là khái niệm dân tộc, vì nó đụng chạm tới vấn đề nhập cư, đề tài câu khách của các đảng cực hữu. Theo định nghĩa của các triết gia Thế kỉ Ánh sáng (thể hiện mạnh mẽ trong Cách mạng Pháp), dân tộc là tập hợp những công dân sống trên cùng một lãnh thổ, dưới cùng một chính thể. Song ý niệm dân tộc tất nhiên có từ trước đó rất lâu, và truyền thống đối nghịch với tư trào Ánh sáng, cụ thể hơn : phái hữu phi cộng hoà, không quan niệm dân tộc là một cộng đồng công dân, mà như một gia đình, một dòng họ. Le Pen hay viện dẫn Jeanne d’Arc, ngôn từ của y là ngôn từ của chế độ Vichy : quốc tịch công dân chỉ là một quy chế pháp lý “hư cấu”, nếu cần thì truất phế, cộng đồng dân tộc chủ yếu là vấn đề lịch sử, văn hoá, một thuộc tính “ hữu cơ ” (thậm chí “ huyết thống ”, “ giống nòi ”). Với quan niệm “ hữu cơ ” ấy, thì khi một cơ thể mắc bệnh, phải làm sao ? Phải trục xuất những nhân tố sinh bệnh.

Bệnh ấy là bệnh gì ? Tất nhiên có khủng hoảng kinh tế. Những tác động của khủng hoảng kinh tế về mặt xã hội chừng nào đã bị chặn bởi cơ chế bảo hộ của “ Nhà nước ban phát ”

(2), song ngược lại, ngân sách của Nhà nước lại bị cuộc khủng hoảng làm cho cạn kiệt. Những thành phần nghèo khó nhất (nghèo khó là khái niệm tương đối, người dân các nước nghèo chỉ mong được "nghèo" như thế) cảm thấy như bị bỏ rơi khi Nhà nước ban phát phải từng bước giải kết, và họ càng phẫn uất hơn khi họ thấy phải chia sẻ những " mẩu bánh thừa " với bọn " người nước ngoài " cố nhiên là " không xứng đáng ". Tình trạng " bất an " trước hết là mất an toàn xã hội, những lá phiếu " duy dân " trước tiên là tiếng thất thanh S.O.S. mà Le Pen đã thính tai và khai thác. Nhờ những khẩu hiệu kiểu " *Về mặt kinh tế, tôi là người phái hữu, về mặt xã hội, tôi là người phái tả, và về mặt dân tộc tôi là người Pháp* ", Mặt trận Quốc gia F.N. của Le Pen đã trở thành chính đảng công nhân số 1 ở Pháp ! Nạn " bất an " còn ám ảnh cả những tầng lớp trung lưu thuộc khu vực thứ ba, là hậu thuẫn hiện nay của phái tả : các tầng lớp này không thể không nhận thức những bước thụt lùi liên tiếp của Nhà nước trong lãnh vực tội phạm (những "khu vô pháp luật" ở các thị trấn chung cư), trước các phong trào tự trị (điển hình là "quá trình Matignon" trong vấn đề đảo Corse), trước các yêu sách có tính chất " phường hội " (nông dân đập phá toà tỉnh trưởng, hiến binh mặc quân phục xuống đường biểu tình, bác sĩ biến con bệnh thành con tin), trước sự tan biến của tinh thần công dân, thậm chí của sự lễ độ tối thiểu (trên các tuyến xe buýt, xe điện hầm, xe lửa)... như là biểu hiện sự suy nhược của Nhà nước, sự tàn rữa cơ thể xã hội dưới sức ép của mọi thứ chủ nghĩa cá nhân. Nói vô phép đối với những ai chủ trương " liberal triệt để ", những lá phiếu phản đối trong cuộc bầu cử vừa qua không đòi "bớt" Nhà nước, mà "thêm" Nhà nước.

Có thể đây là một tiến trình lịch sử tự nhiên, sự tiêu vong của Nhà nước - Dân tộc ở châu Âu diễn ra đồng thời với sự phát triển của phong trào liên bang (xây dựng Liên hiệp Châu Âu), song phong trào này còn xa mới làm tròn chức năng tích hợp (hội nhập) của nó. Không còn đâu ý chí và khí thế " không tưởng " của những ngày đầu, chỉ còn thấy Châu Âu của con buôn, của những chuyên gia kĩ phiệt, gây ra cảm tưởng (đúng hay sai) là quyền hạn của các quốc gia đã bị chiếm đoạt, các nhà chính trị của mỗi nước chẳng còn quyền quyết định gì cả. Mọi quyết định dường như nằm trong tay Uỷ hội Bruxelles chẳng hạn, một cơ quan không có danh nghĩa chính đáng vì không do người dân bầu ra. Như vậy thì đi bầu làm gì nữa ? Không phải ngẫu nhiên mà đề tài xây dựng châu Âu hoàn toàn vắng bóng trong cuộc tranh cử vừa qua.

Vào năm 02 này của thế kỉ 21, tình hình phải nói là bi quan, song thật ra, không riêng ở châu Âu, và xét cho cùng, cũng chẳng mới. Khước từ cái mới, hoài nghi trước các tiến bộ, lo sợ trước một xã hội rộng mở, sợ kẻ khác ; co cụm vào những ý niệm mơ hồ về quốc tịch, lịch sử, văn hoá ; co cụm vào những thành luỹ mang mầu sắc tộc người, tôn giáo, bản sắc... đó chính là những thành tố căn bản của " chủ nghĩa toàn thống " (2). Ở bên kia Đại Tây Dương, chủ nghĩa toàn thống đã biểu hiện dưới những hình thái bạo liệt (vụ nổ mưu sát ở Oklahoma City, đợt phong thư nhiễm bệnh than...). Ở châu Âu, cho tới nay, nó mới chỉ biểu lộ ở các lá phiếu, song qua thùng phiếu nó đã vẽ nên những hình thù chính trị đáng ngại. Năm 1993, khi suy nghĩ về toàn cầu hoá, nhà xã hội học Đức Ralf Dahrendorf đã lo ngại các chế độ dân chủ không có khả năng chế ngự được các tác động của quá trình toàn cầu hoá : " Đối với thế kỉ 21, chắc chắn triển vọng một thế kỉ cực quyền không phải là viễn tượng ít có khả năng xảy ra nhất ". Hi vọng rằng sau này nhìn lại, nói tới năm 02 của thế kỉ 21, người ta nghĩ tới Victor Hugo hơn là Ralf Dahrendorf.

Nguyễn Quang

(1) Ít lâu nay, một vài thị trưởng ở Pháp đã ra lệnh giới nghiêm, cấm thiếu niên ra đường sau 23 g. Không nói tính chất cục bộ, mị dân (và vô hiệu) của chúng, ở đây chỉ cần nhấn mạnh là không thể mở rộng lệnh giới nghiêm ra giới thanh niên, vì như vậy sẽ vi hiến, xâm phạm quyền tự do đi lại.

(2) Xem phần 5 loạt bài về cuốn sách " ***Thời đại của những thái cực***" (Diễn Đàn số 119, tháng 7.2001).

(*) *Chú thích của DĐ* : Victor Hugo sinh năm 1802. Tựa đề bài báo này là câu thơ nổi tiếng của ông : *Ce siècle avait deux ans...* (tập thơ *Lá thu* / *Les feuilles d'automne*, 1830)

Tiếp theo trang 13

Việt Nam, đất và nước...

đặt trên một *đường rầy* chính trị rõ ràng để tiết kiệm tài sản, vốn liếng, tài nguyên và sức người. Trong khi đó, dân chúng vẫn cứ xoay xở, tìm giải pháp riêng của mình, như một đàn kiến chạy quanh. Sang châu Âu, sang các nước trong vùng và đi xa hơn nữa. Từ Hà Nội tôi trở lại Bangkok vào làm việc với văn phòng của BBC chừng vài giờ. Đến tối, một anh bạn ở Ban tiếng Thái dẫn đi khu Patpong xem chợ bán đồ rởm và khu phố đèn đỏ. Ôi trời, sao mà nóng, bụi bậm, ồn ào và chen chúc. Sau khi đi một vòng khu đó, chúng tôi qua đường vào một quán ăn đồ biển ngay trên vỉa hè mà anh bạn nói là đặc trưng Thái Lan. Ngồi đặt món mới phát hiện ra là tất cả những người làm ở đó đều là dân từ Hà Tĩnh chạy sang. Có cô gái nói cô đi bộ vượt rừng sang được chừng vài tháng, có một cậu khác kể đã ở đây được hơn một năm. Họ thuê mặt vỉa hè và mở quán, thỉnh thoảng chi tiền cho cảnh sát để không bị đuổi. Vào bữa ăn vui vẻ tôi hỏi chuyện thêm thì càng thấy thú vị là chẳng ai là người Thái cả. Anh bạn của chúng tôi hoá ra có cha mẹ là người Hoa dù anh sinh ra và lớn lên ở Bangkok. Các chủ quán và hầu bàn người Việt còn người nấu bếp là dân Miến Điện. Thế mà món ăn lại rất Thái, theo như khẳng định của anh bạn. Anh cũng ngạc nhiên rằng không nghĩ rằng mấy người làm quán là Việt Nam vì họ nói tiếng Thái rất chuẩn, tuy có lúc hơi chậm. Chà, người Việt ta giỏi thật. Cứ thế, chúng tôi ngồi ăn uống, nói chuyện trên vỉa hè Bangkok, không xa khu phố kinh doanh sex thật xô bồ, nơi các ông bà Tây Tàu đủ loại đến mua vui hoặc đi lượn cho thỏa chí tò mò. Ở đó, chắc chắn là có những cô gái đủ các dân tộc khác nhau đang hì hục kiếm sống trong tiếng nhạc nhảy đến ù tai. Nhạc của thời toàn cầu hoá ? Nếu cho là như một thời kỳ dù thích hay không cũng phải công nhận là rất hết sức thú vị.

NGUYỄN GIANG

Toàn cầu hoá, bản sắc dân tộc, và kiến trúc

Văn Ngọc

Hiroshi Hara, *Umeda Sky City*, Osaka, Nhật Bản (1988-1993), một xu hướng kiến trúc nặng về hình thức, và nặng về kỹ thuật.

Trong kinh tế thị trường, mọi sản phẩm đều được coi là hàng hoá, kể cả khoa học, kỹ thuật, kể cả nghệ thuật. Chính sách toàn cầu hoá tự do mậu dịch đã được áp dụng trong mọi lãnh vực, kể cả lãnh vực kiến trúc. Nhưng ở đây, vấn đề có hơi tế nhị hơn một chút : nó đã gặp phải, không chỉ một đối thủ nặng kí mà ít ra là hai : đó là " bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc " và " lý thuyết thích ứng áp dụng cho những nước đang phát triển ".

Kiến trúc, một mặt gắn liền với khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật, nhưng mặt khác, lại gắn liền với những truyền thống văn hoá của một dân tộc. Bản thân nó là một sản phẩm văn hoá, song nó không chỉ là một tác phẩm nghệ thuật, mà còn phải phù hợp với nếp sống vật chất và tinh thần của dân tộc đó. Cũng như nó phải phù hợp với môi trường thiên nhiên và khí hậu địa phương, v.v.

Nhưng nếu chỉ xét trên bình diện đó thôi, thì ngay cả kiến trúc cũng là một sản phẩm có thể mua đi bán lại, trao đổi được giữa nước này với nước khác, một khi người kiến trúc sư - dù là một người nước ngoài - quán triệt được tất cả các yếu tố văn hoá cần thể hiện qua ngôn ngữ kiến trúc, để đáp ứng những nhu cầu của người chủ công trình. Thậm chí, ngay cả cái " bản sắc văn hoá ", người kiến trúc sư cũng có thể diễn đạt được, miễn là người chủ công trình biết cái " bản sắc văn hoá " đó nằm ở đâu. Ngôn ngữ kiến trúc vốn là một ngôn ngữ quốc tế, một ngôn ngữ linh hoạt (tôi không muốn nói phong cách !).

Vậy thì còn cái gì ngăn trở, không cho phép một sự " toàn cầu hoá " toàn diện trong lãnh vực kiến trúc, từ khâu đầu tư, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, kỹ thuật, thiết bị, đến phương án kiến trúc, tính toán kết cấu, thậm chí nhân công : kiến trúc sư, kỹ sư, v.v. ?

Vấn đề là, một nước nông nghiệp, còn nghèo nàn và thiếu thốn về đủ mọi mặt trong nhiều lãnh vực, như Việt Nam, có nên làm theo mô hình ấy không ? Và làm như thế để làm gì, nếu không là để có một nền kiến trúc " hiện đại " ?

Mà khái niệm " hiện đại " này, nên hiểu như thế nào ?

Đây thực ra là một khái niệm khá mông lung, không biết đến đâu là cùng được. Nếu chỉ hiểu theo định nghĩa của từ điển : " *hiện đại là thuộc thời đại mình đang sống và có áp dụng những phát minh, những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật, văn học, nghệ thuật, v.v* ", thì một nước chưa phát triển chỉ còn cách mua, nhập những hiểu biết về qui hoạch, kiến trúc, những kỹ thuật xây dựng, những vật liệu, thiết bị tiên tiến nhất của những nước công nghiệp phát triển. Nhưng làm như thế, nhiều lắm cũng chỉ có thể xây dựng lên được những công trình kiến trúc " hiện đại", chứ không thể nào tạo lập nên được một nền kiến trúc " hiện đại ".

Song, cũng như ở Porto Alegre (Brasil, 1-02), các lực lượng chống " toàn cầu hoá " (tự do mậu dịch vô tội vạ) , đã giương cao khẩu hiệu " *Có thể xây dựng một thế giới khác !* ", trong kiến trúc, nhất là ở các nước đang phát triển, người ta cũng có thể *xây dựng một nền kiến trúc khác,* kinh tế hơn, và nhân bản hơn. Đó là một nền *kiến trúc thích ứng,* dựa trên những điều kiện thực tế của đất nước mình, và phù hợp với nếp sống vật chất và tinh thần của người dân.

Cũng có thể kết hợp tiến hành cả hai cách làm kể trên cùng một lúc, với điều kiện là các kỹ thuật, thiết bị và vật liệu, nếu phải nhập, thì cũng phải là những sản phẩm được chọn lọc kỹ càng, những sản phẩm " thích ứng ". Bởi xây dựng một nền *kiến trúc thích ứng* cũng đòi hỏi một thời gian tối thiểu. Có thể 5 năm, hay 10 năm. Phải có thời gian để nghiên cứu, khai thác những sáng kiến, thử nghiệm các vật liệu, để người kiến trúc sư và người kỹ sư kịp thiết kế những dự án kiến trúc thích ứng, dựa trên quan niệm mới, với những kỹ thuật, và những vật liệu thích ứng, đôi khi cũng chỉ là những kỹ thuật, những vật liệu truyền thống, đã sẵn có tại chỗ.

Đã từ nhiều năm nay, sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các nước trên thế giới dẫn đến tình trạng những nước có nền kiến trúc " hiện đại " và một nền công nghiệp xây dựng tiên tiến chiếm độc quyền xuất khẩu những hiểu biết và những công nghệ của mình sang các nước chậm tiến. Do đó, tại các nước này dần dần nảy sinh ra thói ỷ lại : thay vì áp dụng phương châm " *tự lực cánh sinh* " và " *tiết kiệm nhiên vật liệu*", thay vì tự xây dựng cho mình một nền kiến trúc và một nền công nghiệp xây dựng dựa trên những điều kiện thực tế của đất nước mình, thì người ta chỉ biết trông vào sức mua để nhập mọi thứ sản phẩm cần thiết, nếu cần thì đi vay mượn, miễn sao giải quyết được phần nào những vấn đề đặt ra trước mắt ! Việc xây dựng một nền kiến trúc lành mạnh, có bản sắc, một nền công nghiệp vật liệu xây dựng độc lập, một đội ngũ kỹ sư, chuyên viên thật sự lành nghề, bị gác qua một bên ! Cái giá phải trả cho sự " hiện đại " ở những nước chưa phát triển thường là những món nợ to lớn.

Cứ xem các xu hướng kiến trúc đương đại ở một số nước công nghiệp phát triển, như Nhật, Mỹ, chẳng hạn (nhất là Nhật), thì đủ thấy cái giá phải trả cho sự " hiện đại " - hiểu theo cái nghĩa hoàn toàn *duy mỹ* và *hình thức* - là cả một sự lãng phí vật liệu, nhiên liệu, tiền của, và công sức, không biết đến đâu mà kể ! Đây cũng chính là một vấn đề lớn của kiến trúc ở thời đại ngày nay, khi cái đạo lý xây dựng nhằm mục tiêu *đẹp, rẻ, bền* và *tiện dụng*, đã bị đánh mất !

Người ta không thể bàng quan trước một hiện tượng vô cùng phi lý, thậm chí phi đạo lý : một đằng, là một sự lãng phí công, của, kỹ thuật, vật liệu, đầu tư vào những công trình kiến trúc với phong cách " hiện đại " nhất, và với những kỹ thuật tối tân nhất. Những công trình này được xây cất lên không những chỉ ở các nước có nền công nghiệp tiên tiến, mà còn ở ngay cả một số nước chưa phát triển ! Có thể nghĩ rằng, những công trình này, ngoài cái chức năng sử dụng ra, còn có vai trò rao hàng, quảng cáo cho một sự phồn vinh giả tạo nào đó của một quốc gia, hay của một công ty, chủ công trình. Có thể ví chúng như những chiếc xe đua *Formule 1*, với sự khác nhau là những chiếc xe đua này, ngoài việc quảng cáo cho các hãng xe

hơi ra, còn có chức năng phục vụ cho việc thử nghiệm, nghiên cứu, để đạt tới một chất lượng kỹ thuật tối ưu nào đó của từng bộ phận máy móc. Tuy nhiên, điều đáng quan tâm hơn cả, là những công trình kiến trúc này, dù cho có một lợi ích thật sự về mặt thương mại, nhưng thường hay được đề cao như những mẫu mực của nền kiến trúc " hiện đại " trên mặt báo chí chuyên ngành, cũng như trong các trường kiến trúc. Điều này có một tác dụng tai hại : nó có thể hướng kiến trúc vào một con đường nặng về hình thức, và nặng về kỹ thuật, một cách không cần thiết !

Đương nhiên, cũng có những trường hợp ngoại lệ, những công trình thật sự cần thiết cho sự phát triển của nền kinh tế, đòi hỏi phải sử dụng những kỹ thuật tiên tiến mới thực hiện được như : những mái vòm lớn bằng bê tông, những kết cấu sắt thép nhẹ ba chiều , những cao ốc, những chiếc cầu lớn, v.v.

Trong khi đó, thì ở các nước chậm tiến, sự nghèo nàn, thiếu thốn, lại là phổ biến : người ta thiếu đủ mọi phương tiện, từ những tri thức về khoa học, kỹ thuật xây dựng, về qui hoạch, kiến trúc, cho đến các thiết bị, máy móc, vật liệu, v.v.

Theo quan điểm " thích ứng " (1), áp dụng cho một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa có công nghiệp phát triển, thì : một nền kiến trúc ăn khớp với những điều kiện thực tế của nước đó, từ điều kiện kinh tế, khoa học-kỹ thuật, đến điều kiện khí hậu, thuỷ văn, truyền thống ăn ở, sinh hoạt, giải trí, truyền thống thẩm mỹ, tín ngưỡng v.v. nền kiến trúc đó mới thật sự là hiện đại. Quan niệm " thích ứng ", không chỉ có mặt thiết thực, kinh tế, và khoa học, mà còn có mặt nhân bản, đạo đức. " *Kiến trúc (thích ứng) phải là biểu hiện thường trực và cụ thể nói lên bản sắc văn hoá của một cộng* đồng ", theo Hassan Fathy (1900-1989), một kiến trúc sư lỗi lạc người Ai Cập, người đầu tiên chủ xướng quan niệm thích ứng trong kiến trúc, và là tác giả cuốn *Construire avec le peuple*, NXB Sindbad, 1970.

Tư duy " thích ứng " còn hiện đại ở chỗ nó lấy sự " tự lực cánh sinh " làm phương châm, và dựa vào sự khai thác các nguồn nhiên vật liệu thiên nhiên, đồng thời dựa vào những " công nghệ thích ứng " và nguồn nhân lực tại chỗ. Từ đó xây dựng một nền kiến trúc lành mạnh, đáp ứng đúng những nhu cầu của đời sống mới, phù hợp với những đặc trưng của khí hậu và những truyền thống kiến trúc địa phương : nơi ăn, chốn ở, chỗ sinh hoạt, nghỉ ngơi, vừa tiện nghi, vừa đầy đủ vệ sinh, ánh sáng, v.v., mà vẫn tôn trọng được phần nào những không gian và những chức năng truyền thống. Chẳng hạn như trong ngôi nhà truyền thống Việt Nam ở đô thị, có những yếu tố kiến trúc có chức năng truyền thống, mà người ta vẫn ưa thích, như : chiếc sân trong có chậu cây, bể nước, cái giếng trời, căn gác nhà cầu, gác sân con ở mỗi tầng, gác sân thượng, v.v. ; ở nông thôn có : sân phơi, giếng nước, bể nước, hàng hiên với những chiếc giại che nắng, v.v. Ngoài ra, còn tuỳ theo từng vùng địa lý, từng cộng đồng văn hoá, song ở đâu thì trong nhà thường cũng phải có nơi để bàn thờ tổ tiên, hoặc nơi thờ cúng thần linh.

Kiến trúc thích ứng không phải là một lý thuyết cứng nhắc, mà một quyền lực nào đó áp đặt như một thứ luật chơi bó buộc, đôi khi nặng về hình thức (như " phong cách quốc tế ", chẳng hạn !). Người kiến trúc sư thiết kế trên cơ sở những nguyện vọng và nhu cầu của dân chúng. Điều đó đòi hỏi một sự tham gia tự nguyện tối thiểu của người dân, vì quyền lợi chung. Quan niệm thích ứng trong kiến trúc, thực chất là một quan niệm giàu tính chất xã hội và giàu tinh thần dân chủ. Nó dựa vào dân để xây dựng cho dân.

Về mặt thẩm mỹ, một nền kiến trúc thích ứng đương nhiên lấy sự đơn giản làm phương châm, vì tư tưởng chủ đạo của nó là thiên về chức năng, về nhu cầu của người sử dụng, về bản sắc văn hoá, và về khía cạnh kinh tế hơn là về hình thức (*Small is beautiful*, hoặc cũng có thể mượn tạm khẩu hiệu của Mies van der Rohe : *Moins est Plus*).

Đã không chọn con đường " thích ứng ", thì người kiến trúc sư, dù là ở một nước nông nghiệp lạc hậu, hay ở một nước công nghiệp phát triển, đứng trước vấn đề tìm bản sắc dân tộc cho kiến trúc, thường bị lúng túng, không biết phải làm cách nào để giải quyết vấn đề, và đôi khi đã phải dùng đến những biện pháp " dễ dãi ".

Trong lịch sử kiến trúc thế giới, không thiếu gì những thí dụ minh chứng cho điều này. Thí dụ điển hình nhất, có lẽ là " phong cách cổ điển " đã từng ngự trị ở hầu hết các nước Âu châu và Bắc Mỹ, với những " thức " (ordres) của nền kiến trúc cổ điển Hy Lạp-La Mã. Trong một thời gian dài đến cả ngàn năm, ở Âu châu, người ta đã coi đó là những biểu tượng của bản sắc văn hoá cộng đồng, vì nền văn minh Hy Lạp cổ vẫn được coi là cái nôi của nền văn minh Âu châu. Thậm chí, vào những năm 70 của thế kỷ XX, người ta còn thấy một phong cách kiến trúc hậu hiện đại ra đời lấy tên là " tân cổ điển", chủ trương đưa những thức cột (giả) của kiến trúc Hy Lạp cổ ốp lên mặt tiền, với dụng ý tạo nên một chút bản sắc văn hoá !

Thực ra, phong cách " tân cổ điển " cũng không phải là một sáng kiến mới mẻ gì ở những năm 70 của thế kỷ XX, mà nó đã có những tiền lệ : ở khu trung tâm của thành phố Washington D.C., thủ đô của nước Mỹ, các thức cột của kiến trúc đền đài của Hy Lạp-La Mã cổ đã được tôn vinh một cách khá trang trọng, và đã được xây bằng đá hoa trắng, với một tinh thần rất là " tân cổ điển " ngay từ cuối thế kỷ XVIII ! Ngay cả toà Nhà Trắng cũng vậy. Hiện tượng này thực ra có những nguyên nhân khá lô gích của nó : ngoài việc tác giả của phương án qui hoạch và thiết kế thành phố Washington D.C. là một người Pháp, những công dân Mỹ, gốc người Âu, mới nhập cư, chắc hẳn cũng đã thấy ngay sự cần thiết phải khẳng định cái nền văn hoá lâu đời của mình trên quê hương mới, và họ chưa kịp sáng tạo ra một phong cách kiến trúc nào khác thích hợp hơn là phong cách cổ điển của cha ông.

Dẫu sao, đứng về mặt nghệ thuật, việc sao chép lại những mẫu kiến trúc truyền thống, hoàn toàn không có một ý nghĩa sáng tạo nào cả, mà chỉ làm chậm bước tiến của nghệ thuật, thậm chí đôi khi còn dẫn đến những sai lầm tai hại.

Người ta còn nhớ, mãi hàng trăm năm sau cuộc Cách mạng công nghiệp đầu tiên ở Âu châu (1780-1880), và nhất là sau các phát minh quan trọng trong ngành xây dựng ở cuối thế kỷ XIX, như việc sử dụng các cấu trúc sắt thép, sự ra đời của vật liệu bê-tông, của chất dẻo, v.v. mãi đến những năm 60 của thế kỷ XX, ở Pháp người ta mới bãi bỏ được cái truyền thống đào tạo kiến trúc sư dựa trên sự sao chép những yếu tố kiến trúc đã lỗi thời của nền nghệ thuật cổ điển Hy Lạp-La Mã, và cùng với nó là những học vị dởm như Giải thưởng La Mã (1er Grand Prix de Rome), mà trong suốt gần một thế kỷ đã là đỉnh cao về mặt học thuật trong ngành kiến trúc !

Ảnh hưởng của nền kiến trúc cổ điển Hy-La sâu rộng và bền bỉ là như thế, vậy mà vào thời Trung cổ, ở Âu châu đã nảy sinh ra được hai phong cách kiến trúc độc đáo, vừa giàu óc sáng tạo, lại vừa kết hợp được chặt chẽ chức năng với hình thức thẩm mỹ, không gian kiến trúc với kết cấu công trình, và hoàn toàn không chịu một ảnh hưởng nào của kiến trúc cổ

điển Hy-La, đó là phong cách Roman (thế kỷ XI-XII) và phong cách Gothique (thế kỷ XIII-XIV). Hai phong cách kiến trúc này khác hẳn nhau, nhưng đều giàu bản sắc văn hoá (Ki-tô giáo). Sau này, nền kiến trúc dân dụng ở thời kỳ Phục Hưng Pháp (thế kỷ XV-XVI), với các lâu đài dinh thự của vua chúa dọc theo bờ sông Loire, cũng đã tự giải thoát được khỏi ách nô lệ văn hoá của phong cách cổ điển Hy Lạp-La Mã, để khẳng định phong cách riêng của mình.

Gần với chúng ta hơn, và có một ảnh hưởng quyết định hơn đối với nền kiến trúc đương đại, là sự tràn lan ra khắp toàn cầu của phong cách kiến trúc được gọi là " hiện đại " mà tiền thân là " phong cách quốc tế " ra đời vào giữa những năm 20 của thế kỷ XX.

" Phong cách quốc tế " (Style International) là sự tổng hợp những lý thuyết về qui hoạch, kiến trúc và hội hoạ, của các nhóm *Bauhaus* (Gropius, Đức), *Ring* (Mies van der Rohe, Bruno Taut, Đức), *de Stijl* (Theo Van Doesburg, J.J.P. Oud, Hà Lan) và *Purisme* (Le Corbusier, Ozenfant, Pháp-Thuỵ Sĩ). Nội dung của những lý thuyết này đã được trình bày tại các hội nghị C.I.A.M.(1928), sau này được tổng kết trong Hiến chương Athènes (1943). Chủ trương của nó là áp đặt một quan niệm xã hội, thậm chí một thế giới quan không tưởng và một phong cách kiến trúc khá khô khan, cho toàn bộ thế giới ! Chỉ riêng về mặt hình thức kiến trúc, " phong cách quốc tế " chủ trương : mái phải là mái bằng ; mặt tiền phải nhẵn nhụi, chỉ có bê-tông, kính, và sắt thép, không có diềm, không có gờ lồi ra ngoài ; cấu trúc phải là cấu trúc cột và sàn bê-tông ; hình khối chỉ có thể là những hình khối hộp với góc cạnh vuông vắn, với những đường thẳng, và nhất là cấm không được dùng đường cong (đường cong bị coi là tiểu tư sản !) ; màu sắc cho bên ngoài công trình thì chỉ được dùng có 3 màu : trắng, xám và một ít đen, thế thôi. Về mặt kích thước (cái này là do Le Corbusier !), không gian sinh hoạt chỉ cần vừa đúng mức cần thiết, dựa trên bảng số vàng Modulor của Le Corbusier : trần cao 2m26 (!), v.v. Không khác gì những qui ước trong kiến trúc cổ điển !

Đương nhiên, với những tiêu chuẩn, qui ước, như vậy, " phong cách quốc tế " đã gặp phải không ít trở ngại ! Mái bằng mà ở những xứ lạnh như Âu châu, mùa Đông mưa, tuyết, băng giá, mùa Hè lại nóng bỏng, không phải là giải pháp thích hợp nhất. Mặt tiền thẳng tuột, nhẵn nhụi, chỉ sau một thời gian vài tháng, dưới các cửa sổ đã đầy những vệt đen do nước mưa chuyên chở bụi bẩn từ trên đầu tường và cửa sổ chảy xuống ! Nói chung, tường và cửa sổ không có mái che nhô ra ở trên, đều chóng bị mưa nắng làm hư hỏng. Ngoài ra, cấu trúc sàn và cột bê-tông (hạng bự như ở Đơn vị Marseille, chẳng hạn) là loại kết cấu rất đắt tiền, v.v.

Cái nguy hại của những lý thuyết cứng nhắc này là chúng đã có một ảnh hưởng rất lớn đối với các giới chuyên môn, và sinh viên, đang thiếu lý thuyết, và trong nhiều thập kỷ người ta đã tin một cách mù quáng vào chúng, mà không chịu kiểm nghiệm. Kết quả, là khi cả Gropius, cả Mies van der Rohe, và một số thành viên khác của nhóm *Bauhaus* kéo sang định cư ở Mỹ, trước hoạ phát xít, thì vừa đặt chân tới đây, họ đã nắm ngay được những cương vị chủ chốt trong lãnh vực kiến trúc và nghệ thuật, nói chung. Và như vậy là ở đây, ảnh hưởng của " phong cách quốc tế ", của trường phái Bauhaus, của Mies van der Rohe, và Le Corbusier, một lần nữa lại thăng hoa hơn bao giờ hết !

Ở Âu châu, sau thế chiến thứ hai, bước vào thời kỳ tái thiết lại các đô thị bị tàn phá, các kiến trúc sư đã lao đầu vào qui hoạch, thiết kế và xây dựng một cách vội vã (điều này cũng dễ hiểu), và họ đã chịu một ảnh hưởng không nhỏ của " phong cách quốc tế " : những quần thể chung cư hình hộp dài như những bức tường thành, với mặt tiền thẳng tuột đơn điệu. Thực ra, thẩm mỹ hình hộp với những góc vuông, và những mặt phẳng, vẫn có một giá trị nhất định, với điều kiện là phải có một sự tương phản nào đó giữa các hình khối. Điều này, lúc đó những người chủ trương " phong cách quốc tế " dường như đã không quan tâm đến. Mặc dầu sau này, Le Corbusier đã có câu định nghĩa nổi tiếng : " *Kiến trúc là trò chơi tuyệt vời (...) của các hình khối trong ánh sáng* ". Điều nghịch lý khác, là phong cách này, mặc dầu dựa trên một quan niệm có tính chất xã hội rõ ràng, song lại hoàn toàn không kinh tế : ngay như có muốn xây một chung cư nhà ở rẻ tiền (HLM) theo phong cách này, cũng không thể nào làm được, do giá thành cao của cấu trúc cột và sàn bê-tông, của nền móng, cửa kính chạy thành một băng dài suốt mặt tiền, v.v. ! Và như vậy là, ngay sau chiến tranh, ở Pháp, người ta đã xây lên những quần thể chung cư hoàn toàn không có bản sắc và thiếu chất lượng (dân chúng gọi đó là những chuồng thỏ !). Phải gần 20 năm sau, mới thấy xuất hiện những tổng thể kiến trúc có dáng dấp nhân bản hơn. Đó là thời điểm ra đời của các phong cách hậu hiện đại.

Ở Marseille, Le Corbusier xây thử nghiệm một quần thể chung cư lấy tên là Đơn vị Marseille (Unité d'habitation de Marseille,1945-1952), đưa gần hết cả lý thuyết của phong cách quốc tế vào đó, cộng thêm những ý tưởng riêng của mình : nào là mái bằng, nào là mặt tiền phẳng nhẵn (nhưng cũng có loggia và claustra che nắng), nào là cấu trúc sàn và cột, bê tông để trần, nào là theo đúng kích thước Modulor (trần cao 2m26), v.v. Song, có lẽ vì bản thân Le Corbusier là một kiến trúc sư kiêm hoạ sĩ, nên sau khi xây xong, ông cũng đã phải cho sơn các loggia bằng đủ mọi màu sặc sỡ xanh đỏ tím vàng để cho cái toà nhà xây bằng bê-tông để trần này trông không đến nỗi buồn quá ? Cũng như ông đã phải phá lệ và đã sử dụng đường cong khi thiết kế nhà thờ Ronchamp, (1950-55) và quần thể Capitol ở Chandigarh (1951-62), nhưng đấy là chuyện 20-30 năm sau, khi " phong cách quốc tế " đã nghiễm nhiên trở thành " phong cách hiện đại " (khái niệm " phong cách hiện đại " bao hàm một ý nghĩa " toàn cầu hoá " còn sâu rộng hơn cả " phong cách quốc tế " !).

Le Corbusier, Đơn vị Marseille (1945-1952) Gác sân thượng - một sự lãng phí vô ích.

Tuy nhiên, ngay từ cuối những năm 20, và ngay trong lòng phong cách quốc tế, đã có những phản ứng mạnh mẽ và sáng tạo : Hans Scharoun (Đức), đưa những đường cong vào nhiều công trình chung cư ở Breslau,và Berlin ; Alvar Aalto (Phần Lan) đưa vật liệu gỗ và gạch để trần vào kiến trúc hiện đại, v.v. Nhưng phải chờ đến những năm 50, mới có được những thay đổi quan trọng về mặt hình thức : Hans Scharoun, với Phòng nhạc Philharmonie de Berlin (1956-63) ; Eero Saarinen (Mỹ), với các nhà ga hàng không ở New York (1956-1962) và Washington D.C. (1958-1963) ; Jorn Utzon (Đan Mạch), với Opéra de Sydney (1956-76) ; Oscar Niemeyer (Brasil) với các công trình ở São Paulo (1951-1957) và nhất là ở Brasilia (1958-1970), v.v.

Đến đầu những năm 70 thì một loạt phong cách mới ra đời,

được gọi chung là " hậu hiện đai " (tuy nhiên trong đó cần phân biệt ba phong cách khác hẳn nhau : *hậu hiện đại*, *high tech* và *tân cổ điển*). Những phong cách này đã hoàn toàn thoát ra khỏi vòng ảnh hưởng của " phong cách hiện đại ", về đủ mọi mặt : trước hết, là về mặt nội dung, giữa kiến trúc sư và người sử dụng đã có một sự tiếp xúc gần gũi hơn, một sự trao đổi ý nguyện giữa đôi bên thẳng thắn hơn, kiến trúc hậu hiện đại do đó cũng nhân bản hơn, vì chú ý hơn đến tâm lý và nhu cầu của người sử dụng. Về mặt hình thức, chúng cũng phong phú, đa dạng hơn, vì quan tâm hơn đến sự tương phản giữa các hình khối, đến sự sinh động của mặt bằng và mặt tiền, với những yếu tố kiến trúc truyền thống quen thuộc, có chức năng sử dụng nhất định như : bow-windows, loggia, v.v. Trong tất cả các phong cách này, có lẽ phong cách *hậu hiện đại* là còn kinh tế nhất và nhân bản nhất, có thể áp dụng được trong một nền kiến trúc thích ứng.

Vào những năm 80-90, với sự ra đời của những tác phẩm của Peter Eisenman (Trung tâm nghệ thuật Aronoff, ở Cincinnati, Ohio, Mỹ, 1988-1996), và của Frank O.Gehry (Bảo tàng Vitra Design, Bâle, Thuỵ Sĩ, 1987-1989, Trụ sở công ty điện lực Minden-Ravensberg, 1991-1995, và nhất là Bảo tàng Guggenheim ở Bilbao (1991-1997), người ta ghi nhận một bước tiến quan trọng trong sự tìm tòi về hình khối, không gian, màu sắc, chất liệu, và nhịp điệu.

Tuy nhiên, một điều vẫn khiến cho người ta phải băn khoăn, suy nghĩ là, từ Le Corbusier (Pháp), cho tới Oscar Niemeyer (Brasil), từ Norman Foster, Richard Rogers (Anh), Renzo Piano (Ý), đến Peter Eisenman, Frank O.Gehry (Mỹ), Hiroshi Hara, Tadao Ando, Fumikiko Maki (Nhật Bản), rõ ràng có một điểm chung nổi bật trong nền kiến trúc đương đại, ít ra trong một loại công trình siêu hạng nào đó, là xu hướng *duy mỹ*, quá nặng về *hình thức*. Từ đó, có thể khẳng định rằng xu hướng kiến trúc này không kinh tế, không rẻ, thậm chí quá lãng phí, và không nhân bản ! Cũng may là những loại công trình này chỉ là những trường hợp ngoại lệ, và không chiếm một tỷ lệ quá cao trong lãnh vực xây cất ở đô thị, và nói rộng ra, trong phạm vi cả một nước, đặc biệt nếu nước đó là một nước nông nghiệp ! Những phong cách kiến trúc này đòi hỏi một trình độ khoa học kỹ thuật, một trình độ công nghiệp hoá xây dựng rất cao, do đó không thể nào lấy làm gương cho những nước chưa phát triển được, và trong mọi trường hợp, chúng chỉ càng làm cho khoảng cách giữa đô thị và nông thôn ngày một thêm xa.

Raj Rewal (Ấn độ), *Chung cư cho sinh viên ở New Delhi* (1984-90), một trong những phong cách kiến trúc đơn giản, thích ứng với một nước

Trở lại vấn đề toàn cầu hoá đối với một nước đang trên đà phát triển. Nhìn từ góc độ kiến trúc, toàn cầu hoá trong các khâu kỹ thuật, thiết bị và vật liệu xây dựng, nói chung, có nhiều điểm tích cực, vì một mặt, nó đồng nhất hoá, chuẩn hoá được một số thiết bị, vật liệu và kỹ thuật xây dựng, thậm chí ngay cả một số qui phạm về qui hoạch và kiến trúc, cũng như những luật lệ hành nghề trong phạm vi quốc tế.

Song mặt khác, đứng về mặt chuyển giao kỹ thuật, đối với các nước chưa có được một nền kiến trúc lành mạnh và một nền khoa học kỹ thuật vững chắc, cũng như chưa có một nền công nghiệp vật liệu và thiết bị xây dựng phát triển, thì nó lại có nguy cơ làm kìm hãm sự phát triển của các nước này, như đã trình bày ở trên. Đối với các nước này, toàn cầu hoá chỉ thật sự đem lại lợi ích cho họ, khi nào có một sự giao lưu trên tinh thần bình đẳng, và một sự chuyển giao kỹ thuật dưới một hình thức hữu hiệu và lành mạnh (trong tinh thần thích ứng).

Hiện nay, một trong những hình thức chuyển giao kỹ thuật, hay đúng hơn, một hình thức nhập khẩu kỹ thuật, trong khuôn khổ kinh tế thị trường, là : người ta khoán toàn bộ một công trình cho một hay nhiều công ty xây dựng nước ngoài, các công ty này đem đủ hết cả kiến trúc sư, kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật, và máy móc của họ đến tại chỗ để thực hiện dự án do họ thiết kế. Đôi khi người ta cũng ghép vào dự án một vài kiến trúc sư, kỹ sư, hoặc một vài hãng thầu người bản địa.

Ở Việt Nam trong những năm gần đây, một số khách sạn do các công ty nước ngoài thiết kế và xây dựng đã phạm phải một số sai lầm về mặt kiến trúc : từ khách sạn Thống Nhất-Métropole Hà Nội, với cái mái kiểu Manssart (!), đến khách sạn Westlake-Meritus trên hồ Tây, với dáng dấp của một chung cư rẻ tiền và cái mái chùa ở trên nóc ! Khách sạn Hilton Hanoi Opera, ở ngay trước quảng trường Nhà Hát lớn, xây theo phong cách tân cổ điển, với những thức cột kiến trúc cổ điển Hy Lạp-La Mã, xấu thì không xấu, nhưng nếu xét về mặt bản sắc, thì hoàn toàn thiếu bản sắc Việt Nam !

Người ta có thể nghĩ rằng : những loại công trình công cộng cao tầng, tỉ như trụ sở công ty, hoặc khách sạn, dù cho có được thiết kế và xây dựng, với một phong cách kiến trúc " hiện đại ", hay " hậu hiện đại " nào đó, thì cũng chẳng ai chê trách vào đâu được, trừ phi là nó có quá xấu, quá lố lăng, hoặc vi phạm những luật lệ đã được qui định. Nhưng nếu ngay cả những công trình phúc lợi, qui mô khiêm tốn hơn như : cung văn hoá, trường học, nhà ở (chung cư hay biệt thự), mà cũng thiết kế theo tinh thần đó, thì không biết còn tìm thấy bản sắc văn hoá dân tộc ở loại công trình nào nữa ?

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, kiến trúc cũng như mọi thứ hàng hoá, có thể nhập, mua, thuê, lời lãi hai bên đã tính trước, được mua vừa bán, một khi người mua kẻ bán đều thuận, thì đâu còn vấn đề gì nữa ?

Tuy nhiên, một nước muốn phát triển có thể nào cứ mua mãi, thuê mãi, những kỹ thuật và thiết bị của nước ngoài để phục vụ cho sự phát triển của mình được không ?

Có nên đua đòi cách làm ăn phí phạm của một số nước tiên tiến không, nhất là mình lại ở vào cái thế của một nước nghèo, còn yếu kém về nhiều mặt, và còn cần đầu tư vào nhiều khâu quan trọng khác : giáo dục, y tế, khoa học, kỹ thuật, văn hoá, nghệ thuật, v.v. ?

Đến một lúc nào đó, chắc Việt Nam cũng sẽ phải chọn lựa, một sự chọn lựa đương nhiên không phải là dễ dàng : đầu tư vào những kỹ nghệ, công nghệ thích ứng, đầu tư vào các viện nghiên cứu, thử nghiệm, vào việc đào tạo kiến trúc sư, kỹ sư, chuyên viên lành nghề, nhằm xây dựng một nền kiến trúc phù hợp với những điều kiện thực tế của mình : một nền *kiến trúc thích ứng*, không phải chỉ để áp dụng cho các đô thị, không phải chỉ để xây dựng các khách sạn, các trụ sở công ty, mà còn để xây dựng nhà ở, trường học, bệnh viện, cho dân, và rồi còn để xây dựng cho nông thôn hiện đại hơn, khang trang hơn.

Nền kiến trúc này sẽ là cái gạch nối, rút ngắn khoảng cách giữa đô thị và nông thôn trong tương lai.

Văn Ngọc

(1) Xem DĐ số 99, 3-2001, Văn Ngọc, *Bản sắc dân tộc trong kiến trúc*.

Câu hát tìm nhau

QUẾ HƯƠNG

Tôi gặp lão lần đầu trong quán thịt chó của bà Tư béo, nơi tôi đến bỏ rượu gạo hàng chiều sau giờ đi làm. Lão xuất hiện với bộ dạng một người lỡ đường, tay bị, tay mũ cối, gương mặt rỗ hoa lấm tấm bụi đường và mồ hôi. Tưởng lão là người ăn xin, bà Tư đuổi như đuổi tà :

- Đi ra ! Để người ta bán, đừng có hãm tài.

- Thưa bà, tôi không xin. Tôi tận Hà Bắc vào đây tìm người quen. Bà cho tôi hỏi... bà có biết người này.

Lão chìa ra mảnh giấy bọc ép nylon như thẻ căn cước, ghi dòng chữ : Hai Xuân, người Bắc Ninh, có chồng tên Tuất. Sau 1975 có người gặp sinh sống ở Đà Nẵng.

- Mơ hồ thế có trời biết ! Không đường, không số nhà... Già rồi lẩm cẩm. Con cháu sáng suốt không sai đi tìm. Thôi đi chỗ khác. Đây cũng là dân ngụ cư thôi ! Không biết !

Bà chủ quay ngoắt, dềnh ngang bộ mông núng nính đi vào bếp. Lão lẩm bẩm :

- Cả tuần nay... hỏi ai cũng trả lời chừng đó !

Thương hại lão, tôi gợi chuyện :

- Thế bà Xuân người như thế nào ?

- Cô ấy người dong dỏng. Trắng tươi. Hát hay. Xinh đẹp.

Bàn thịt chó bên cạnh lập tức nhao lên :

- Ồ ! Cháu lão hả ? Bao nhiêu tuổi ? Để tụi này tìm giúp coi có " xơ múi " chi không ?

- Cô ấy thua tui một tuổi.

Cái quán ven đường bỗng oà vỡ tiếng cười. Tiếng đập bàn, la ó, huýt gió, hô hố... náo loạn.

- Thế thì " cố " chứ " cô " gì ! Làm tụi này tưởng bở bố ạ ! Cỡ ấy ra nghĩa địa tìm dễ hơn.

- Mà cố Xuân là gì của lão ? - Gã để râu xồm xoàm vừa nhai vừa hỏi.

- Xưa cô ấy là bạn hát quan họ của tôi.

- Lão vượt đường dài ở tuổi này để tìm một bạn hát xưa già khú đế à ?

- Vâng.

- Trời ơi... là trời... ở mô rớt xuống ông ngố đa tình như ri hở trời ! - Gã giọng Huế cùng bàn cúi gập người rên giữa một tràng cười. Còn lão điềm tĩnh, kiên định hỏi tiếp :

- Mua bản đồ thành phố ở đâu mấy chú ?

- Thôi lão ơi, có khát tợp ít ngụm rồi mua vé về nhà nằm nghỉ. Kiếp sau yêu cho dài ngày rộng tháng.

Rồi để thưởng câu nói mà gã tự cho là ý vị ấy, gã để râu ngửa mặt lên trời, ném điệu nghệ một miếng dồi chó vào miệng, nhai nghiến ngấu, tợp một ngụm rượu, khà một tiếng khoái trá.

- Ngoài tôi, chỉ có món xào và rựa mận là để bát đĩa. Còn các món khác đựng trong lá tất... Ăn bốc mới đúng điệu. - Đột ngột lão góp ý.

- Coi bộ cũng là dân nghiện mộc tồn.

- Phải thật thoải mái, không cần giữ ý tứ. Bữa ăn phải đượm mùi hoang sơ của những người lục lâm tứ chiếng.

- Mở đầu được đấy ! Mần ly rượu nói tiếp đi !

Câu chuyện xoay quanh chó : cách chọn chó, nấu chó, ăn chó... Lão sành đến nỗi những cái mặt đỏ gay, những cái miệng bóng nhẫy đều quay về phía lão hóng chuyện. Cái mông núng nính của bà Tư cũng yên vị trên chiếc ghế dựa hồi nào. Bà chủ đang há hốc miệng nghe lão bày cách chế biến từ bảy món cầy cơ bản thành mười món hoặc hơn nữa. Lạ là lão sành món " hương nhục " đến thế lại từ chối động đũa vào đĩa chó bà Tư đích thân bưng đến đặt trước mặt lão để mong thụ giáo. Lão giải thích hễ lão cầm đũa là phải ăn no mới thôi. Cái thứ này hễ ăn là say, ăn mãi... ăn thì phải đúng điệu với bạn tri ân để say còn khóc cười cho hả...

- Khách của tui đủ giới, ở khắp thành phố này - bà chủ lên tiếng - Dò tìm một cố Xuân nói giọng Bắc, vấn khăn, cao dong dỏng, biết hát quan họ không phải là khó. Tui sẽ nhờ anh em... sẽ để lão ăn thịt chó thỏa thuê không lấy tiền... với điều kiện lão giúp tôi tiếp khí sắc cho quán. Dãy này bốn quán... phải có ngón nghề đặc biệt mới kéo khách về mình...

Quán thịt cầy của bà Tư béo từ độ có lão bỗng đông khách hẳn. Thịt bao giờ cũng lớn bùi, bé mềm, cả tơ cả cứng cho đủ vị cuộc đời. Lá sen, lá dong riềng, lá chuối được thay đĩa men. Quán có đến mười hai món " hương nhục ", thơm điếc mũi. Buổi tối quán tắt đèn điện thắp đèn cầy ăn thịt cầy... âm âm u u thế mà gọi mời đáo để. Những câu chuyện về đời, về chó của lão dưới ánh nến bao giờ cũng khiến khách ăn cảm thấy bữa rượu thịt đậm đà. Bữa nào lão không tới, họ lại ăn uể oải đòi lão có mặt. Bọn họ gọi lão là " lão Tầm Xuân ". Cái quán ven đường rôm rả hẳn lên khi ông lão mặt rỗ hoa, ăn mặc nhếch nhác bước vào. Họ hát ong ỏng đón lão : " *Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc. Em đi lấy chồng anh tiếc lắm thay. Già rồi tiếc vẫn chưa nguôi. Xắn quần anh lội suối, khòm lưng anh vượt đèo...*". Có hôm, men rượu không giải được nỗi sầu vô vị, họ lại đem lão ra giải buồn. Họ đổi những tin " dỏm " về cố Xuân bằng những câu chuyện của lão hoặc một cú tẩm quất sướng ê người. Nếu quán vắng khách, họ nằm ườn ngay trên nền quán, ưỡn tấm thân trẻ trung rã rời cho lão tẩm. Xương bật giòn tan, còn bọn họ lè lưỡi : " Hồi trẻ, lão phải vật trâu ! "

- Hồi trẻ, tôi giật đến hai giải thi vật - Hứng chí lão khoe.

- Thế mà không vật nổi cô Xuân dong dỏng, trắng tươi, hát hay xinh đẹp.

Cả bọn cười ồ còn lão bỗng tiu nghỉu. Lão ngừng đấm hỏi :

- Lần này " dỏm " không đó ?

- Dỏm 50 %. 50 % có thể thật. Đứa nào nói dối 100 % hộc bia ra ngay.

Chân dung cố Xuân thay đổi xoành xoạch. Khi thì cố Xuân ở tận bên làng biển An Hải, mù vì khóc lão. Khi thì ở trên Hòa Khánh, điếc đặc. Khi thì ở tận Hòa Cường, suốt ngày ho sù sụ...

Có lúc bọn trẻ kéo vào quán một bà già nghễnh ngãng, ré lên : " Lão Tầm Xuân ơi, cố Xuân đây nè ! ". Bà già chửi te tua còn bọn chúng cười hô hố : Chỉ có lão không nói một lời. Tôi có cảm tưởng có cái gì nặng hơn chiếc lá khô vỡ tan tành trong lòng lão. Ôi lão Tầm Xuân ! Lão tìm trong cuộc đời nước chảy mây trôi như một hình bóng của ký ức thì tìm sao đặng ? Những cuộc " gặp " ấy để lại trong lòng lão dư vị cay

đắng. Lão ngồi uống rượu suông, mắt mờ đục như có khói và lão hát. Dĩ nhiên không phải để cho chúng tôi nghe ! Lão hát hay lắm. Hay đến nỗi có lần tôi phải chở vợ đến nghe. Nàng đứng ở ngưỡng cửa nghe lão hát bài ruột : " *Khi tương phùng, khi tương ngộ. Xuôi lên bộ, văng vẳng tơ tình. Chiêm bao lần chẳn năm canh. Bao lần anh ngồi tựa trăng thanh. Thương nhớ sầu oanh. Lẻ loi chim nhạn. Bạn tình ơi ! Em biết đến bao giờ gặp mặt sánh đôi. Suốt năm hoạ là. Duyên bén ngãn, văng vẳng tơ tình. Trước không phải, sau đền duyên ba sinh* ". Khó tưởng tượng một giọng hát say đắm ngọt ngào dường kia lại thoát ra từ một lồng ngực hom hem phô những giẻ sườn. Vợ tôi bảo không phải lão hát mà tình yêu lão hát. Nàng có đôi chút học vấn để nhận xét : đằng sau vẻ ngù ngờ, xấu xí, già nua kia là một trái tim thực có một cô Xuân dong dỏng, trắng tươi, hát hay, xinh đẹp trên đời. Cô Xuân ấy không bao giờ già, không bao giờ xấu, không bao giờ chết trong lão !

Sau lần nghe lão hát và những câu chuyện tôi kể về lão, vợ tôi bỗng trở nên " ái mộ " lão. Nàng bảo tôi chở lão đến nhà chơi rồi lão trở thành khách quen thuộc của cả nhà. Họ cũng bị lão " mê hoặc " như cả quán cầy tơ của bà béo. Lũ con tôi quý lão vô cùng. Lão bày chúng hát nghêu ngao những bài quan họ. " *Sớm đi chơi hội, tối về quay tơ. Dải yếm phất phơ. Miếng trầu, môi mốc. Miếng ăn, miếng buộc. Miếng gối đầu giường. Muốn tìm người thương. Tìm đâu cho thấy ?* "... Lão cho chúng những đồ chơi thật ngộ - những con vật bằng lá dừa biết ngúc ngắc, con gà trống bằng đất sét loè loẹt xanh đỏ tím vàng kẹp chiếc kèn lá có thể cất tiếng gáy... Bếp nhà ấm áp khi có lão. Lão nếm rượu chính xác như đo, hàn giúp cái xoong, cái nồi rất khéo. Lão mơ màng kể cho chúng tôi nghe những ngày hội Lim, những liền anh áo the khăn xếp, liền chị thắt lưng hoa lý, yếm đào con nhạn, mắt lá răm lúng liếng hát thâu đêm. Tôi ngồi nghe lão tả những làn điệu quan họ đắm say miên man dìu dặt và yêu cầu lão hát nhưng thường lão lắc đầu. Lão bảo hát quan họ phải có đôi, có bạn, có chỗ. Ký ức lão còn giữ nguyên vẹn những ngày hội quê lão : Hội làng, Hội Xuân, Hội mùa... Trai thi mạnh, gái thi mềm. Thi hoa, thi vật, kéo co, hát chèo, nấu cơm, đánh đu, cờ người...

- Lão gặp cố Xuân ở những ngày hội đó à ?

- Vâng. Đó cũng là ngày hội quan họ, cả vùng như ngấm men say, phát cuồng vì hội lễ. Năm ấy anh cu Rỗ là tôi tròn 18 tuổi, được cử vào bọn quan họ làng để luyện giọng thi hát với bọn quan họ làng bên kia sông. Nhà tôi ba đời hát quan họ. Tôi luyện trên dưới 200 giọng, thế mà khi hát đôi với cô ấy tôi run. Tâm hồn tôi lơ lửng không đặt hết vào lời. Cô ấy là tiên quan họ. Ngày xưa cô Tấm cũng đẹp thế là cùng ! Giọng hát sóng sánh. Mắt đen lóng lánh. Môi cắn chỉ đỏ thắm. Cần cổ như cuống hoa huệ... Tôi say, say lời hát, say cô ấy, quên cả ngón ruột phải tung ra vào phút chót để thắng dứt điểm. Cuộc thi kéo dài đến ba ngày. Tiếng trống dứt mới giật mình ngơ ngẩn. Dĩ nhiên tôi thua...

- Đa tình thế sao không lấy ?

- Lệ quan họ những đôi trai gái đã kết bạn quan họ không lấy nhau. Tình yêu có nảy sinh thì cũng gửi thương gửi nhớ qua lời hát. Kết nghĩa quan họ như kết nghĩa anh em, được cha mẹ hai bên, dân hai làng chấp nhận. Tình bạn ấy chân thành, thủy chung, thắm thiết không chỉ đời mình mà có khi còn đến đời sau. Làng tôi có nhiều cặp quan họ khi đầu bạc răng long, tình yêu trong câu hát xưa vẫn không tàn. Có dịp gặp nhau trên chiếu quan họ, họ lại sống lại thời xuân sắc. Anh em kết nghĩa quan họ gặp nhau " xuân thu nhị kỳ ", đến thăm nhau, ăn uống, vui chơi, ca hát với nhau. Mỗi bên có chuyện vui buồn đều tổ chức đi lại thăm viếng. Tôi nhận ra một điều : người ta có thể cho nhau niềm hạnh phúc to lớn biết dường nào và chẳng lần nào giống lần nào... Rồi cô ấy cũng phải đi lấy chồng. Bọn quan họ chúng tôi đến chia vui. Tôi đau lòng hát miên man...

Mắt lão bỗng mơ màng xa vắng. Rồi một giọng hát trẻ trung đằm thắm da diết cất lên : " *Ăn quả nhãn lồng. Ước sao người ấy tôi bồng trên tay...* ". Không phải lão Tầm Xuân tóc bạc da mồi hát mà anh cu Rỗ tóc đen như mun, da màu đồng, có giọng hát Trương Chi hát ! Cô ấy hiểu lòng tôi, chú ạ ! - Lão lại ngưng hát, kể : Tôi hát bài " Khi tương phùng, khi tương ngộ " ngang nửa bài thì cô ấy xen ngang, hát tiếp : " *Bạn tình ơi ! Em biết đến bao giờ họp mặt sánh đôi... Trước không phải, sau đền duyên ba sinh* ". Chúng tôi cắt câu quan họ làm đôi, mỗi đứa giữ một nửa. Hẹn kiếp sau chắp lại.

Sau đó là chiến tranh... nạn đói... Câu quan họ tan tác trăm phương. Tôi vào Vệ quốc quân, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, khi hoà bình lập lại, tôi về làng thì nghe cô ấy đã theo chồng... nghe nói vào Nam.

Rồi tuổi già đến. Già buồn lắm chú ạ ! Cô đơn và bất lực. Chết không đáng sợ bằng tuổi già. Sống đến đó, người ta mới nếm tận cùng chén đắng cay của đời. Tôi sợ hình ảnh ông hàng xóm ngày nắng được bế cả người lẫn chăn ra hong nắng. Nắng rực rỡ đọng thành từng vũng quanh ông ấy, còn ông ấy nhăn nhúm trong cái chăn rách... Tôi có cảm tưởng ông được đem phơi cho chết vi trùng. Có bà, được mua cho một cỗ hậu sự thật tốt. Lâu không chết, áo quan bị mọt đục. Ngày nắng con cháu đem ra phơi, trở qua lật lại rửa ráy càu nhàu... Luật đời chú ạ ! Già thì lụi tàn, phải chết. Sống lâu thành nợ của mọi người ngay con cái cũng chán... Một lần tôi ốm, trận ấy ốm thương hàn, thập tử nhất sinh. Trong những cơn mê, tôi cứ nghe một giọng hát lảnh lót níu tôi lại trần thế : " *Người về bỏ bạn sao đành. Người về em vẫn đinh ninh tấm lòng...* ". Giọng cô ấy ! Chỉ có cô ấy mới có cái giọng la đà sát ngọn cỏ, cao vút chạm mây xanh, thầm thì luồn lách trong da trong thịt. Tôi tỉnh lại đang mơ màng thì nghe giọng dâu con thở than gần hết ngày tốt mà cha chưa chịu đi. Tôi mở mắt, chúng nó lại ríu rít hỏi han, làm ra vẻ vui mừng... Sau lần ốm ấy, tôi nghĩ đến chuyện đi tìm cô ấy. Chính cô ấy níu tôi lại cuộc đời này. Tôi phải đi tìm nửa câu quan họ cắt đôi. Trẻ không lấy nhau được, già ở bên nhau, hát với nhau cho đỡ côi cút. Trước sau vẫn là bạn có gì sai trái đâu ?

Lão im bặt. Đôi mắt già nua chìm trong cõi vắng. Thời gian với lão chỉ là lớp bụi mờ. Gió thổi, bụi bay, dĩ vãng lại hiện ra nguyên vẹn trước mắt lão. Đêm ấy, lão hát miên man bên bếp lửa tàn. Một mình hát, một mình nghe, một mình mở hội đôi Lim, lúng liếng, đắm say, chân tình lai láng.

Thế mà sau một tuần đi công tác xa về, con tôi đã mếu máo níu áo ngoài cửa đòi tôi đi tìm lão Tầm Xuân. Thì ra lão đã bỏ đi... Tự nguyện theo lão là con chó mập ú của bà Tư cầy. Dường như chán gặm xương đồng loại, nó bỏ theo lão Tầm Xuân.

Tôi cũng vô tình quên lão nếu không có lần gặp lại ở Hàng

Xanh, Sài Gòn cách đó hai năm.

Đó là một buổi trưa nắng chang chang. Con hẻm em gái tôi ở vang lên tiếng rao lạc lõng : " Ai hàn soong hàn nồi, mài dao mài kéo không... ? " - Tiếp liền sau một giọng hát cất lên : " *Khi tương phùng khi tương ngộ, xuôi lên bộ văng vẳng tơ tình... thương nhớ sầu oanh, lẻ loi chim nhạn. Bạn tình ơi...*". " Ôi ! ". Lão. Lão chứ còn ai nữa. Không kịp xỏ dép, tôi chạy nhào ra hẻm gọi ơi ới : " Lão mài dao... lão Tầm Xuân ". Lão quay phắt lại rồi ôm chầm lấy tôi mừng rỡ. Mới hai năm mà lão già thêm nhiều. Lão đã thực sự già thêm nhiều. Lão đã thực sự già ! Gương mặt chằng chịt nếp nhăn lỗ chỗ nốt rỗ như tấm gỗ mọt. Đôi mắt mờ đục, giọng hát khào khào. Lão mang lỉnh kỉnh dụng cụ hàm mài. Câu quan họ lầm lũi lạc theo, lạc lõng trong thành phố hoa lệ. Con chó vàng của bà Tư cầy lẽo đẽo theo bên. Chỉ khác là nó không còn mập ú nữa, nó xơ xác gầy nhom như chủ.

Chúng tôi tấp vào quán nước bên đường. ở đó tôi được biết vì sao lão bỏ đi đột ngột. Bà chủ quán thịt cầy cùng dãy với bà Tư béo bảo có gặp một bà người Bắc đi xin ở Gia Định biết hát quan họ và y hệt cô Xuân của lão. Thế là họ đi !... Quán bà Tư mất hấp lực, đâu lại vào đấy. Tôi nghĩ thế nhưng không nói ra, sợ lão buồn. Tôi định bụng khuyên lão trở về quê. Không ngờ lão cũng nói :

- May gặp nhau lần cuối... Tuần sau tôi về chú ạ. Tiền tàu xe đủ rồi... Tôi về để mười ba tháng Giêng tới dự hội Lim lần cuối. Hội Lim giờ đâu như xưa nữa... Nhưng tôi vẫn nghe tiếng trống vào hội giục giã lòng tôi. Tôi yếu rồi ! Tôi đã nghe đất gọi. Quê gọi. Đành hẹn kiếp sau vậy...

Tôi nhìn lão, còn lão nhìn dòng xe cộ nườm nượp đến chóng mặt. Chiều tà dần trong đôi mắt màu hoàng hôn.

- Lâu ngày gặp lại, tui với lão mần đích đáng một bữa thịt chó đi ! Ở đây có Bồng Lai quán nghe nói khá lắm, ăn hoài không đã miệng. Tui mời lão.

- Cảm ơn chú ! Nhưng năm rồi tôi không đụng thứ đó. Tôi sẽ không đụng cho đến ngày cuối đời...

Lão cúi xuống vỗ về vào lưng con vàng. Con chó ngước đôi mắt nặng trĩu yêu thương nhìn lão rồi không dằn lòng nổi, nó đứng trên hai chân sau, vừa kêu ư ử hài lòng vừa liếm khắp người lão.

- Chú thấy đấy ! Cứ tưởng tượng nó thành những đĩa dồi, đĩa luộc, đĩa xào, xáo... là tôi lợm giọng rồi... Không có nó tôi không sống nổi ở đây đến hai năm... Nó sưởi ấm tôi, kéo tôi đứng dậy, nó bị đánh què cẳng vì ăn cắp của người ta để cho tôi ăn những ngày tôi ốm... Nó từng sung sướng... theo tôi nó mới cực thế này... Nó...

Lão nghẹn ngào, mắt hấp háy. Giọt lệ tuổi già chắt mãi mới thành dành cho kẻ đồng hành bốn chân !

Khoảng mươi hôm sau, con dao chặt thịt bị mẻ, em tôi nhắc :

- Không thấy lão mài dao kéo vào xóm... cái lão thật lạ, không lo kiếm khách chỉ lo hát... Có đồng nào mua đồ ăn lại chia đôi cho chó một nửa. Con chó cũng đáo để, không bao giờ ăn trước chủ dù có đặt trước miệng... Người già cũng lạ ! Trại dưỡng lão em làm có một bà già... nhập trại ba năm không nói một lời, tưởng câm, khi gần chết hoá ra biết hát. Cái giọng cái điệu, cái lời na ná như lão mài dao.

- Đâu ? Bà ấy ở đâu ? - Tôi chụp tay nó.

- Ở trong, sắp chết rồi. Mà anh hỏi làm gì ?

Tôi kéo áo nó, bắt nó chở đi rồi tôi sẽ giải thích. Dọc đường tôi kể vắn tắt chuyện lão Tầm Xuân đi tìm nửa câu quan họ. Tôi linh cảm đó là cố Xuân.

- Ba năm trước, một người đàn ông sang trọng, gương mặt tràn trề nhân ái dẫn bà ấy vào trại. Ông ta bảo với Ban quản đốc ông ta thấy bà già cơ nhỡ, ngủ trước hiên nhà nên thương xót dẫn giúp vào đây. Ba năm ở đây, bà ấy sống lặng lẽ như bóng không hề nói, nằm quay mặt vào vách. Nhưng cách đây một tháng, dường như không nén được nỗi đau đớn, bà ta khóc rống lên : " Hắn là con tôi, cái thằng dẫn tôi vào đây chính là con tôi ". Mấy hôm nay bà ta hát... Không ăn, không uống... chỉ phều phào hát... -Em tôi kể.

Bây giờ nằm trước mặt tôi, trên chiếc chiếu toả mùi khai thối trải trên nền gạch loang lổ là bà cụ tóc trắng như bông vấn vành khăn nhung đã sờn, mỏng như giấy, mặt vàng, hơi thở dốc...

" Dong dỏng, trắng tươi, hát hay, xinh đẹp..."

Hình hài ấy không còn nét nào giống lão Tầm Xuân tả. Thời gian cho, thời gian lấy hay tôi đã lầm ? Tôi định lui ra nhưng chiếc lá khô ấy bỗng khẽ khàng động đậy. Rồi từ lồng ngực thoi thóp hơi tàn, phều phào những tiếng, lời rời rạc. " *Bạn tình ơi ! Duyên bén ngãi, trước không phải... sau đền... duyên... ba sinh* ".

- Đúng rồi ! Cố Xuân đây rồi ! Tôi reo to giữa những gương mặt già nua ngơ ngác - Lão Tầm Xuân ơi ! Nửa câu quan họ đây rồi.

Lão tìm ba năm, nay biết tìm lão ở đâu.

Bà cụ mấp máy môi hát, âm sắc yếu dần... yếu dần... Nhanh trí, tôi nắm lấy bàn tay còn xương với da ấy và tôi lập lại lời hát của lão Tầm Xuân : " *Khi tương phùng, khi tương ngộ, xuôi lên bộ văng vẳng tơ tình...*" Giọng hát vụng về thô ráp như đọc của tôi cất lên, và lạ lùng thay, nó tựa những giọt nước cành dương diệu kỳ... Mí mắt bà lão động đậy, ngực phập phồng rồi giọng hát yếu ớt cứ rõ dần hòa với cái giọng vịt đực ồ ồ của tôi. Những bà già trên nền nhà lập tức ngồi dậy. Họ không hiểu nhưng họ vỗ tay như những đứa trẻ. Họ reo, họ hò, họ hát ru... Những đôi mắt mờ mờ đục chất ngất nỗi buồn và bất hạnh bỗng háo hức như mắt trẻ con. Một bà lão lục đục trong hai ba lần áo một cái gói nhỏ mở hai ba lớp nylon bày một nhúm thịt chà bông, chần chừ ngắm rồi nhón tay bốc hai sợi thịt đem tới đút vào miệng tôi một sợi, miệng cố Xuân, bị lời hát đẩy ra, còn trong miệng tôi, trào thành nước mắt !

Tôi lập tức đạp xe đi quanh vùng Gia Định tìm lão Tầm Xuân nhưng bóng lão bặt tăm... Hình như lão đã về quê rồi. Em gái tôi góp ý nhắn lão trên tivi. Mẩu tin kỳ quái được nhắc lại hai hôm : " Lão Tầm Xuân ! Đã tìm ra nửa câu quan họ. Đến gấp trại dưỡng lão số 3, đường... Mau lên kẻo không kịp ".

Không kịp thật. Cố Xuân hắt ra hơi thở cuối cùng, lão vẫn bặt tăm. Chiếc xe tang của trại đưa cố đến lò thiêu. Không một vành khăn, không dòng nước mắt.

Có lẽ giờ này lão Tầm Xuân đang lê bước trở về. Nửa câu quan họ lầm lũi theo lão... Chơi vơi... Chơi vơi...

Quế Hương

Đọc *Tuyển tập truyện dịch* của Miêng

Nhà xuất bản Văn Mới, 2001

Văn Ngọc

Tác phẩm gồm 9 truyện ngắn của 9 tác giả với văn phong khác nhau và thuộc 9 nước khác nhau : Hàn Quốc, Ái Nhĩ Lan, Nhật Bản, Ý, Tiệp Khắc, Ai Cập, Mỹ, Nga, Uruguay. Tất cả đều là những truyện ngắn hay. Mỗi truyện có một cái hay riêng, nói lên cá tính, phong cách của từng nhà văn, và những nét khác biệt của từng nền văn hoá.

Đây là một sự chọn lựa có chủ ý của người dịch : giới thiệu những cái hay, cái mới, của các nền văn học nước ngoài, qua những truyện ngắn độc đáo, giàu ý nghĩa và giàu sức hấp dẫn.

Dịch giả là một nhà văn đã từng sáng tác nhiều truyện ngắn từ những năm 70 (*Tập Truyện Ngắn Đôi Mắt, 1973*, và mới gần đây, *Tuyển Tập Truyện Ngắn, 1998*). Văn dịch của chị trong sáng, giản dị.

Đọc những truyện ngắn nước ngoài được dịch sang tiếng Việt trong *Tuyển Tập Truyện Dịch* của Miêng, người ta thấy chúng rất khác nhau, giữa truyện của một tác giả người nước này và một tác giả người nước khác. Nhất là chúng rất khác với những truyện ngắn của các tác giả Việt Nam. Sự khác nhau ấy, không chỉ ở cốt truyện, hoặc ở văn phong, mà chủ yếu là ở những nét văn hoá, tín ngưỡng, những cách ứng xử, những rung động tâm hồn của các nhân vật ; nó còn ở bối cảnh xã hội, khung cảnh của câu chuyện, v.v.

Đọc truyện *Bà Goá* của Hwang Sun-Won, chẳng hạn, tưởng như đọc một truyện ngắn của một tác giả Việt Nam, kể lại một câu chuyện xa xưa nào đó ở nông thôn Việt Nam dưới thời phong kiến, một cô con gái đương thì bị gả cho một ông chồng bé con mới 12 tuổi... Nhưng đọc đến cái chi tiết người đàn bà goá hai lần tự chặt hai ngón tay của mình, một lần để tiếp máu cho ông chồng tí hon, và một lần để cứu bố chồng, thì người ta thấy ngay là cái truyền thống ấy, và cái cách hành xử ấy không Việt Nam tí nào cả !

Điều thú vị cũng chính là ở chỗ đó : truyện dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, cho phép người đọc (nếu là người Việt) khám phá ra những chân trời văn hoá khác, bằng chính sự nhạy cảm của mình, thông qua những từ ngữ thường ngày, những hình ảnh, khái niệm quen thuộc ! Nói một cách khác, đây là cách tiếp cận một nền văn hoá khác bằng chính cái lăng kính văn hoá của mình, xuyên qua ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ.

Tuy nhiên, dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng mình, hay ngược lại, từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng nước ngoài, đều là những công việc cần thiết cả, vì mục đích giao lưu văn hoá, để tìm hiểu, học hỏi lẫn nhau.

Tôi sẽ không tiết lộ ra hết những cái hay của *Tuyển Tập Truyện Dịch* của Miêng, nhưng có thể cam đoan rằng trong tuyển tập này có nhiều truyện ngắn hay, hay đến mức làm cho ta chóng cả mặt, nao cả lòng ! Đó cũng là nhờ ở cái công của Miêng đã biết chọn lựa tác phẩm để giới thiệu với công chúng.

Người ta sẽ khám phá ra trong tuyển tập này một Milan Kundera tuyệt vời, với truyện ngắn *Edouard và Thượng đế* ; một Alberto Moravia. bất ngờ, với truyện ngắn *Đứa bé*.

Ngoài ra, những truyện ngắn như : *Một cuộc gặp gỡ* của Anton Tchekhov (Nga), *Số mạng của Hector* của Fernando Ainsa (Uruguay), *Giếng nước* của Nabil Naoum (Ai Cập), *Con bé và cây cải dầu* của Naoya Singa (Nhật Bản), *Bức màn* của Jim Phelan (Ái Nhĩ Lan), *Bà goá* của Hwang Sun-Won (Hàn Quốc), *Hai mươi năm sau* của 0'Henry (Mỹ), cũng đều là những tuyệt tác trong thể loại văn học này.

Văn Ngọc

Đọc SOLO

gửi Linda LÊ

Si mê ! Tuyệt vọng ! Oán hờn !
Solo : văn tế cô hồn chúng sinh
Sống cô đơn, chết một mình
Trí tâm thác loạn – Thác hình quặn đau !
Xé từng chữ – Nghiến từng câu
Xoáy từng nét bút, khoan sâu từng lời !
Nhẽ đâu mật đắng trên đời
Kết tinh, đúc tượng, tạc người hồng nhan.

Linda ! sao quá phũ phàng
Với mình – với cả thế gian đoạ đầy !
Kiếp người chưa đủ đắng cay
Còn đem viết sắc mà cày vết thương ?
Trong Em : Địa ngục – Thiên đường
Ước mơ vô tận, – U buồn thâm sâu !
Hận đời chất ngất từ đâu
Cho tim rạn vỡ, cho châu cạn dòng
Vẻ ngoài thầm lặng phương đông
Lòng trong hừng hực than hồng trời tây
Đục sầu, khoét khổ đầu tay
Thuốc chi lấp dấu thương đầy, đỡ đau ?

Đọc Em, đêm trắng bạc đầu
Xót xa tâm sự nát ngầu như tương !
Người buồn nhân thế thê lương
Kẻ đau đất nước đoạn trường như nhau !

Phạm Tăng

Solo : tập truyện ngắn (tiếng Pháp) của Linda Lê, xuất bản năm 1990. Các tác phẩm khác : ***Un si tendre vampire*** (1990), ***Fuir*** (1990), ***Les Evangiles du crime*** (1992), ***Calomnies*** (1993), ***Les dits d'un idiot*** (1995), ***Les trois parques*** (1997), ***Voix*** (1998), ***Tu écriras sur le bonheur*** (1999), ***Lettre morte*** (2000), ***Les aubes*** (2000), ***Marina Tsvetaieva*** (2002), ***Autres jeux avec le feu*** (2002) [chú thích của toà soạn].

NGUYỄN HUY THIỆP

Chuyện ông Móng

Mấy năm trước nghe nói ở ngoại thành có một chợ bán phân nổi tiếng, " *độc nhất vô nhị* " nên tôi tò mò đến xem.

Chợ phân họp chừng một giờ đồng hồ từ 3 giờ sáng đến 4 giờ sáng ở ngay bên đường đi Sơn Tây. Đây là vùng trồng rau, trồng cà nổi tiếng. Giống cà pháo, cà bát rất hợp với việc bón phân *tươi*, nhất là phân người. Người ta cũng dùng phân để bón cho lúa, nhưng phân bón cho lúa phải được ủ cho mục ra, cho chín phân. Thế nào là ủ phân ? Phân tươi có nhiều loại : phân trâu bò, phân lợn, phân gà (gọi chung là *phân chuồng*), phân người (còn gọi là *phân bắc*) nhưng được ưa quý hơn cả là phân lợn, phân gà. Phân lợn quý vì nó *mát*, có thể dùng ngay, bón được ngay cho cây, mà cây nào cũng hợp. Phân gà cũng quý nhưng phân gà *nóng*, chỉ hợp bón cho cây ớt mà thôi. Riêng phân người (*phân bắc*) có lẽ bởi có nhiều *đạm*, nhiều chất khó phân huỷ nên bón trực tiếp thì cây *xót*, chết ngay. Riêng chỉ cây cà là chịu đựng được, lại hợp với việc bón loại phân này. Nhìn chung, tất cả các loại phân đều phải được ủ thì mới nên dùng. Người ta đào một cái hố ở ruộng, chất phân bào cùng với tro, trấu, rồi trát bùn non trộn với rơm bên ngoài, trông như một cái mả, để đấy chừng dăm bữa nửa tháng cho ngấu dần. Phân được ủ chín, cứ thế mục ra, oải ra. Những con dòi ăn hết phân cũng chết đi, bản thân nó cũng hoá thành phân.

Khi tôi đến thăm chợ phân thì chợ đang họp. Đây là chợ phân *tươi*, hoàn toàn không có phân ủ (*phân chín*) không có phân *xanh* (phân làm từ các loại lá cây) hay phân *hoá học*. Cũng rất ít có phân chuồng, tức là phân lợn, phân gà hay phân trâu bò. Tất cả đều là phân người.

Phân người được cho vào những thùng gò bằng tôn như thùng gánh nước. Cũng có một số người dùng thùng gỗ hoặc cho phân vào sọt (sọt được lót bằng bao *ni-lông*). Có lẽ phần lớn phân ở đây đều được lấy từ các nhà xí công cộng trong thành phố ra, nhiều thùng phân còn thấy lẫn cả giấy vở học sinh hay giấy báo.

Chợ phân không đông, chỉ có chừng hơn ba chục người vừa mua vừa bán. Hình như họ vốn đã quen biết nhau và khá thuộc " mặt hàng " của nhau nên việc mua bán thoả thuận cũng nhanh. Dưới ánh đèn cao áp tựa như ánh trăng và không khí hơi lạnh buốt, chợ phân cũng có phần nào giấu đi được sự bẩn thỉu, sự nghèo hèn, lam lũ và cần lao.

Những người bán phân đều bịt mặt hay đeo khẩu trang. Tất cả đều bán mua, mua bán một cách âm thầm chịu đựng, ít nhất đấy cũng là cảm giác ban đầu của tôi. Không có ai nói to tiếng hoặc mặc cả ráo riết như ở các chợ khác, chỉ trừ có mỗi một người, người này có vẻ như " ông chủ chợ ". Ông ta khoảng 60 tuổi, dáng người thấp đậm, đầu húi cua, mắt trố, quai hàm bạnh, ngực nở nang, chân tay rắn chắc. Ông ta không đeo khẩu trang hay bịt mặt, hoàn toàn chẳng có vẻ gì sợ hãi hay ghê tởm khi phải tiếp xúc, đụng chạm với các thùng phân bẩn thỉu và các dụng cụ dơ dáy ở đây. Tôi để ý thấy ông ta không mua, cũng không bán nhưng ông ta đi đi lại lại, nhắc nhở mọi người, xem xét, đánh giá từng thùng phân, bông đùa, góp ý cho những ai còn đang băn khoăn hay lưỡng lự. Ông ta khá linh hoạt, lanh lẹn. Sự linh hoạt của ông ta khiến cho phiên chợ sôi nổi hẳn lên nhưng cũng có vẻ gì khá bất nhẫn. Ông ta như một vị nhạc trưởng, như người giữ nhịp điệu cho cả phiên chợ quái đản này.

Có mấy người đôi co về hai sọt phân của một phụ nữ. Người phụ nữ này ăn mặc quần áo như một nhân viên Công ti vệ sinh. Người phụ nữ cầu cứu " ông chủ chợ " :

– Bác Móng ! Phân này của cháu mà chê là chua thì có ức không ?

Ông Móng (tức " ông chủ chợ ") đến gần xem xét. Ông ta dùng một cái gắp phân bằng cật tre, trông hơi giống một cái đũa cả sục sâu vào đáy sọt phân rồi rút ra, đưa lên mũi ngửi. Một con nhặng xanh bay nhoằng ở ngay trước mặt ông ta. Ông ta lùi một bước, quắc mắt, chuyển cái gắp phân từ tay trái sang tay phải rồi ước lượng đón đầu đường bay của con nhặng xanh, đập véo một cái vào không trung. Ông ta hô lớn :

– Chết này !

Sau tiếng hô người ta thấy con nhặng xanh ngã vật xuống ở giữa sọt phân. Ông ta bình thản bảo người mua hàng :

– Phân tốt đấy, không chua đâu ! Chắc hố xí nhà này gần chỗ làm đậu phụ nên có nước đỗ tương lẫn vào !

Người phụ nữ bảo :

– Vâng đúng ! Trong phân vẫn còn vỏ đỗ tương đây này !

Ông Móng bảo :

– Phân của mày hôm nay không đậm như phân hôm qua ! Nát nhẽo nát nhèo... Thôi thì giảm một giá...

Người phụ nữ bảo :

– Cháu gánh kẽo kẹt suốt từ cửa ngoài ô đến đây, nặng ơi là nặng...

Ông Móng bảo :

– Cho chết ! Ai bảo tham múc nhiều nước vào... Mày phải chắt cho kiệt nước đi thì phân mới *ngon* !

Ở cuối chợ có ai trút hai thùng phân sang hai cái thúng sơn bị đổ ra đường. Ông móng quát :

– Vét ngay ! Vét cho thật sạch ! Ban ngày người ta mà thấy phân dây ra đường là không còn để cho họp chợ nữa đâu !

Người bán hàng vét phân bằng một dụng cụ làm bằng tôn hơi giống như một cái thìa *xúp* to, có cán dài, cái này cũng gọi là *móng*. Tuy đã vét sạch nhưng trên mặt đường nhựa vẫn lầy nhầy một lớp váng nước bu đầy ruồi nhặng. Ông Móng đi đến, bắt người kia phải đi múc nước từ một con mương gần đấy lên để rửa đường.

Một thanh niên trẻ, người gầy nhẳng đẩy một xe phên đi đến. Đây là chiếc xe vẫn dùng để gom rác nhưng được sửa đi để đựng phân. Những người không bán được *hàng* (*ế hàng*) hoặc *hàng xấu* (tức là phân lõng bõng toàn nước hay nhiều dòi quá) đều trút cả vào xe cho anh ta. Anh ta mua hết nhưng đều

với giá rẻ, mọi người gọi là giá *bèo*, giá *vứt đi*, giá *hết chợ*. Ông Móng và anh này có vẻ thân nhau. Ông Móng khen :

– Làm được nhà, lấy được vợ chỉ nhờ vào phân ! Thế là nhất !

Anh ta cười, vẻ mãn nguyện, lấy thuốc lá ra mời ông Móng. Hai người đứng hút thuốc lá, bàn tán những chuyện gì đó không rõ nhưng nghe loáng thoáng có câu " *nhất nghệ tinh, nhất thân vinh* " với " *sinh ư nghệ, tử ư nghệ* "...

Phía cánh đồng ngoại thành bóng tối lễnh loãng dần, bắt đầu mờ mờ nhìn rõ mặt người. Những tia mặt trời đầu tiên hân hoan báo hiệu một ngày mới đang đến dần. Những tiếng rung động đầu tiên rất khẽ rồi cứ thế lan toả ra, lớn dần lên, liên hoàn ầm ào như có muôn ngàn tiếng sóng vỗ, như có muôn ngàn tiếng chim đập cánh, như rùng rùng tiếng dậm chân của cả đoàn người. Tiếng còi xe lửa, tiếng còi ô-tô lảnh lót vang lên. Thành phố bắt đầu cựa mình thức dậy như một con mãnh hú to lớn, như một tên khổng lồ vĩ đại có rất nhiều tham vọng phàm tục, có rất nhiều ước mơ táo bạo cùng với năng lực ẩn tàng. Hắn vừa chậm rãi, lại nhanh nhẹn, vừa ngáp ngủ, lại tỉnh thức. Người ta không thể lường được một ngày của hắn rồi sẽ thế nào, hắn sẽ làm gì, hắn sẽ bắt đầu bữa tiệc thịt người ngay tức khắc hay sẽ hào hiệp vung tay gia ân rải bạc vàng lên khắp chốn cùng nơi như một đế vương. Thành phố ! Đấy là bao nhiêu nỗi kinh hoàng, bao nhiêu niềm vui hoan lạc ! Thành phố ! Ở đấy có cả biết bao cảnh giới thiên đường và sự đoạ đầy trong tầng tầng địa ngục !

Những người họp chợ phân tản đi rất nhanh, loáng cái chẳng thấy còn một người nào, cứ như là chui xuống đất. Ông Móng đi dọc cái chợ không còn một ai xem xét. Không biết ông ta lấy đâu ra một cái chổi nan dài, chỗ nào còn rớt lại ít phân thì ông ta dùng chổi rấp ngay vào bên rệ đường như để phi tang. Xong xuôi ông ta bước xuống con mương gần đấy rửa tay rồi lững thững đi vào quán phở vừa mới mở cửa bên đường. Ở đây ông được đón tiếp như một khách hàng quen biết thường xuyên đặc biệt. Chủ quán biết rõ ông thích ăn gì và ăn thế nào.

Sau lần tôi đến chợ phân, tôi đã làm quen với ông Móng, tìm cách trò chuyện với ông ta nhưng ông ta kín như bưng. Tôi cũng đã nghe thiên hạ kể về ông ta nhiều chuyện nhưng đều " *bán tín bán nghi* ", chẳng biết thực hư thế nào.

Bốn chục năm trước , Móng là một thanh niên nông thôn chất phác. Anh ta sống ở một làng quê ven thành. Lớn lên Móng đi lính, đã từng sang Lào và Campuchia. Cũng có người nói hồi trẻ Móng khá tài hoa, *cầm, kỳ, thi, hoạ* đủ mùi.

Một dạo, đóng quân ở một vùng xa, Móng có làm quen và yêu một cô gái Chăm. Cô gái tóc xoăn, da nâu, nồng nàn như lửa. Anh lính nhà quê chất phác si tình như bị hớp hồn. Họ kéo nhau vào rừng trước một pho tượng đá cổ tạc những hình thù kỳ dị mà mãi về sau Móng được nghe giải thích là tượng *linga*. Móng đòi cô gái trao thân. Cô gái bắt Móng phải thề chung thuỷ với cô. Nửa đùa nửa thật, Móng thề :

– Nếu tôi không chung thuỷ với em thì suốt đời tôi đi hót cứt !

Cô gái vui vẻ, tự nguyện trao thân. Sau đó Móng đã chuyển đi nơi khác. Anh ta quên ngay cô gái người Chăm. Cuộc đời chinh chiến giang hồ bôn ba khắp nẻo, sau này Móng cũng đã nhiều lần gặp gỡ không ít những cô gái khác. Hết chiến tranh trở về quê quán, giống như nhiều người đàn ông có giáo dục và lương thiện khác đã qua thử thách, Móng lấy một cô gái làng, lập gia đình và sống cần cù, gương mẫu.

Tôi nghe kể nhưng không tin lắm vào câu chuyện trên. Tôi hỏi ông Móng và biết ông làm việc ở chợ phân này mấy chục năm nay tình nguyện và không vụ lợi. Nhiều người cũng đã xác nhận việc ấy với tôi. Không có lẽ ông lại có tình yêu và lòng say mê với phân như khối người dở hơi chúng ta vẫn say mê văn chương nghệ thuật, toán học, chính trị hay đồ cổ ? Tôi có mang chuyện này trao đổi với một nhà sư. Ông bảo :

– Sám hối vẫn thường là một nhu cầu tâm linh của người ta khi đã về già. Thế nào gọi là *sám* ? Thế nào gọi là *hối* ? *Sám* có nghĩa là ăn năn về những lỗi lầm mình đã phạm từ trước. Các nghiệp ác, các tội ngu si mê chấp, kiêu ngạo khinh mạn... hoàn toàn xin ăn năn hối lỗi, từ nay về sau không còn gây ra nữa. Thế gọi là *sám*. *Hối* có nghĩa là hối cải những điều lỗi có thể phạm phải sau này. Các nghiệp ác, các tội ngu mê, kiêu ngạo, ngông cuồng, ghen ghét... đã được *giác ngộ* sẽ phải dứt bỏ hẳn, không gây ra nữa. Thế gọi là *hối*, gọi chung là *sám hối*. Kẻ phàm phu mê chấp chỉ biết ăn năn những tội lỗi đã phạm phải từ trước mà không biết hối cải những tội lỗi về sau của mình thế là tội trước chưa diệt, lỗi sau lại sinh, vậy chưa thể gọi là *sám hối* được. Mỗi một thiện trí thức phải nung nấu lắm !

Tôi ngồi nghe, không hoàn toàn bằng lòng với cách giải thích như trên vì thấy ông Móng không có vẻ gì đang là người ăn năn sám hối. Tôi cũng đã dò hỏi về " *linga* " và các quan niệm về quả báo của người xưa. Trong bái vật tổ – tôn giáo nguyên thuỷ (nhiều người coi là tà giáo) – hình tượng âm vật, dương vật giao cấu cũng khá phổ biến, chưa nghe nói vì báng bổ mà đến nỗi phải rước tai hoạ gì. Chắc chắn không hề có chuyện mê tín ở đây. Tiếp xúc với ông Móng, tôi thấy ông là người vô thần, cũng khá hồn nhiên chất phác yêu đời. Tôi băn khoăn quá, giải thích chuyện này cho thật thấu đáo kể cũng đau đầu.

– Không tôn giáo, không chính trị, không vụ lợi, không " *sếch-xy* " – Ông Móng bảo tôi – Nghề hót phân trên đời là nhất !

Hà Nội, xuân Tân Tị 2001

NGUYỄN HUY THIỆP

Tìm đọc HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA

Tel (714) 265-1394 ♦ Email : tchl@aol.com

♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước*

♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện

15 place Souham, F-75013 PARIS / Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

BÙI NGỌC TẤN

Một lương tâm văn học

Viết nhân dịp 20 năm ngày giỗ Nguyên Hồng
2.5.1982 - 2.5.2002

Có lẽ vì tham gia nhiều khoá chấp hành Hội nhà văn, lại ở ngay Hà Nội, luôn gặp gỡ với đủ loại nhà văn trong đó có nhiều cây đa cây đề nên Nguyễn Khải biết nhiều chuyện thú vị về các nhà văn lớn chê bai châm chọc khích bác nhau, nói khi vắng mặt cũng như nói đốp vào mặt nhau những câu chẳng ra làm sao một cách nửa đùa nửa thật. Gần như người ta không chừa một ai. Thế nhưng Nguyên Hồng thì không ai đụng tới. *Nguyên Hồng có cái uy riêng*. Nguyễn Khải nói với tôi như vậy. Tự nhận mình là đệ tử của Nguyên Hồng, tôi rất thú vị với điều ấy. Về chuyện Nguyên Hồng có cái uy khiến ai cũng phải tôn trọng mà Nguyễn Khải nói cùng tôi. Đối với tôi đó như một phát hiện.

Cái uy của Nguyên Hồng là gì nhỉ ?

Cái uy ấy chắc chắn không toát ra từ vẻ mặt đôn hậu, chân chất có phần quê mùa cũ kĩ của anh, không phải từ bộ quần áo nâu sồng giản dị anh mang trên người. Càng không thể là cái làn ràng ràng anh luôn xách theo như một thứ *samsonite* tuỳ thân của các thủ trưởng hôm nay, cũng không thể là thú vui ăn uống vỉa hè cổng chợ của anh. Tôi hiểu rằng có thể người ta không đánh giá cao sáng tác nào đó của anh, người ta có thể không thích cách sống xuề xoà tới mức luộm thuộm của anh, nhưng tất cả đều kính trọng nhân cách của anh, nhân cách nhà văn và nhân cách công dân. Anh chính là *lương tâm văn học* của tất cả, nhất là lớp trẻ chúng tôi. Cho đến bây giờ chúng tôi vẫn nhắc đến chuyện sau khi thôi giữ chức chủ bút tuần báo *Văn*, sau khi đã bị kiểm điểm lên xuống vì " tội " đã lãnh đạo báo *Văn* " đi trệch đường ", Nguyên Hồng xin nghỉ hưu và đưa cả gia đình từ Hà Nội về Yên Thế. Hành động *treo ấn từ quan* này chỉ có ở Nguyên Hồng. Nó là duy nhất trong chế độ mới. Nó nêu cho chúng tôi một tấm gương về nhân cách, tấm gương ấy ngày càng toả sáng vì là độc tôn trên bầu trời nước ta suốt nửa cuối thế kỉ 20 cho tới tận nay.

Ngoài cuộc đời rất trong sạch của mình mà ai cũng phải kính nể, cái uy của Nguyên Hồng có lẽ còn ở chỗ anh đến với nghệ thuật như một tín đồ, với niềm si mê trong trẻo của mối tình mãi mãi là mối tình đầu. Không thể có gì làm vẩn đục được nó. Tiền bạc, chức vụ, danh vọng, nhà cao cửa rộng, sự tín nhiệm yêu mến của cấp trên hay đơn giản chỉ là một chuyến đi nước ngoài mà bao người khao khát, tất cả không có chỗ cho sự suy nghĩ của anh. Anh đắng cay với nó. Sung sướng với nó, khổ cực với nó. Anh vinh quang với nó và nhọc nhằn với nó. Tất cả đều coi anh là một bậc thánh tử vì đạo. Trong nghệ thuật, anh chưa một lần dối trá. Có thể về cuối đời sự dũng cảm, cái *gan góc kiểu ấy* (chữ của Vương Trí Nhàn) trong anh ít dần đi, nhưng anh chưa một lần dối trá. Anh là nhà văn của những người cùng khổ. Một bài thơ một câu của Dương Tường mang tên " Để ghi trên mộ chí sau này " có thể nói đúng trọn châm ngôn sống và sáng tác của anh : *Tôi đứng về phe nước mắt*.

Nhiều lúc tôi lẩn thẩn tự hỏi : nếu Nguyên Hồng còn sống tới hôm nay thì anh sẽ viết gì nhỉ ? Chắc chắn sẽ có một quyển hồi kí mà anh đã nói với Thanh Tùng. Vâng. Đã có lần tác giả *Thời hoa đỏ* " gây sự " với Nguyên Hồng :

– Bố bảo bố là nhà văn của những người đau khổ. Ngày xưa bố viết *Bỉ vỏ*. Con hỏi bố bây giờ có nhiều ăn cắp không ? Sao bố không viết *Bỉ vỏ* tập 2 đi ? Xã hội bây giờ còn *bỉ vỏ* hơn ngày trước đấy.

Và Nguyên Hồng trả lời :

– Bố sẽ viết một cái hồi kí. Nhưng khi sắp vào quan tài bố mới viết. Bố sẽ nói hết. Rồi mày sẽ biết bố.

Quyển hồi kí chưa được viết ấy, tiếng hót của con chim khôn trước lúc lìa đời ấy, chắc chắn sẽ chứa đựng nhiều điều thú vị, bởi vì khi sắp vào quan tài Nguyên Hồng mới viết, hẳn nó sẽ lại " *đạt tới cái tầm chân thực mà chỉ các nhà văn Anh hay nhà văn Nga mới đạt tới* " để chúng tôi lại một lần " *sửng sốt về cái khả năng chân thực ghê gớm mà cũng là cái gan góc tự do kiểu ấy* " của Nguyên Hồng như Vương Trí Nhàn đã viết về tập hồi kí đầu tiên *Những ngày thơ ấu* của anh.

Nguyên Hồng nhìn thấy những Tám Bính, Năm Sài Gòn thế hệ mới. Khi trả lời Thanh Tùng, anh đã khóc. Khóc vì thấy mình không còn là mình nữa, mình mắc nợ với họ, không làm tròn trách nhiệm nhà văn với họ.

Thế mà đã 20 năm. Mới ngày nào tôi viết *Lại chuyện Nguyên Hồng một thời đã mất* như thắp một nén hương vào dịp giỗ lần thứ 10 của anh. Mà nay đã là lần giỗ thứ 20 rồi. Tóc trên đầu chúng tôi, lớp con em anh, cũng đã bạc trắng. Chúng tôi hôm nay cũng đã có người nhiều tuổi hơn tuổi của anh ngày trước. Trong những đêm mất ngủ của tuổi già trằn trọc tôi đã nhiều lần làm bản tổng kết cuộc đời. Bản tổng kết bao giờ cũng có những ngày tôi may mắn được quen anh. Đó là những tháng năm vừa hạnh phúc vừa bất hạnh, vừa ngọt ngào vừa cay đắng, vừa hi vọng vừa thất vọng của tôi. Nhưng bởi vì tất cả đã thành quá khứ nên đều là những ngày tháng làm tôi xao xuyến.

Sinh thời, Nguyên Hồng rất thương tôi. Tình thương ấy chưa một lần được nói thành lời ngoại trừ mấy hàng chữ anh đề tặng trên tập *Một tuổi thơ văn* : " *Cho Bùi Ngọc Tấn rất thương. Mùa đông nhớ năm xưa* ". Và ba lần anh khóc ở nhà tôi. Chỉ chảy nước mắt thôi. Không nói. Đã 20 năm Hải Phòng vắng bóng anh và phỏng theo cách Elsa Triolet khóc Maia, *vắng Nguyên Hồng ở mọi nơi cần có Nguyên Hồng*. Xã hội chúng ta đang sống đây nơi nào chẳng cần có Nguyên Hồng. Tôi thèm được đạp xe cùng anh lang thang trên đường phố Hải Phòng để lại được anh dạy cho bài học về tình yêu cuộc sống, tình yêu thành phố qua những tên rất

Hải Phòng như Phố sau Nhà Lốp, Nhà thờ Tây Đen, Máy nước hai vòi, Trại lính Cát dem, Sở thầu Tây cụt... Chắc chắn tôi sẽ đưa anh tới một phố nhỏ mang một cái tên *Hải Phòng* hơn mọi tên phố Hải Phòng khác mà anh chưa hề biết : Phố Nguyên Hồng. Phố Nguyên Hồng ở Hải Phòng ngắn, hẹp chẳng sao bì được với phố Văn Cao, nhưng tôi nghĩ phố Nguyên Hồng Hải Phòng rất gần gũi với người nó mang tên (Nguyên Hồng đâu phải là người của những đại lộ). Chỉ khoảng sáu chục số nhà, một đầu thông ra đại lộ Tôn Đức Thắng, nơi các cô gái bán hoa đêm tối đứng ven đường chào khách, một đầu nối với phố Lán Bè còn gọi là phố Bờ Sông, một phố mà thời còn bao cấp, gần như toàn bộ dân phố khi lĩnh tem phiếu đều đem bán hết để lấy tiền làm ăn buôn bán sinh nhai. Thành phố Hồ Chí Minh cũng có phố Nguyên Hồng lam lũ. Chỉ ở Hà Nội phố Nguyên Hồng mới thật dài thật đẹp. Nó nằm trong khu phố mới. Vợ chồng Thanh Thư ở đó. Mọi người trong phố đều biết đó là con gái và con rể nhà văn mà dẫy phố của họ mang tên.

Vậy là ở thủ đô, Nguyên Hồng sống cuộc sống có vẻ như sang trọng. Còn ở Thành phố Hồ Chí Minh, quê hương Năm Sài Gòn, và ở Hải Phòng, quê hương Tám Bính, Nguyên Hồng vẫn như thời *Bỉ vỏ* ngày xưa. Riêng ở Hải Phòng, phố Nguyên Hồng còn gần bờ sông. Nguyên-Hồng-phố có thể nghe thấy tiếng chân vịt tàu thuỷ đạp nước ngược xuôi Hải Phòng - Nam Định như một thời nghe tiếng còi tàu Bạch Thái Bưởi, An Xương... Và vọng tiếng ru con ngày trước :

Con ơi đừng khóc mẹ sầu
Cha con đốt lửa dưới tầu Giang Môn
Bao giờ con lớn con khôn
Thời con lại xuống Giang Môn con làm (*)

Không chỉ dành cho anh một tên phố, Hải Phòng, nơi khai sinh ra anh với tư cách nhà văn, còn dựng tượng Nguyên Hồng. Cho đến nay tôi vẫn giữ giấy mời buổi lễ xúc động ấy. *Trường trung học Văn hoá Nghệ thuật Hải Phòng. Giấy mời dự lễ khánh thành tượng chân dung nhà văn Nguyên Hồng*... Tối 23 tháng 12 năm 2000. Hai ngày trước Thiên Chúa giáng sinh. Trường Văn hoá Nghệ Thuật Hải Phòng tưng bừng trong ngày hội lớn. Tượng Nguyên Hồng dựng trong sân trường, dưới một tán lá, bên một gốc cây. Đèn đuốc sáng trưng. Các cháu ca hát, nhảy múa. Sau buổi lễ, một bữa rượu được ghi trong chương trình là *Dự tiệc rượu cùng cố nhà văn Nguyên Hồng* (**), một bữa rượu *rất Nguyên Hồng* được tổ chức ngay giữa sân trường. Chỉ có rượu trắng và thịt đựng trong đĩa lớn. Tất cả quây quần. Có thể dùng đũa hoặc bốc bằng tay. Tôi ngồi cùng bàn với Nguyễn Vũ Giang, con trai thứ hai của anh rất giống anh, sau khi nghỉ hưu lại trở về ở hẳn Cầu Đen Yên Thế trông nom phần mộ, hương khói cho bố mẹ. Và tiến sĩ tin học Bùi Quốc Tuấn, con rể anh, chồng Thanh Thư, cô con gái cũng mang rất nhiều nét Nguyên Hồng. Giang đem rượu từ Yên Thế xuống, thứ rượu gia truyền nhà nấu lấy sinh thời Nguyên Hồng vẫn uống. Chúng tôi đã uống cùng nhau thứ rượu này ở Cầu Đen trong ngày giỗ Nguyên Hồng hồi giữa năm. Cho đến lúc đó tôi mới biết ấp Đồi Cháy, cái tên tôi nghe Nguyên Hồng nói đến đã lâu, một địa danh thường được Nguyên Hồng ghi khi kết thúc tác phẩm. Tôi cũng đã đứng lặng im trước hai ngôi mộ nằm song song cạnh nhau bên sườn đồi đất đỏ, nhìn xuống con suối nhỏ bao quanh êm đềm chảy, và cánh đồng lúa xanh giữa một vùng trung du đồi núi nhấp nhô. Mộ nhà văn và vợ nhà văn. Mấy câu thơ của Phạm Ngà bỗng đến với tôi :

Ông bà kề giấc thong dong
Suối nông một dải ngập ngừng chảy trôi
Chắp tay ngoảnh bốn phương trời
Rượu suông nghiêng chén dâng người nằm đây
Đất trời cũng đảo điên say
Men nồng chưa ráo đã cay mắt mình...

Mắt tôi cay cay ngày giỗ anh đầu hè ấy và mắt tôi tràn đầy niềm vui đêm nay, đêm trước mùa lễ Giáng Sinh, khi anh đã có một hoá thân mới : Tượng đồng và tôi ngồi uống rượu với các con anh bên chân tượng. Sáng hôm sau ba anh em, tôi, Nguyễn Vũ Giang, Bùi Quốc Tuấn ngồi chung một cái xích lô tới phố Nguyên Hồng. Chúng tôi đi chầm chậm dọc phố từ phía Lán Bè qua những hiệu tạp hoá nhỏ, những gánh quà rong, những cửa hàng bán tre nứa... và tôi cứ có cảm giác Nguyên Hồng ở đâu đó đang dõi nhìn những bước chân của chúng tôi. Tới đầu phố phía đại lộ Tôn Đức Thắng chúng tôi dừng ở một hàng nước chè vỉa hè. Ngồi xuống ghế. Giang giở bị bọc, lôi ra chai rượu chưa dùng đến tối qua. Và một túi lạc rang. Chúng tôi rót rượu mời mọi người. Mấy khách hàng còn trẻ đang ngồi liền bên hút thuốc, anh xe ôm cùng vài bác xích lô chờ khách dưới gốc cây, ông chủ quán và cả hai ông già dáng vẻ hưu trí mải miết vào bàn cờ tướng chắc là rất gay go trên vỉa hè cạnh đó ngẩng cả đầu lên ngạc nhiên nhìn chúng tôi rót rượu ra các chén của ông hàng nước và mời tất cả. Để mọi người yên tâm vui vẻ uống, tôi giới thiệu Nguyễn Vũ Giang và Bùi Quốc Tuấn là ai. Và tại sao hai người lại có mặt ở đây. Một tiếng " a " gần như đồng thanh. Sau đó là những nụ cười cởi mở. Không có gì là ngăn cách giữa những người vừa mới gặp gỡ nhau. Uống. Những người ở phố Nguyên Hồng uống rượu với các con của Nguyên Hồng, thứ rượu Nguyên Hồng vẫn uống mang từ Bắc Giang xuống. Uống và chuyện. Chuyện về việc dựng tượng Nguyên Hồng tối qua mà báo Hải Phòng cũng như các *hãng thông tấn vỉa hè* đã loan đi. Chuyện về Nguyên Hồng. Tôi nghĩ trong số dự bữa rượu vỉa hè với chúng tôi hôm ấy có người chưa đọc Nguyên Hồng lấy một dòng. Nhưng tất cả đều biết anh, đều nói tới anh với một vẻ yêu mến và kính trọng.

Tôi bỗng nhớ đến câu nói của Nguyễn Khải về *cái uy* của Nguyên Hồng. Và tôi hiểu thêm một nét nữa trong *cái uy* ấy. Nó còn bắt nguồn từ tình cảm của tầng lớp đông đảo những người đang ngồi quanh tôi, trên một đầu phố Nguyên Hồng này.

12 Tết Nhâm Ngọ (23.2.2002)

Bùi Ngọc Tấn

(*) Nguyên Hồng, ***Sóng gầm***.

(**) *Lời bình của người đánh máy* : nếu Nguyên Hồng đọc ba chữ " cố nhà văn " này, chắc ông phải rút về Yên Thế lần thứ nhì.

Vũ Bão
Kho chuyện cười

Hồ Anh Thái

Cứ ở đâu xuất hiện Vũ Bão là ở đó có tiếng cười. Trước thời đổi mới, nhiều khi phải viết dăm ba câu mậu dịch mới độn được một câu của mình, Vũ Bão phát tiết tinh anh theo đường xuất bản miệng. Hội nghị, hội thảo, đại hội, sinh hoạt câu lạc bộ văn học... Vũ Bão bạo mồm bạo miệng phát biểu là cả hội trường cười ngả nghiêng. Đến mức người ta bảo nhau : " *Ông này nói hay hơn viết* ". Ba mươi năm sau tiểu thuyết *Sắp cưới* (1957), Vũ Bão xuất bản hơn mười cuốn sách, làm mấy bộ phim truyện, có những cái hoạt náo tưng bừng lắm, nhưng ít dồn trút được những gì đích thực là Vũ Bão. Phải đến *năm* 1987, đúng vào cái năm *Sắp cưới* được 'phục hồi', được in lần thứ hai, Vũ Bão tung ra liền mạch mấy cái truyện ngắn gớm ghê. *Người chưa có chiến công* là chuyện chủ nghĩa thành tích làm mờ mắt con người, không phân biệt nổi người có năng lực làm đâu gọn đấy, mà lại coi là có chiến công những kẻ vừa làm vừa bày ra, rồi sau cần mẫn quay lại dọn dẹp cái chỗ 'bày ra' của chính mình. *Người không có tên trong từ điển* thì luôn đấu tranh cho lẽ công bằng, nhưng khi đã hy sinh thì không được đối xử công bằng đáp lại. Người ta chỉ nhăm nhăm sửa cái tên của anh lính Chình thành Trình "cho có nghĩa", mà không nghĩ rằng nhiều điều không có trong sách vở nhưng lại có ý nghĩa riêng trong thực tiễn đời sống - Các vị " *suốt đời sợ sai sách mà chẳng bao giờ lo sách cũng có lúc sai* "... Đến lúc ấy bạn bè và người đọc mới giật mình, hoá ra cái ông Vũ Bão này không phải chỉ biết nói hay nói giỏi.

Khi Vũ Bão làm phó tổng biên tập tạp chí *Điện ảnh Việt Nam,* ông nghĩ ra lắm mục lắm trò vui vẻ tếu táo tờ báo bán chạy vào cái thời báo chí bắt đầu được thả ra cho ganh đua. Mục giao lưu với bạn đọc khi ấy còn khá mới mẻ thỉnh thoảng lại có những lời phi lộ, đại loại bạn đọc hỏi về diễn viên A, đạo diễn B, chúng tôi xin mời anh Phạm Thế Hệ trả lời. Oai chưa, Phạm Thế Hệ là cha nào, tên tuổi gì mà nói năng cứ như đi guốc gót nhọn trong làng điện ảnh? Tới bây giờ, nhiều người chỉ nhớ những câu trả lời hóm hỉnh nhưng chẳng nhớ được cái tên mà như vô danh ấy.

Vậy thì xin giở tập *Truyện* ngắn *chọn lọc của Vũ Bão,* phát hành năm 1999 ra mà xem. Ít nhất cái tên ấy được đay đi đay lại trong ba truyện ngắn : *Nợ nần kiếp trước,* một cậu em từ vùng tự do viết thư cho chị ở vùng giặc đóng, ký bên dưới " *Em của chị, Phạm Thế Hệ* ". Trong truyện *Bóng ma đói quê hương,* một anh lái xe ôm cũng xưng danh : " *Tôi là Hệ, Phạm Thế Hệ* ". Còn đây là một đoạn trong *Người chưa có chiến công,* những anh lính mới tò te trong một cuộc điểm danh :

"- Dương Văn Đãng. Có ai tên là Dương Văn Đãng không ? Lại tuột xích rồi hả. Tôi đọc tiếp.

Phan Thế Hộ hay Hị thế này ?, . . .

- Thủ trưởng ơi, tên tôi là Phạm Thế Hệ ạ.

- Ừ thì Hệ.

- Có tôi."

Mãi sau này tôi mới biết công dân Phạm Thế Hệ đã mất cái tên khai sinh cho nhà văn Vũ Bão khét tiếng. Đến cả cái tên mình cũng chẳng tha, còn lôi ra để đặt cho những nhân vật thuộc loại thấp cổ bé họng nhất, mà không chỉ đặt một lần.

Vũ Bão cười :

- Sự trùng lặp này là lỗi của tôi : Ba truyện ngắn ấy viết ở ba thời kỳ khác nhau, nay tập hợp lại trong một cuốn sách, không kịp chữa lại.

- Thôi, chữa làm gì. Cái ông Phạm Thế Hệ chiến sĩ vô danh cũng phải được nhà văn Vũ Bão có lúc đền đáp chút ít, dù cách đền đáp chưa phải đã xuôi. Vậy còn cái bút danh Vũ Bão, nghe tếu táo lính tráng và hừng hực khí thế như bí danh thời kháng Pháp ?

- Thực ra vì mê Vũ Trọng Phụng, khi đi công tác tôi đổi tên là Vũ Thế Hệ. Sau này in những truyện ngắn đầu tiên, tôi không thích cái tên Hán Việt của mình, bèn lấy chữ Bão là cái tên rất nôm. Ngờ đâu *ông* bố tôi mắng cho một trận, *bão* hoá ra cũng vẫn là từ Hán Việt, nghĩa là *no* là *hoài bão*. Tôi định đổi bút danh một lần nữa thì cuốn *Sắp cưới* bị đánh, đổi chăng hoá ra mình sợ và tự thấy mình sai?

Cho nên vũ bão dông tố mới vận vào đời anh, một cuộc đời không bằng lặng, mà ngược xuôi như dân du mục, lênh đênh như vạn chài từ tỉnh này sang tỉnh khác, từ quê hương Thái Bình vào Thanh Hoá trở ra Hà Nam, Nam Định, đi chiến trường, từ Hội Văn nghệ Hà Nội sang Tổng cục Thể dục Thể thao rồi báo Điện ảnh.

- Trở lại bút danh Vũ Bão, chắc anh biết mấy năm gần đây có một cây bút, ký là Bão Vũ? - Ông này ở Hải Phòng, ông này mới thật tên là Vũ Bão, nhưng vướng vào tôi, đành phải lật ngược tên thật. Thời buổi người ngay sợ kẻ gian.

- Nghe nói ở Quy Nhơn Có một đường phố mang tên Vũ Bão ?

- Đấy là một liệt sĩ thời chống Mỹ ở địa phương. Lần nào tôi vào Quy Nhơn, bạn bè cũng kéo tôi đến đứng dưới cái biển phố chụp một tấm ảnh. Tôi đứng ngắm tên mình mà ngưỡng mộ.

Năm 1989, Vũ Bão bị một cơn tai biến mạch máu não, liệt nửa người. Trở dậy, lập tức *run* rẩy tập đi, đến bây giờ vẫn đi tập tễnh, lại còn lấy xe đạp đi thăm bạn bè, ngã sướt mày sướt mặt. Hỏi làm sao mà ngã, chỉ vào đầu rồi vào chân : " Đầu bảo tạt vào bên trong, nhưng chân cứ đạp, tay cứ lái xe ra giữa đường. Đấy là tình trạng trung ương bảo mà địa phương không nghe ". Anh rất sợ tiêm sợ thuốc, thế mà vợ, con trai, con dâu đều là bác sĩ. " Có một thằng què mà ba thầy thuốc. Nhiều lúc trốn được thuốc của vợ ở tầng trên, chạy xuống tầng dưới thì đã thấy con trai và con dâu chặn hai cửa, quyết *không cho chúng nó thoát* ". Ông què mà chẳng bao giờ chịu ngồi yên ở nhà, hễ có ai rủ đi chơi đi viết báo ở tận Lạng Sơn, Lao Cai, Nha Trang, Sài Gòn... là đi ngay. Một hôm vừa xong cuộc họp, có người rủ đi Trà Cổ, Vũ Bão liền gọi điện về nhà xin phép vợ cho phải phép, nhưng chị Phong đang đi thăm bệnh nhân. Anh vội quay sang bảo tôi : " Cậu về gọi điện thoại hoặc chạy

qua báo bà Phong hộ một câu, chiều mai tớ về ". Hăng hái nhiệt tình với bạn bè thế, đến khi chỉ mới dám mơ ước xây một căn nhà nhỏ cho thoát cái nhà nát ở ngõ Quỳnh thì bạn bè trong Nam ngoài Bắc người biếu kẻ cho vay, người trả công viết mấy cuốn sách truyền thống của tỉnh của ngành, xây xong cái nhà trong nửa năm. " Tiền ùn ùn đổ vào đến mức tớ phát hoảng, hay là điềm báo mình sắp chết ? ". Chị Phong chép miệng : " Vợ chồng mình mấy chục năm theo cơ quan, về hưu tay trắng, trong khi theo Phật có mấy năm thì xây được nhà. " Bản tính trào lộng bùng ra, Vũ Bão vỗ ngực : " Phật nào? Phật đây này ". Chị Phong cho một tràng xối xả : " Anh đừng có nói năng báng bổ như thế. Bao nhiêu người tài năng chẳng kém cạnh gì anh, công lao đóng góp như anh, sao bây giờ vẫn nhà rách vách nát ? Mình được thế này rõ ràng là nhờ ở Phật ". Hội thảo kết luận ở đó thì cái ông Phật là ta Phật tại tâm chỉ còn cách ngậm miệng ăn lời.

* * *

Thời đi làm mấy bộ phim hài về thể thao như *Những ngôi sao nhỏ, Phút 89* theo kịch bản của Vũ Bão, đạo diễn rất bực mình vì con gái của một nhà biên kịch, theo đoàn làm thư ký, sểnh ra là lặn khỏi trường quay, đi theo tiếng gọi nơi hoang dã. Hôm ấy vừa đầu buổi sáng đã không thấy cô ta đâu cả, đạo diễn hùng hổ nói với Vũ Bão : " Dù bố nó là bạn của ông và tôi, trưa nay nó không quay về, tôi mà không đuổi được nó thì tôi làm con chó ". Chiều tối đứa con gái nọ cũng không quay về, Vũ Bảo bảo đạo diễn : " Thôi ông ơi, đến nước này thì làm chó còn hơn là mất bạn ".

Vũ Bão nhiều bạn, giao thiệp rộng, chỉ có thêm bạn chứ không bớt đi. Nhưng có mấy người từng là bạn mà không bao giờ trở lại là bạn được nữa, mấy người bạn Văn lúc Vũ Bão lâm nguy vì cuốn *Sắp cưới* đã xông ra viết bài đánh bồi thêm. Mấy chục năm qua rồi, chuyện tưởng đã quên đi được, ở lúc xế chiều mới trở lại bực bội trong lòng. Ngòi bút hài hước châm biếm Vũ Bão chủ tâm đánh trả loại nhân vật mà ông gọi là "dũng sĩ diệt đồng đội", lúc công đồn thì sợ vãi ra quần, bỏ mặc đồng đội, nhưng khi chiến thắng thì nhảy lên cầm cờ làm người hùng tiên phong đổi mới. Truyện ngắn *Người vãi linh hồn* là một trong những truyện hay trọn vẹn của Vũ Bão bên cạnh những truyện còn ngổn ngang chất báo chí. Tập *Người vãi linh hồn* của anh đã dược dịch in ở Pháp, Sri Lanka, Mỹ, Ấn Độ.

Một loại nhân vật khác là đối tượng châm biếm của Vũ Bão, đánh mãi không mỏi tay, đó là *Phó tiến sĩ không hữu nghị*. Bằng cấp cho, danh hiệu xin từ các nước anh em tạo nên một thiểu số những người thiếu năng lực, nhiệt tâm đóng góp mà thành nhiệt tâm phá, thiện chí hữu nghị mà thành ra không hữu nghị. Ông trở đi trở lại với loại nhân vật này trong rất nhiều truyện ngắn và kho từ vựng rất dân dã cứ ngồn ngộn lên. Cái hội đồng khoa học hữu nghị của nước bạn nhốn nháo những "cụ ski, cụ in, ông ốp, ông ép, bà na, bà va", những giáo sư Átnhép, giáo sư Déplốp, giáo sư Lômcômski. Một nhân vật thích xu nịnh đi bằng đầu gối được Vũ Bão đặt cho cái tên Anđrây Xunxoe, Anđrây là tên người Nga, xun xoe tất nhiên là một từ tiếng Việt. Truyện *Lý sự người đời* có hai chuyên gia rởm viết báo tuyên truyền ăn ốc sên bổ, khi người ta đã ăn rồi thì lại bảo ốc sên độc, một người là bác sĩ Văn Đình Điển, một người là phó tiến sĩ Mai Thị Dịch - Văn Điển, Mai Dịch là tên hai cái nghĩa trang ở Hà Nội.

Hình như có lần nhà văn Tô Hoài đã ví một nhà thơ như người gánh đi hai cái bồ chữ. Tôi hình dung Vũ Bão cũng gánh hai cái bồ chữ khác nhau như thế. Bên này là bồ chữ ông thu lượm trong dân gian, có những từ ngữ thành ngữ vốn là của đường phố, Vũ Bão dùng trở nên mới mẻ cứ như ông là người đầu tiên tạo ra chúng. Đấy là người *vãi linh hồn*. Đấy là *phó tiến sĩ hữu nghị*. *Bút bi hết mực* là chỉ những người sức cùng lực kiệt, lực bất tòng tâm, *Nhà trẻ không có bô* chỉ những cơ quan là chỗ cho cán bộ gửi con cái mình vào, những cậu ấm cô chiêu đã tự đi vào toilet được nên "nhà trẻ" không cần bô.

Bồ chữ bên kia của Vũ Bão là những ngôn từ quen dùng của báo chí, của công chức văn phòng, của biên bản, nghị quyết. Nhớ ngày nào trong thư viện của chị Bích Hà ở Hội Nhà văn, lần đầu tiên tôi giở bản *Sắp cưới* in năm 1957, không khỏi bật cười bắt gặp bức thư của cặp trai gái viết cho nhau mà cuối thư là câu "chào thân ái và quyết thắng". Vũ Bão có cái lý của ông, hình như dân mình quen ăn nói bằng thứ ngôn ngữ do hệ thống thông tin đại chúng truyền bá hàng ngày. Những *tiền đồn,* những *cuộc đấu tranh ai thắng ai, giang sơn gấm vóc,* những *vĩ mô vi mô...* Những ngôn từ khuôn mẫu, to tát và hoa mỹ được ông dùng lại bỗng nhiên trở thành ngôn ngữ trào lộng.

- Nhưng cũng phải thận trọng với loại ngôn ngữ này, cũng như phải thận trọng khi dùng tiếng lóng là những thứ không bền vững, nhanh thay đổi - Tôi nói - Anh nhớ lại văn xuôi những năm ba mươi bốn mươi thì rõ, ngôn ngữ thời cuộc và thời điểm được dùng, ở chỗ nào thì người đọc hôm nay thấy chỗ ấy ngô nghê tức cười. Riêng ông Nam Cao tránh được thứ ngôn ngữ này, văn ông cứ như của người thời nay vậy.

- Tôi là anh viết báo, sục sạo nhiều trong công văn nghị quyết, nghiền ngẫm nhiều về nó đến mức nó ngấm vào mình, mình trơn tru nói ra như người nhập đồng.

Chất báo chí thì đã hẳn. Vũ Bão thừa nhận vốn xuất thân là anh làm báo, mười lăm tuổi đã làm chủ nhiệm tờ báo của thiếu niên tiền phong thị xã Thanh Hoá. "Từ anh nhà báo phấn đấu thành nhà văn. Đến khi thành nhà văn rồi, về hưu lại phấn đấu trở thành nhà báo để kiếm sống". Kỳ họp quốc hội nào cũng xin một cái *thẻ* đến dự như phóng viên báo chí.

Bạn bè nhìn thấy trên truyền hình Vũ Bão đóng bộ chỉnh tề ngồi nghe nghiêm chỉnh, gọi điện hỏi ông đại biểu của tỉnh nào. " Không biết à, đại biểu của xóm liều Thanh Nhàn nhà tôi từ lâu rồi ". Ai gọi đi viết là đi liền. Báo nào nhờ viết cũng viết ngay. Nhiều truyện ngắn của Vũ Bão đầy chất báo, được viết như viết một bài báo. Còn nhiều bài báo lại in đầy dấu tích của người viết văn, có thân phận, có cá tính và sự phát triển tính cách. Những bài báo sinh động, hóm hỉnh, có khi bản báo quên đề tên tác giả, người đọc vẫn biết là của Vũ Bão. Ông viết rất duyên về cái siêu thị đầu tiên của Hà Nội ở chợ Hôm, về số phận thăng trầm xuyên qua thế kỷ của bách hoá tổng hợp Tràng Tiền. Về đoạn đường trũng mưa một trận đầu mùa là ngập lụt, ông kể chuyện thời Pháp ở một cửa hàng đồng hồ có mô hình con cò ngậm một chiếc đồng hồ chốc chốc lại cúi cổ nhúng đồng hồ vào bình nước để chứng tỏ đồng hồ không thấm nước. Rồi ông vận vào đoạn đường ngập nước nọ mà cho rằng ông trời thấy có nhiều hàng rởm nên lâu lâu cho một trận mưa để dân Thanh Nhàn nhúng giày khủng bố, dép da, dép rọ,

cả xe gắn máy nữa, mà thử chất lượng... Đọc những bài báo ấy, vui thì vui thật, vui nhất là đi qua đoạn đường trũng Thanh Nhàn thấy nó đã được tôn cao, nhưng cũng lo cho Vũ Bão. Quỹ thời gian của ông không còn dư dật lắm đâu, sao không chuyên tâm viết văn ? Đọc cuốn hồi ký của Tô Hoài, tôi bèn đi xúi bẩy hai người viết hồi ký, Ma Văn Kháng là một, Vũ Bão là hai. Vũ Bão giơ hai tay như đầu hàng, chịu thua không tranh cãi :

- Xin tuân lệnh, nhưng thủ trưởng cũng đừng sốt ruột

- Nhưng mà phải tăng tốc lên. Giọng văn hồi ký hài hước cũng được, nhưng hễ động đến người đã đánh mình ngày xưa thì giọng đừng có đùng đùng thiên lôi. Những người ấy cũng đầy nỗi niềm và cũng sám hối từ lâu rồi.

Vũ Bão cười :

- Thời buổi ấy nó thế. Tay phải chém vào tay trái ấy mà.

Ào ào cáu kỉnh một lúc rồi lại ào ào cười. Rồi một chàng trai hai mươi tuổi trong câu lạc bộ văn học trẻ đến đèo ông đi dự sinh hoạt hàng tháng. Vũ Bão là người đỡ đầu cho câu lạc bộ; rất chịu khó ngồi nghe các đại thi hào đại văn hào tương lai đọc thơ, đọc văn xuôi, rồi viết nhận xét cẩn thận và trân trọng. Hình như ở tuổi ông ít có nhà văn nào có thể chơi thường xuyên, chơi bền vững với những người viết trẻ, được họ kính trọng và trêu đùa ngang hàng như vậy. Một lần nể ông lắm tôi mới nhận lời đến nói chuyện với câu lạc bộ, tôi chưa bao giờ xuất hiện ở nơi đông người say văn chương như vậy. Nhưng tiếp xúc với các bạn trẻ hôm ấy, tôi thấy Vũ Bão có lý vì đã đánh bạn thường xuyên với họ. Tôi kể chuyện này với nhà văn Trần Hoàng Bách, anh bảo : Ông Vũ Bão chơi với trẻ con đã thành truyền thống. Cách đây hơn ba chục năm, ngày tiễn tớ đi bộ đội, ông ấy cũng kéo một câu lạc bộ như thế đến, đọc thơ *Anh Bách ơi anh đã đi rồi*."

Tôi cũng ở tuổi hai mươi khi đem tặng nhà văn Vũ Bão nồng danh khét tiếng những cuốn sách đầu tiên. Sau vài ngày bao giờ cũng nhận được một lá thư dài gửi đến cơ quan, ghi rõ to ở phong bì gửi nhà văn Hồ Anh Thái, hồi ấy tôi rất ngại bị đồng nghiệp ở công sở gọi là nhà văn. Nhưng đọc những dòng nhận xét chân tình của Vũ Bão thì bình tĩnh lại. Tôi đến chơi nhà, ông nhắc con trai gọi tôi bằng chú. Tôi ngượng ngùng phản đối thì ông bảo : " Bạn của bố, con phải gọi bằng *chú* là đúng ". Cái ông nói năng viết lách trào lộng không kiêng dè hoá ra cũng rất gia trưởng. . .

Đến đây mới chợt nghĩ, một người có công đào tạo nhiều lớp nhà văn trẻ ở Hà Nội như Vũ Bão, một người là thành viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam mà được các cây bút trẻ hôm nay chịu cho nhập hội và cư xử ngang hàng phải lứa, sao lại không được mời dự những hội nghị nhà văn trẻ toàn quốc nhiều năm qua nhỉ ?

Vũ Bão lại cười :

- Các nhà văn đầu râu tóc bạc phải đặt lại câu hỏi mới đúng : Vì sao họ không được chúng tớ mời vào câu lạc bộ văn học trẻ ?

Hồ Anh Thái

Trích : ***Họ trở thành nhân vật của tôi*** ;
Nxb Thanh Niên ; Hà Nội 2000.

Tin Văn Hoá

Lễ hội kén rể

Sau gần 60 năm đứt đoạn, ngày 15-03-02 (tức ngày 2-2 âm lịch), tại làng Đường Yên, Cổ Loa, đã diễn ra Lễ hội kén rể, một lễ hội lịch sử có từ thời Hai Bà Trưng, với nhiều cuộc thi dân gian kỳ lạ. Chàng trai thắng cuộc sẽ được sánh duyên cùng cô gái đẹp nhất làng. Xưa kia, lễ hội diễn ra tại Đường Yên trang, tổng Cổ Loa, Đông Ngàn chí, vào ngày 2-2 âm lịch, các chàng trai chưa vợ, không kể giàu nghèo đều có quyền tham dự. Họ sẽ được thử thách bởi những cuộc thi khá lạ lùng : từ đấu kiếm, múa võ, cày ruộng, câu ếch, bắt chạch trong chum, đến chọc chó kêu bằng cẳng riềng. Chàng trai thắng cuộc sẽ được sánh duyên cùng cô gái đẹp nhất làng Yên trong suốt ngày hội, trước bao ánh mắt ngưỡng mộ của các cô gái trong vùng. Tất nhiên, sau đó, mối duyên tình của họ có thành trăm năm hay không, thì dân làng để cho cả hai tự quyết định. Lễ hội cuối cùng đã diễn ra vào năm 1945. Sau đó là những năm chiến tranh và cuộc sống với bao lo lắng mưu sinh, khiến không còn ai chú ý đến ngày hội kỳ lạ đó nữa. Nó đã bị rơi vào quên lãng, cho đến ngày một chàng sinh viên làm luận văn tốt nghiệp đã tình cờ phát hiện ra một bản chép cổ xưa nói về ngày hội đặc biệt này. Thì ra, lễ hội có nguồn gốc từ việc kén rể cho bà Lê Hai, một nữ tướng tài ba của Hai Bà Trưng. Bản thần phả – từ mà dân làng trân trọng gọi bản chép tay đó – kể rằng sau khi giải phóng được 65 thành trì bị giặc chiếm, bà Lê Hai được phong làm Nữ Sử Anh Phong và trở về sống tại Đường Yên trang. Vì bà nổi tiếng xinh đẹp nên có rất nhiều chàng trai đến cầu hôn. Vậy là thánh mẫu – mẹ của bà – phải tổ chức cuộc thi lớn để chọn ra một phu quân cho con gái mình, vừa để duy trì nòi giống của tổ tiên, vừa để phát động phong trào cày cấy ở địa phương và huấn luyện binh mã, chuẩn bị cho những trận đánh sau này. Vậy là quá khứ đã được ghép nối với hiện tại, những người dân của Đường Yên trang xưa, nay là làng Yên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh, đã cố gắng khôi phục lại ngày hội của mình. Họ đã mời những cụ cao tuổi nhất trong làng ra sân đình, chắp nối từng câu hò vè, từng tình tiết các trò chơi xưa, để tổng hợp thành kịch bản cho đám trai, gái trong làng vừa tập vừa chỉnh sửa. Cụ Nga, một lão bà hơn 90 tuổi, người xưa kia đã từng được chọn vào vai nữ Thánh, nói : " *Bây giờ thì tôi không phải lo rằng khi chúng tôi mất đi, cái lễ hội này cũng đi theo luôn !* " (Thuỳ Dương, Gia đình &Xã hội, số 23, 19-22/03/02)

Tin ngắn

* Dàn nhạc Jazz Baden - Wuerttemberg (CHLB Đức) đã biểu diễn tại Nhà hát lớn Hà Nội đêm 26-03-02. Đây là một dàn nhạc nổi tiếng tại Đức, gồm khoảng 30 nghệ sĩ ở tuổi "U25". Jazz band trẻ trung này từng lưu diễn tại hơn 20 quốc gia, đây là lần đầu tiên họ đặt chân tới Việt Nam. Giá vé ở Nhà hát lớn khá đắt : 80 000đ, 100 000đ, 120 000đ /vé, nên khó đáp ứng được sự mong mỏi của học sinh, sinh viên. Vì thế Viện Goethe HN có tổ chức thêm một buổi vào tối 25-03 tại phòng hoà nhạc-Nhạc viện HN với giá bình dân : 15 000đ/vé.

Nguyễn Dư

Giới thiệu một kho ảnh Việt Nam

(1920-1930)

Cách đây gần 20 năm, tôi được ông anh giới thiệu một gia đình người Pháp đang sống ở làng Ambialet, gần tỉnh Albi. Ông anh cho biết là gia đình này còn giữ được nhiều đồ cổ và hình ảnh Việt Nam

Tôi liên lạc xin gặp cụ Simone Peyrin.

Cụ Simone và anh con trai Yvon tiếp tôi trong căn phòng khách ấm cúng. Giữa phòng kê bộ *salon* Việt Nam bằng gỗ gụ chạm trổ hoa lá, cành nho quấn lượn quanh dơi nai. Trên vách phía trước treo một tấm trướng bằng lụa thêu, màu sắc vui tươi, hoa văn và chim muông viền xung quanh mấy đại tự. Phía đối diện kê chiếc tủ kính dài đựng chén đĩa, bên trên tủ là bộ chuông, khánh bằng đồng. Cạnh tủ dựng một chiếc mâm đồng rất to chạm trổ li ti, chiếc chân đèn được đục đẽo tỉ mỉ thẳng từ một thân cây, không ghép nối v.v. Chúng tôi chuyện trò thân mật. Cụ Simone tỉ tê kể lại những kỉ niệm thời thanh xuân sống ở Việt Nam, bên cạnh chồng là ông Charles Peyrin...

Charles Peyrin sinh năm 1895 trong một gia đình nhà binh. Cha và chú ông là sĩ quan quân đội. Lớn lên ông cũng tình nguyện phục vụ nhà binh, tham dự đại chiến lần thứ nhất tại chiến trường đông bắc nước Pháp.

Năm 1920 ông được gửi sang Việt Nam.

Tại Việt Nam, Charles Peyrin được giao trách nhiệm đi chụp ảnh cho cơ quan vẽ bản đồ (*service de cartographie*). Trong mấy năm liền, ông có dịp đi rất nhiều nơi, từ vùng Việt Bắc vào tới miền Nam. Ông đã từng cư trú tại Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Lai Châu, Nha Trang, Tây Nguyên, Sài Gòn, Mỹ Tho, vùng biên giới Cao Miên v.v. Tới đâu ông cũng chụp rất nhiều ảnh, chụp cho cơ quan và chụp riêng cho chính mình.

Năm 1925, Charles Peyrin trở về Pháp, lấy cô Simone. Năm 1926 cặp vợ chồng trẻ cùng trở lại Việt Nam. Ông tiếp tục công việc cũ. Ông bà sinh người con trai đầu lòng Marcel-Paul tại Hà Nội. Cuối năm 1933, quan ba (*capitaine*) Charles Peyrin cùng vợ con hồi hương. Về Pháp, Ông tiếp tục phục vụ nhà binh cho đến ngày về hưu. Ông bà sinh thêm người con trai Yvon.

Charles Peyrin mất năm 1972, chôn tại làng Ambialet.

Kho ảnh tư của Charles Peyrin, nói đúng hơn là kho âm bản bằng kính, có khoảng hơn 1000 tấm. Ảnh chụp tại Việt Nam chiếm độ hai phần ba. Ngoài mấy chục tấm chụp cỡ lớn (9x12 cm và 13x18 cm) phần còn lại là cỡ 6x6 cm. Điểm đặc biệt của bộ âm bản này là được chụp bằng máy ảnh được trang bị 2 ống kính. Mỗi tấm kính 6x13 cm được chụp và tráng ra thành 2 âm bản 6x6 cm tương ứng với góc nhìn của mắt phải và mắt trái. Cho vào máy đặc biệt, soi lên sẽ thấy hình nổi *(stéréo)*.

Toàn bộ số âm bản của Charles Peyrin chụp và tráng tại Việt Nam này chưa hề được rửa ra giấy lần nào. Chúng ngủ im hơn 50 năm trong mấy cái hộp ẩm mốc, bụi bặm. Một số bắt đầu bị tróc, bị rách. Có vài tấm bị vỡ, sứt mẻ. Tất cả bị bỏ quên trong một xó gác xép.

Phố Hàng Đào

Lần trước gặp cụ Simone tôi e ngại không dám mượn nhiều. Chính cụ cũng hơi lúng túng và kín đáo tỏ ý không muốn cho mượn những tấm chụp cộng đồng người Pháp vì *không hay ho, bổ ích gì đối với người Việt Nam*. Tôi không kèo nài và chỉ lựa nhanh được khoảng hơn 100 tấm âm bản.

Lúc bắt tay vào rửa ảnh, câu hỏi đầu tiên được đặt ra là ảnh nên phóng lớn cỡ nào ? Rửa thử vài tấm thì nhận ra rằng máy ảnh thời đầu thế kỉ 20 còn thô sơ, chưa có các bộ phận đo ngắm chính xác. Nhiều máy không có điều chỉnh vận tốc hoặc nếu có thì cũng chỉ có một hai vận tốc chậm. Độ nhạy của *émulsion orthochromatique* (Lumière, Agfa, Aschrom, Guilleminot) cũng rất bị giới hạn. Trong điều kiện khó khăn như vậy mà chụp được một tấm ảnh có bố cục cân đối, đường nét rõ ràng, sắc độ tương phản trung bình, thì ngoài tài của nhiếp ảnh gia còn phải trông cậy một phần vào may mắn. Ngược lại, bố cục lệch lạc, đường nét chao mờ, sắc độ đậm nhạt quá đáng thường hay xảy ra. Hậu quả dễ hiểu là ảnh hình vuông thường có bố cục lỏng lẻo. Tôi quyết định cắt bỏ những chỗ trống rỗng. Ảnh hình chữ nhật có bố cục chặt chẽ, hài hoà hơn. Điều cốt yếu là nội dung tuyệt đối không bị thay đổi.

Tôi chọn khổ giấy 24x30 cm gần giống hình vuông. Vừa đủ lớn mà không quá cồng kềnh, tốn kém. Giấy tốt, thuốc hay, tay quen, nên khâu rửa ảnh ra giấy tương đối nhanh. Nói là nhanh nhưng cũng phải mất cho mỗi tấm khoảng nửa giờ loay hoay rửa thử vì chất lượng các tấm âm bản rất chênh lệch nhau. Tấm thì mờ nhạt, tấm thì đen kịt. Khâu tu sửa ảnh mới đòi hỏi nhiều thời gian vì hầu như tấm âm bản nào cũng bị mốc, trầy xước, có vết tay. Trung bình mỗi tấm ảnh cần độ vài giờ trang điểm,

Gánh nước

tẩy xoá, nhưng thỉnh thoảng gặp tấm " *bỏ thì thương, vương thì tội* ", hư hỏng nhiều quá, thì phải mất một hai ngày mới xong.

Tôi bỏ ra vài tháng lau chùi, rửa và tu sửa xong hơn 100 tấm ảnh. Ảnh được đem đi trưng bày triển lãm ba lần, cho bạn bè Pháp mượn dùng làm tài liệu thảo luận, trình bày về đề tài *Thực dân Pháp tại Việt Nam*.

Thế rồi bẵng đi một thời gian tôi không để ý đến kho ảnh Charles Peyrin nữa. 100 tấm cũng tạm đủ ! Mới đây, năm 2000, nhân dịp trao đổi với mấy người bạn thì được biết dường như tại Việt Nam đang có nhu cầu tìm kiếm những hình ảnh ngày xưa.

Tôi sực nhớ đến cụ Simone...

Lần gặp gỡ này vắng mặt cụ Simone, cụ mất rồi. Yvon vui vẻ tán thành ngay ý muốn khai thác hết kho ảnh của tôi. Cảm động hơn nữa là Yvon khoán trắng toàn bộ số âm bản cho tôi. *Muốn làm gì thì làm*. Tôi cám ơn sự tin cậy của Yvon bằng lời hứa sẽ *làm sống lại những kỉ niệm* của ông bà Peyrin. Tôi hồi hộp chở về nhà một hòm cộng thêm mấy hộp lớn chứa đầy những hình ảnh Việt Nam !

So với kho ảnh của Albert Kahn (*Villages et villageois au Tonkin*, Conseil général des Hauts de Seine, 1986), hay của Pierre Dieulefils (Thierry Vincent, *Pierre Dieulefils*,1998) và một số bưu ảnh ngày xưa (Jean Noury, *L'Indochine avant l'ouragan*, 1984) thì kho ảnh của Charles Peyrin chiếm một vị trí khá đặc biệt, bổ túc cho những kho ảnh kia. Với tư cách là một sĩ quan đi chụp ảnh cho nhà binh ông được tiếp xúc dễ dàng với các quan chức thực dân, lui tới những nơi mà không phải ai cũng tới được. Lúc rảnh rỗi, ông lại là một người chụp ảnh nghiệp dư giàu kinh nghiệm, say mê ghi lại những sinh hoạt của dân thường bản xứ và của cộng đồng thực dân Pháp.

Những người đi tìm kiếm tài liệu ngày xưa sẽ gặp lại vài khu phố Hà Nội, cảnh quan xung quanh hồ Hoàn Kiếm. Thấy được cầu Long Biên, bến cảng Hải Phòng, Sài Gòn. Nhiều làng quê, nhiều sắc dân miền núi... Múa rồng, rước thánh, chọi trâu, hội tây... Người viết sử tìm được mộ Francis Garnier và một số nhân vật khác của thời kì Pháp đi xâm chiếm thuộc địa.

Vật đổi sao dời.

Nhìn đống âm bản hư hỏng đôi lúc băn khoăn, lưỡng lự. Nhưng rồi lại tự động viên tinh thần cố tiếp tục làm cho xong. Bù lại, có những giây phút được bay nhảy, thả hồn theo đồi núi trập trùng mây khói. Nhớ những nương chiều, nhớ sông nước mênh mông văng vẳng tiếng hát sông Lô, sông Thao. Qua đèo vượt suối, ghé thăm bản làng, quê nghèo lam lũ. Cũng có lúc phải nén cơn xúc động, bụng bảo dạ đừng nghĩ đến cảnh trước mắt, cứ cố làm cho đẹp, cho xong tấm ảnh.

Con đường thiên lí dài hun hút nhưng đã thấy thấp thoáng lũy tre quê nhà. Mai đây chúng ta sẽ có một kho ảnh khá quan trọng mang dấu tích Việt Nam hồi đầu thế kỉ 20.

Thật là lẩm cẩm. Trong lúc mọi người đổi mới thì mình lại đi bới cái cũ. Chả hiểu tại sao, chả biết để làm gì ?

Mình đang ôm trong tay dấu vết của một thời nên quên hay hình bóng của một thời phải nhớ ?

Mong rằng những kỉ niệm, những hình ảnh này sẽ đến được với nhiều người Việt Nam đang sống trong nước hay đang lưu lạc khắp năm châu.

Nguyễn Dư
(Lyon, 3/02)
dunguyen@voila.fr

Diễn Đàn *Forum*

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 5 €

Địa chỉ bưu điện:
BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)
Địa chỉ điện tử (E-mail):
diendan@wanadoo.fr
http://perso.wanadoo.fr/diendan

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...); hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)